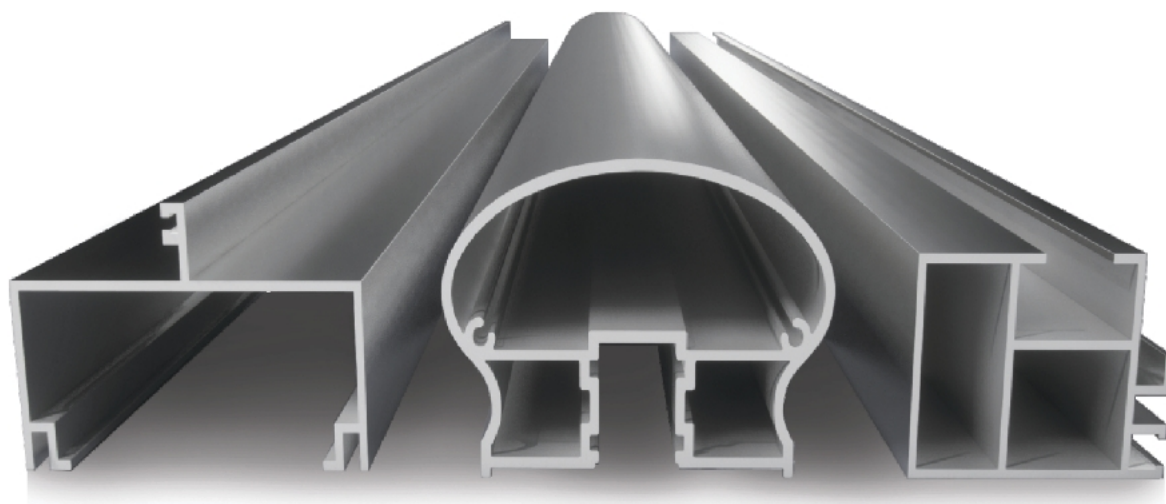




VAN XUAN THANH
ALUMINIUM CO.,LTD



CATALOG
FACTORY

NHÀ MÁY NHÔM VẠN XUÂN THÀNH





VAN XUAN THANH
ALUMINIUM CO., LTD

Premium Aluminium profile by **VAN XUAN THANH**





MỤC LỤC

THÔNG TIN	TRANG
Giới Thiệu	03
Mục Tiêu & Sứ Mệnh	04
Quy Trình & Dây chuyền Sản Xuất	05
Năng Lực Sản Xuất	07
Xử Lý Bề Mặt & Màu Sắc	09
Thành Phần Hoá Học & Ưu Điểm Sản Phẩm	10
Chứng Chỉ - Chứng Nhận	11
THƯ VIỆN SẢN PHẨM	
VXT - Hệ 55	15
VXT - Hệ Khung Bao Gép Nối Tường 100 - 200 Phào Chỉ	35
VXT - Hệ 93	39
VXT - Hệ Vát Cạnh 55	45
VXT - Hệ MD	47
VXT - Hệ 63	50
VXT - Hệ Thủy Lực	52
VXT - Hệ Slim	55
VXT - Hệ Trượt Mở 800	59
VXT - Hệ Cánh Kính + Hệ Tay Vịn	62
VXT - Hệ Chấn Song Bảo Vệ	65
VXT - Hệ Cửa Erc - Tấm Tổ Ong Vxt	69
VXT - Hệ Cửa Sổ Lùa VXT 888	71
VXT - Hệ Cửa 700	74
VXT - Hệ Cửa Lùa 76	77
VXT - Hệ Cửa Sổ Lùa 500	79
VXT - Hệ Tủ Kệ	80
VXT - Nhôm Hộp - UV	81



GIỚI THIỆU

Hơn một thập kỷ kiến tạo và phát triển – Nhôm Vạn Xuân Thành đã khẳng định là một trong những đơn vị hàng đầu tại Việt Nam về sản xuất và cung ứng sản phẩm Nhôm billet, Nhôm Công nghiệp, Nhôm thanh định hình.

Với tầm nhìn và sứ mệnh mang sản phẩm Nhôm với chất lượng theo tiêu chuẩn đáp ứng tối ưu nhu cầu của khách hàng trong các ngành công nghiệp ô tô, điện năng, xây dựng, .. với đa dạng các hệ như Cửa Xingfa, vách ngăn, cửa cuốn, tủ, khung lọc gió.. với độ bền cao, thẩm mỹ tinh tế và thích hợp với khí hậu.

Với nguồn nguyên liệu chuẩn nhập khẩu trực tiếp từ các đối tác quốc tế uy tín đến quy trình sản xuất khép kín, được kiểm tra, kiểm soát nghiêm ngặt theo chuẩn quốc tế. Chế độ bảo hành dài hạn, xử lý kỹ thuật chuyên nghiệp, tối ưu hóa nhu cầu của khách hàng về hệ nhôm, màu sắc.

Nhờ sự kết hợp hài hòa giữa mẫu mã đa dạng và giá thành cạnh tranh, định hướng rõ ràng, trách nhiệm với cộng đồng... Nhôm Vạn Xuân Thành nhanh chóng tạo dựng được thương hiệu bền vững, trở thành dòng sản phẩm được ưa chuộng cho các công trình từ dân dụng đến công nghiệp và các công trình trọng điểm quốc gia.

Lấy chất lượng khẳng định vị thế, lấy chữ Tâm - Tín để định hướng phát triển. Nhôm Vạn Xuân Thành sẽ đồng hành, tạo dựng giá trị cùng quý khách hàng. Đóng góp vào sự phát triển của ngành Công nghiệp Nhôm tại Việt Nam, vươn tầm Quốc tế.



MỤC TIÊU & SỨ MỆNH



SỨ MỆNH

Với vị thế Công nghệ tiên phong kiến tạo những sản phẩm Nhôm ứng dụng chất lượng vượt trội, thẩm mỹ tinh tế, đáp ứng đa dạng nhu cầu của thị trường trong nước và quốc tế. Đồng hành cùng sự phát triển của đối tác và khách hàng, góp phần nâng tầm vị thế ngành Công nghiệp Nhôm Việt Nam trên bản đồ thế giới.

TẦM NHÌN

Trở thành biểu tượng mới của ngành công nghiệp Nhôm ứng dụng tại Việt Nam, thương hiệu uy tín toàn cầu, dẫn đầu về cập nhật đổi mới công nghệ, chất lượng sản phẩm và dịch vụ.



GIÁ TRỊ CỐT LÕI

- ◇ Chữ Tâm là kim chỉ nam trong quy trình sản xuất, trong từng sản phẩm và dịch vụ, hành động có trách nhiệm với cộng đồng.
- ◇ Uy tín: Xây dựng thông qua chất lượng sản phẩm, dịch vụ. Sự hài lòng của quý khách là cách xây dựng thương hiệu thực tế và bền vững.
- ◇ Chất lượng: Không ngừng nâng cao chất lượng sản phẩm Nhôm có độ bền vượt trội, thẩm mỹ tinh tế và dịch vụ hoàn hảo.
- ◇ Hiệu quả: Tối ưu hóa mọi nguồn lực, nâng cao hiệu quả sản xuất, mang lại lợi ích cho khách hàng với hiệu suất cao nhất.
- ◇ Đổi mới: Sáng tạo, ứng dụng công nghệ tiên tiến để tạo ra những sản phẩm và giải pháp Nhôm đột phá
- ◇ Phát triển bền vững: Cân bằng giữa tăng trưởng kinh tế cùng thực hiện các giải pháp bảo vệ môi trường và trách nhiệm với cộng đồng.



MỤC TIÊU

Nhôm Vạn Xuân Thành đã và đang mở rộng nhà máy sản xuất Nhôm với quy mô và công nghệ hiện đại, đảm bảo đáp ứng tối đa nhu cầu ngày càng tăng của thị trường trong nước và quốc tế. Trong những năm tới **Vạn Xuân Thành** đẩy mạnh hoạt động xuất khẩu, từng bước đưa thương hiệu Nhôm Việt ra thế giới. Góp phần quan trọng vào sự phát triển bền vững của ngành Công nghiệp Nhôm tại Việt Nam.



QUY TRÌNH VÀ DÂY CHUYỀN SẢN XUẤT



NHÔM NGUYÊN CHẤT



LÒ LUYỆN KIM



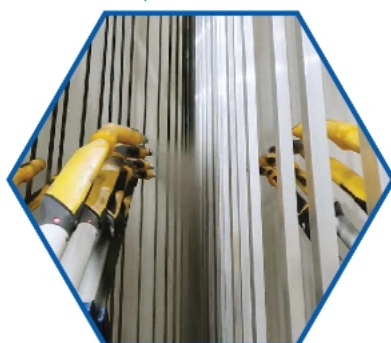
**VXT THIẾT KẾ PRO-
FILES NHÔM**



XỬ LÝ BỀ MẶT



TREO LÊN GIÀN



SƠN TĨNH ĐIỆN



XI ANODE



VAN XUAN THANH

NHÀ MÁY NHÔM VẠN XUÂN THÀNH



ĐÚC BILLET



LÒ ĐỒNG NHẤT (HOMO)



CẮT BILLET



GIA NHIỆT KHUÔN



ĐÙN



KIỂM TRA



HÓA GIÀ



CẮT THEO CHIỀU DÀI



KIỂM TRA



ĐÓNG GÓI



VẬN CHUYỂN



VAN XUAN THANH

NHÀ MÁY NHÔM VẠN XUÂN THÀNH

NĂNG LỰC SẢN XUẤT

LÒ LUYỆN KIM

2 LÒ LUYỆN
KIM NHÔM

20 tấn (3.5", 4", 4.5", 5", 6", 7", 8")



Sản lượng trung bình:
2000 - 3000 tấn/tháng

PHÒNG THÍ NGHIỆM

- Thước kẹp, thước góc, Panme
- Thiết bị đo bám dính màng sơn
- Thiết bị đo độ bóng
- Thiết bị đo độ bẻ cong
- Thiết bị phân tích nhôm
- Thiết bị thử độ cứng
- Thiết bị test độ va đập
- Thiết bị đo bề mặt sơn



XƯỞNG SƠN TĨNH ĐIỆN - VÂN GỖ

1 Hệ thống sơn tĩnh điện ngang
Sản lượng trung bình:
500 - 600 tấn/tháng

1 Hệ thống sơn tĩnh điện đứng
Sản lượng trung bình:
1000 - 2000 tấn/tháng

1 Hệ thống phủ film vân gỗ
Sản lượng trung bình:
100 - 500 tấn/tháng

XƯỞNG ANODIZED

1 Hệ thống Anodized - ED
Sản lượng trung bình:
500 tấn/tháng

XƯỞNG ĐÙN ÉP

Dây chuyền đùn ép
D102mm (4 inch)

Công suất trung bình
400 tấn/tháng

Dây chuyền đùn ép
D127mm (5 inch)

Công suất trung bình
300 tấn/tháng

Dây chuyền đùn ép
D152mm (6 inch)

Công suất trung bình
400 tấn/tháng

Dây chuyền đùn ép
D203,2mm (8 inch)

Công suất trung bình
600-800 tấn/tháng

Sản lượng trung bình
1700-1900 tấn/tháng



XỬ LÝ BỀ MẶT VÀ MÀU SẮC

SỬ LÝ BỀ MẶT

Nhà máy nhôm Vạn Xuân Thành trang bị công nghệ phun sơn hiện đại với hệ thống phun sơn tĩnh điện tự động và được chứng nhận làm hàng bảo hành từ các hãng sơn uy tín hàng đầu thế giới như: Akzonobel, Jotun, KCC...



MÀU SẮC

Sản phẩm sơn tĩnh điện nhôm Vạn Xuân Thành đa dạng các màu sắc: Trắng, xám, ghi, nâu, đen và các màu theo nhu cầu của khách hàng.

-  Đồng đều màu sắc
-  Độ bền màu tối đa
-  Thân thiện môi trường



NÂU CÀ PHÊ



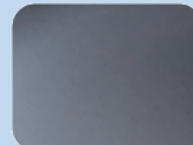
MÀU XÁM



MÀU XÁM ĐÁ



MÀU 265



MÀU ĐEN

VÂN GỖ:

-  Vẻ đẹp chân thực vân gỗ so với gỗ tự nhiên
-  Bền màu tối đa
-  Giảm chi phí bảo trì so với gỗ tự nhiên



VÂN GỖ 200



VÂN GỖ TRẮC



VÂN GỖ ĐỎ



VÂN GỖ LIM

ANODIZED:

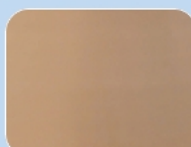
Quy trình xử lý bề mặt được thực hiện bằng phương pháp anode hóa, là quá trình sử dụng điện cực giúp sản phẩm bền màu theo thời gian có độ bóng cao và chống ăn mòn tốt.



TRẮNG BÓNG 100



MÀU NÂU 103



VÀNG BÓNG



TRẮNG MỜ N100



THÀNH PHẦN HOÁ HỌC & ƯU ĐIỂM SẢN PHẨM

THÀNH PHẦN HOÁ HỌC

Thành phần hóa học billet nhôm 6063

N.Tố	Mg	Si	Fe	Mn	Zn	Cu	Cr	Ti	Al
%	0,45-0,9	0,20-0,60	<0,35	<0,15	<0,1	<0,1	<0,1	<0,1	Còn lại

Thành phần hóa học billet nhôm 6061

N.Tố	Mg	Si	Fe	Mn	Zn	Cu	Cr	Ti	Al
%	0,8-1,2	0,40-0,80	<0,7	<0,15	<0,25	<0,15-0,4	0,04-0,35	<0,15	Còn lại

Cơ tính của hợp kim nhôm

Hợp kim nhôm	Độ bền kéo (N/mm ²)	Giới hạn chảy (N/mm ²)	Độ giãn dài (%)
6005 A T5	≥ 260	≥ 240	12%
6061 T5, T6	≥ 240	≥ 205	8%
6063 T5	≥ 148	≥ 105	8%
6082 T6	≥ 205	≥ 290	13%

ƯU ĐIỂM SẢN PHẨM





VAN XUAN THANH
ALUMINIUM CO., LTD



CHỨNG NHẬN ISO & HỢP CHUẨN

ISO & PRODUCTS CERTIFICATE

GIẤY CHỨNG NHẬN - ISO 9001:2025

**ĐƯỢC TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG 2
CÔNG NHẬN**

Hệ thống quản lý chất lượng iso 9001:2015

Hợp chuẩn và dấu hợp chuẩn TCVN

Chứng nhận quốc tế

Chứng nhận JIS H4100: 2015

Chứng nhận ASTM B221-21

[illegible]



PKL
PHÚ KIM LONG
POWDER COATINGS

*Ap Binh Tien 2, Xã Đức Hoà Hạ, H. Đức Hoà, Tỉnh Long An.
 Tel: 028.3762.4200 Fax: 028.3762.4176
 Email: ctyphukimlong@gmail.com*

CERTIFICATE OF APPLICANT

No: 1204 - PKL - 0425

Applicant: CÔNG TY TNHH MTV NHÓM VẠN XUÂN THÀNH <i>Khu phố Tân Bình, Phường Tân Hiệp, Thành phố Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam</i>	Manufacturer: CÔNG TY TNHH SX-TM-DV PHÚ KIM LONG <i>Ap Binh Tien 2, Xã Đức Hoà Hạ, Huyện Đức Hoà, Tỉnh Long An, Việt Nam</i>
---	--

This is to certify that Complies with performance standards of
 POWDER COATINGS for the projects, in accordance with technical
 specifications and application procedures. AS A APPROVED
 APPLICANT OF



FLUOROPOLYMER

(Fluoro FEVE Powder Coatings By PKL Lotus)
FLURO FEVE® POWDER COATINGS MEETS AAMA2605



APPROVED

PKL
CO., LTD
Application



Trần Long Trường
General Director
PKL Powder Coatings

Date: April 05th, 2025
*(Validity: 6 months from
 the issued date)*

Võ Minh Xuân
Technical Service Manager
PKL Powder Coatings

CHỨNG NHẬN KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG

COMMISSION FOR THE STANDARDS, METROLOGY AND QUALITY OF VIET NAM
QUALITY ASSURANCE AND TESTING CENTER 2 (QUATEST 2)

CERTIFICATE

Quality Assurance and Testing Center 2 hereby certifies that
The quality management system of
VAN XUAN THANH ALUMINIUM COMPANY LIMITED
Address: Parcel of land No 225, Cadastal Map No.16, Tân Bình Quarter, Tân Hiệp Ward,
Tân Uyên City, Bình Dương Province, Vietnam.
Has been assessed and certified to conform with the following standard:
TCVN ISO 9001:2015/ ISO 9001:2015
Certification scope:
Manufacturing and supplying of Wrought aluminium and aluminium alloys – Extruded
rods/bars, tubes and profiles.
Certificate number: **QMS124028**
Original certification date: **07/01/2022**
This certificate is valid from: **07/01/2025 to 06/01/2028**
(This certificate remains valid subject to satisfactory surveillance audits)

PP, DIRECTOR
DEPUTY DIRECTOR
Ngô Thị Như Loan

Address: No. 62 Ngã Quyền St., Sơn Tây District & No. 97 Tr. Thái N. St., Thành K. District, Hà Nội City
Tel.: (02316) 3640770; Fax: (02316) 3990604
Email: info@quatest2.gov.vn - Website: quatest2.gov.vn

ỦY BAN TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG QUỐC GIA
TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG 2

GIẤY CHỨNG NHẬN

Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng 2 chứng nhận
Hệ thống quản lý chất lượng của
CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN NHÔM VẠN XUÂN THÀNH
Địa chỉ: Thửa đất số 225, Tờ bản đồ số 16, khu phố Tân Bình, phường Tân Hiệp,
thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương, Việt Nam
Đã được đánh giá và xác nhận phù hợp với tiêu chuẩn:
TCVN ISO 9001:2015/ ISO 9001:2015
Phạm vi chứng nhận:
Sản xuất và cung cấp Nhôm và hợp kim nhôm gia công áp lực – que/thanh, ống và sản phẩm định hình ép đùn.
Số giấy chứng nhận: **QMS124028**
Ngày chứng nhận lần đầu: **07/01/2022**
Hiệu lực giấy chứng nhận từ ngày: **07/01/2025 đến hết ngày 06/01/2028**
(Hiệu lực này được duy trì khi kết quả bằng văn bản đánh giá giám sát định kỳ đạt yêu cầu)

KT, GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC
Ngô Thị Như Loan

Địa chỉ: 02 Ngã Quyền, quận Sơn Tây & 97 Tr. Thái N. St., quận Thành K., thành phố Hà Nội
Điện thoại: (02316) 3640770; Fax: (02316) 3990604
Email: info@quatest2.gov.vn - Website: quatest2.gov.vn

ỦY BAN TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG QUỐC GIA
COMMISSION FOR THE STANDARDS, METROLOGY AND QUALITY OF VIET NAM
TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG 2 (QUATEST 2)

GIẤY CHỨNG NHẬN
CERTIFICATE
Số/ No.: **12524022.2**

Chứng nhận sản phẩm/ This is to certify that:
NHÔM VÀ HỢP KIM NHÔM GIA CÔNG ÁP LỰC – QUE/THANH, ỐNG VÀ SẢN PHẨM ĐỊNH HÌNH ÉP ĐÙN/ WROUGHT ALUMINIUM AND ALUMINIUM ALLOYS – EXTRUDED RODS/BARS, TUBES AND PROFILES
(Chi tiết như Phụ lục đính kèm/ Details in the Appendix attached)
Ký hiệu nhà sản xuất/ Manufacturer sign: 
Được sản xuất tại/ Produced by:
CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN NHÔM VẠN XUÂN THÀNH/ VAN XUAN THANH ALUMINIUM COMPANY LIMITED
Địa chỉ/ Address:
Thửa đất số 225, Tờ bản đồ số 16, Khu phố Tân Bình, phường Tân Hiệp, thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương, Việt Nam/
Parcel of land No 225, Cadastal Map No.16, Tân Bình Quarter, Tân Hiệp Ward, Tân Uyên City, Bình Dương Province, Vietnam
Phù hợp với Tiêu chuẩn/ Conform to the Standard:
TCVN 12513-2:2018
VÀ ĐƯỢC SỬ DỤNG DẤU HỢP CHUẨN/
AND IS AUTHORIZED TO USE THE CONFORMITY TO STANDARDS MARK
Phương thức chứng nhận/ Certification Scheme:
Phương thức 5/ Scheme 5
(Thông tư số 28/2012/TT-BKHCN ngày 12/12/2012 và Thông tư số 02/2017/TT-BKHCN ngày 31/3/2017 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ)
(Circular No.28/2012/TT-BKHCN dated December 12, 2012 and Circular No.02/2017/TT-BKHCN dated March 31, 2017 by the Minister of the Science and Technology)
Giấy chứng nhận và Dấu hợp chuẩn có giá trị/ This Certificate and the Conformity to Standards Mark are valid:
từ/ from **07/01/2025 đến/ to 06/01/2028**
Hà Nội, ngày 07 tháng 01 năm 2025
Da Nang, January 07, 2025
KT, GIÁM ĐỐC/ PP. DIRECTOR
PHÓ GIÁM ĐỐC/ DEPUTY DIRECTOR
Ngô Thị Như Loan

TCVN 12513-2:2018
Dấu hợp chuẩn/
Conformity to Standards Mark
(*) Thông tin do khách hàng cung cấp và tự chịu trách nhiệm về quyền sở hữu.
(Customer is solely responsible for the accuracy of the information provided and its ownership.)

ỦY BAN TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG QUỐC GIA
COMMISSION FOR THE STANDARDS, METROLOGY AND QUALITY OF VIET NAM
TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG 2 (QUATEST 2)

GIẤY CHỨNG NHẬN
CERTIFICATE
Số/ No.: **12524022.1**

Chứng nhận sản phẩm/ This is to certify that:
NHÔM VÀ HỢP KIM NHÔM GIA CÔNG ÁP LỰC – QUE/THANH, ỐNG VÀ SẢN PHẨM ĐỊNH HÌNH ÉP ĐÙN/ WROUGHT ALUMINIUM AND ALUMINIUM ALLOYS – EXTRUDED RODS/BARS, TUBES AND PROFILES
(Chi tiết như Phụ lục đính kèm/ Details in the Appendix attached)
Ký hiệu nhà sản xuất/ Manufacturer sign: 
Được sản xuất tại/ Produced by:
CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN NHÔM VẠN XUÂN THÀNH/ VAN XUAN THANH ALUMINIUM COMPANY LIMITED
Địa chỉ/ Address:
Thửa đất số 225, Tờ bản đồ số 16, Khu phố Tân Bình, phường Tân Hiệp, thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương, Việt Nam/
Parcel of land No 225, Cadastal Map No.16, Tân Bình Quarter, Tân Hiệp Ward, Tân Uyên City, Bình Dương Province, Vietnam
Phù hợp với Tiêu chuẩn/ Conform to the Standard:
TCVN 12513-7:2018
VÀ ĐƯỢC SỬ DỤNG DẤU HỢP CHUẨN/
AND IS AUTHORIZED TO USE THE CONFORMITY TO STANDARDS MARK
Phương thức chứng nhận/ Certification Scheme:
Phương thức 5/ Scheme 5
(Thông tư số 28/2012/TT-BKHCN ngày 12/12/2012 và Thông tư số 02/2017/TT-BKHCN ngày 31/3/2017 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ)
(Circular No.28/2012/TT-BKHCN dated December 12, 2012 and Circular No.02/2017/TT-BKHCN dated March 31, 2017 by the Minister of the Science and Technology)
Giấy chứng nhận và Dấu hợp chuẩn có giá trị/ This Certificate and the Conformity to Standards Mark are valid:
từ/ from **07/01/2025 đến/ to 06/01/2028**
Hà Nội, ngày 07 tháng 01 năm 2025
Da Nang, January 07, 2025
KT, GIÁM ĐỐC/ PP. DIRECTOR
PHÓ GIÁM ĐỐC/ DEPUTY DIRECTOR
Ngô Thị Như Loan

TCVN 12513-7:2018
Dấu hợp chuẩn/
Conformity to Standards Mark
(*) Thông tin do khách hàng cung cấp và tự chịu trách nhiệm về quyền sở hữu.
(Customer is solely responsible for the accuracy of the information provided and its ownership.)



CHỨNG NHẬN QUỐC TẾ



Chứng nhận JIS H4100: 2015



Chứng nhận ASTM B221-21

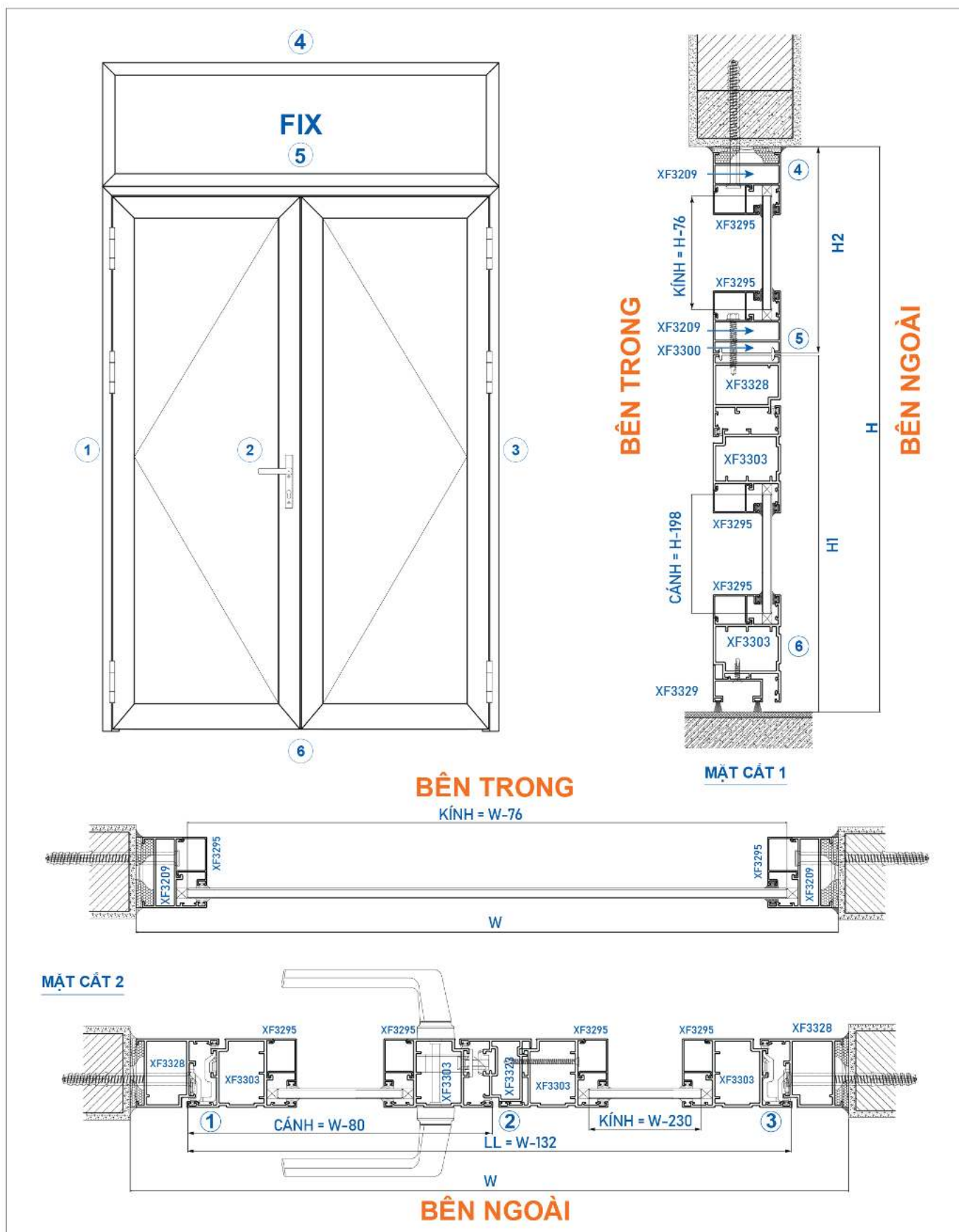


HỆ 55

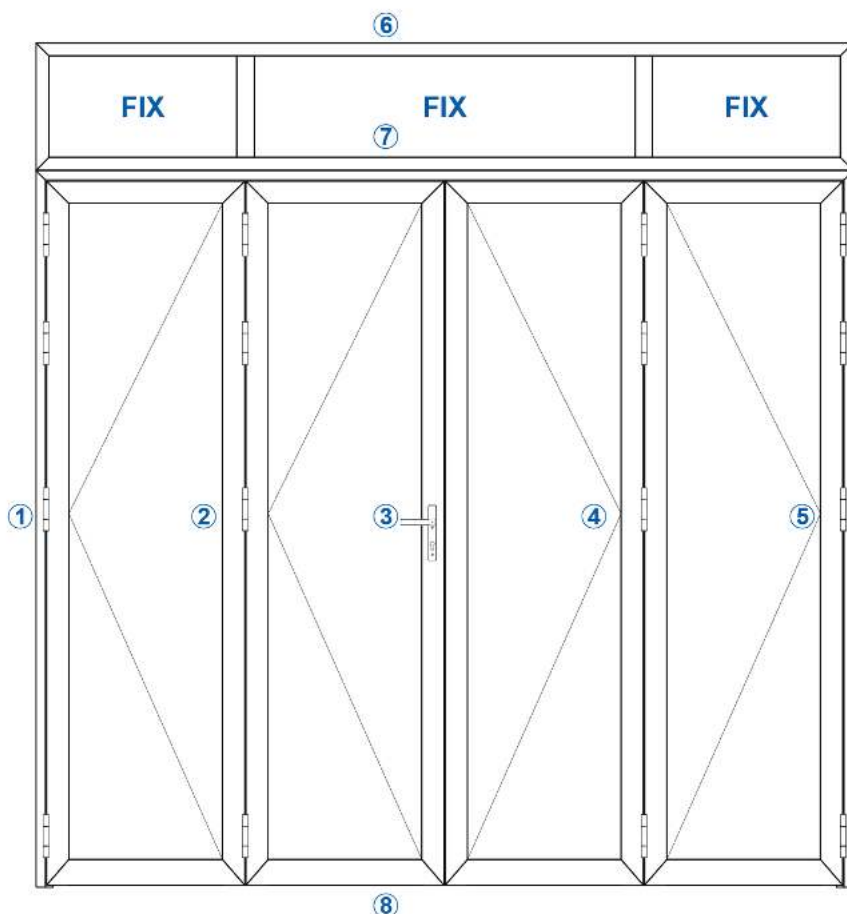
CỬA ĐI | CỬA SỐ | MỞ QUAY



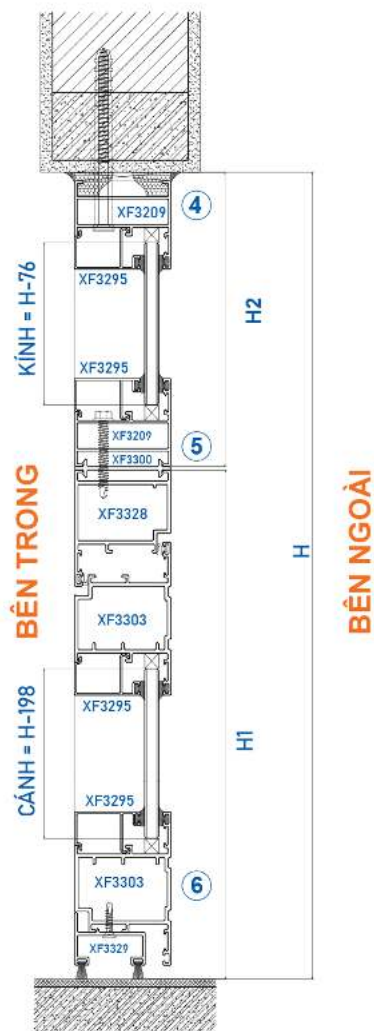
CỬA ĐI 2 CÁNH MỞ NGOÀI CÓ FIX HỆ 55



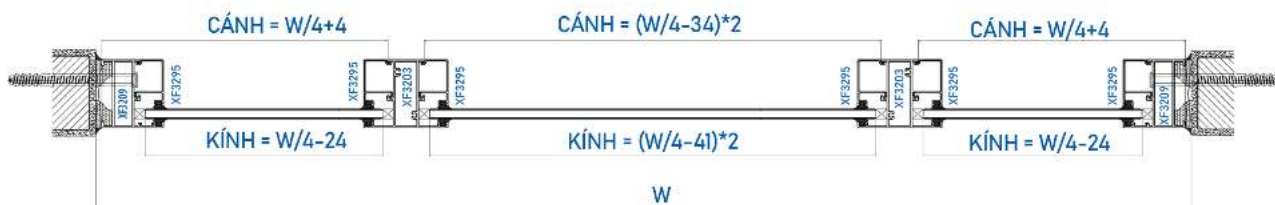
CỬA ĐI 4 CÁCH MỞ NGOÀI CÓ FIX HỆ 55



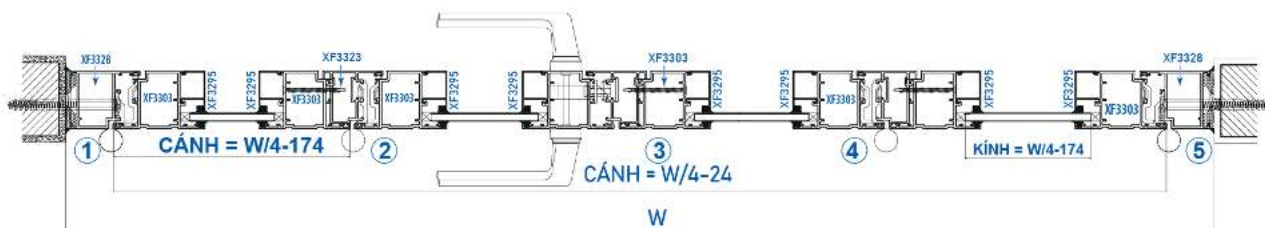
BÊN TRONG



MẶT CẮT 1

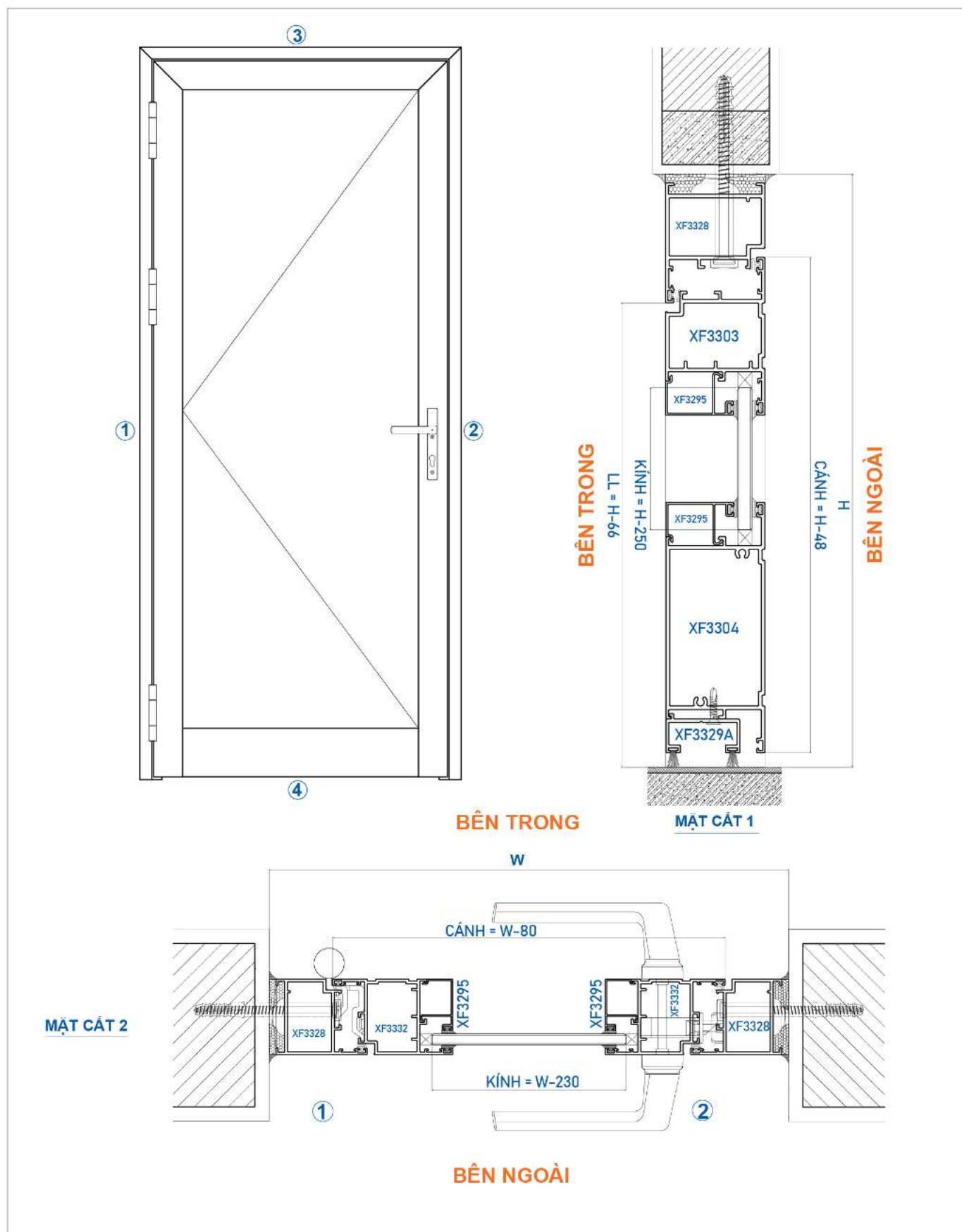


MẶT CẮT 2

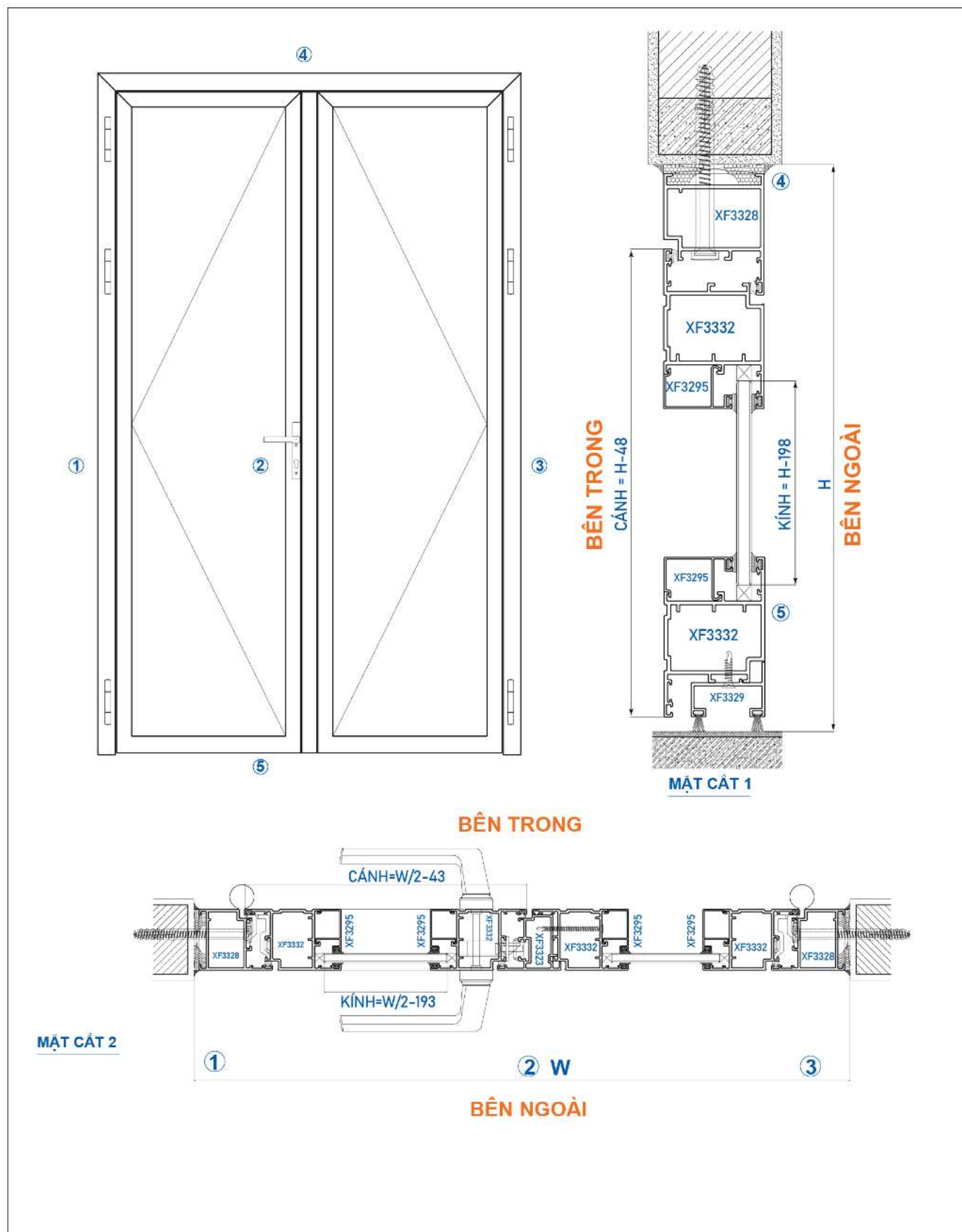


BÊN NGOÀI

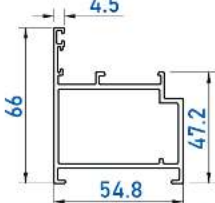
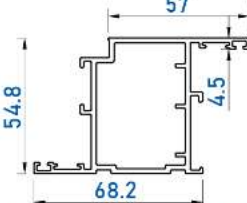
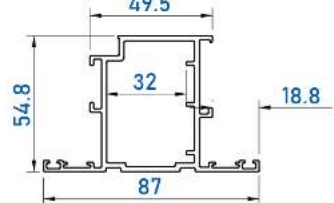
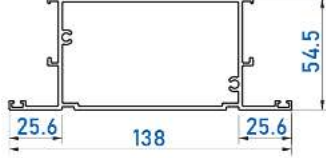
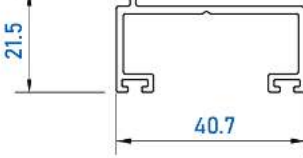
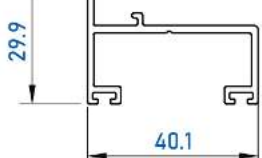
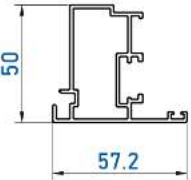
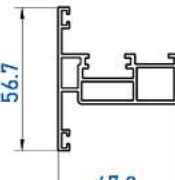
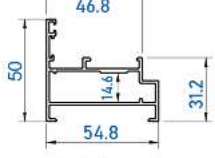
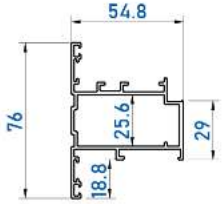
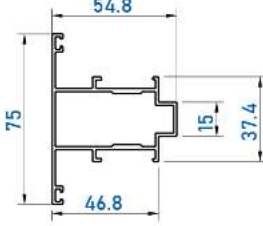
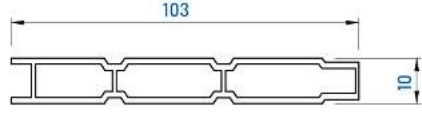
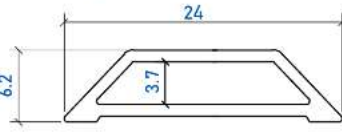
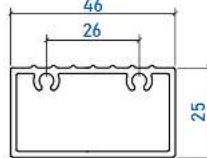
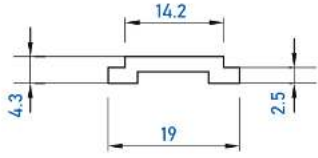
CỬA ĐI NGANG CÁNH DƯỚI HỆ 55



CỬA ĐI 2 CÁNH MỞ TRONG HỆ 55



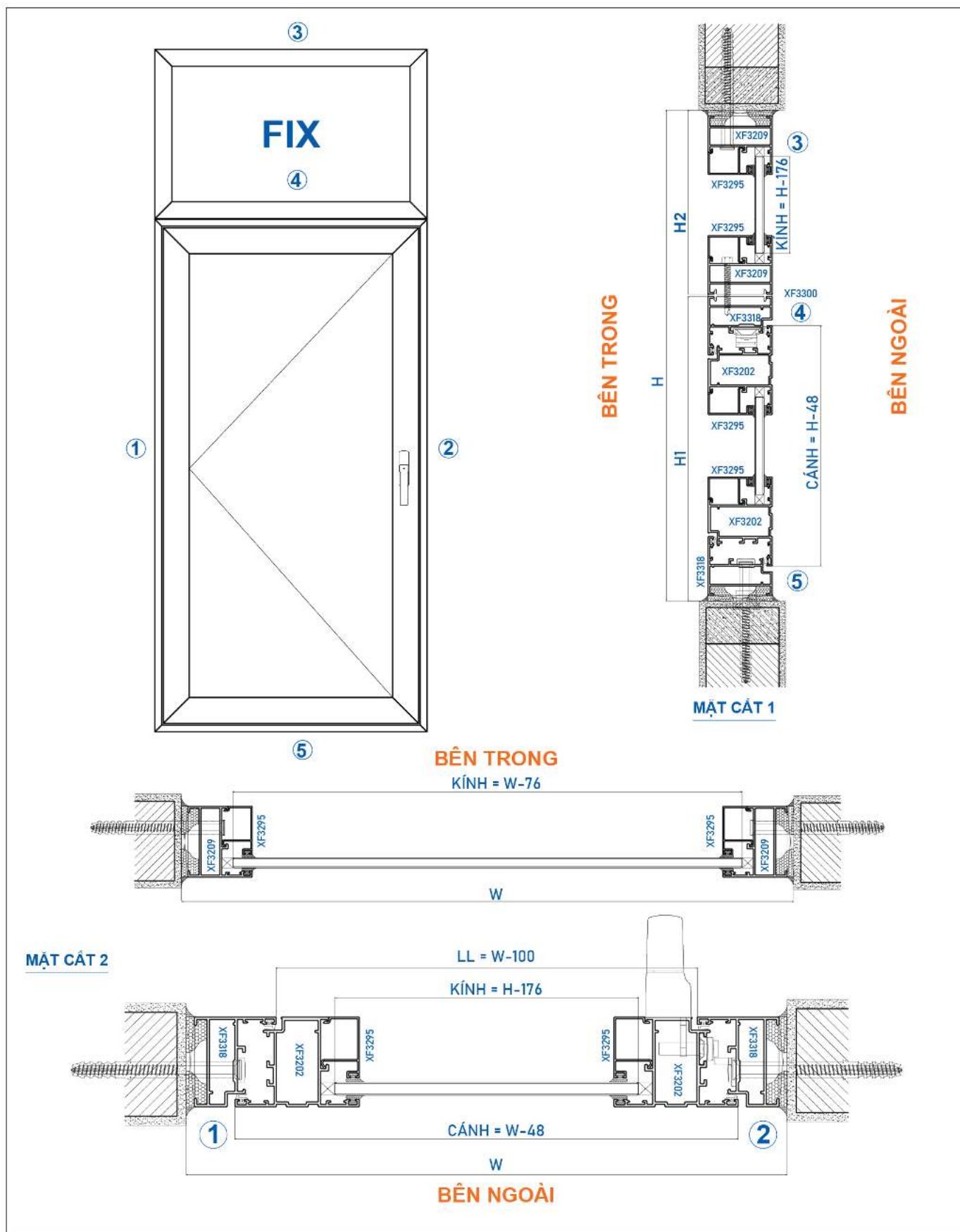
MẶT CẮT KỸ THUẬT CỬA ĐI HỆ 55

KHUNG BAO CỬA ĐI  <table border="1"> <thead> <tr> <th>MÃ NHÔM</th><th>ĐỘ DÀY(MM)</th><th>T.LƯỢNG</th></tr> </thead> <tbody> <tr> <td>XF3328</td><td>±2.0</td><td>±7.6</td></tr> <tr> <td>XF3328</td><td>±1.8</td><td>±7.1</td></tr> <tr> <td>XF3328A</td><td>±1.4</td><td>±5.8</td></tr> <tr> <td>XF3328M</td><td>±1.2</td><td>±5.2</td></tr> <tr> <td>XF3328N</td><td>±1.0</td><td>±4.5</td></tr> </tbody> </table>	MÃ NHÔM	ĐỘ DÀY(MM)	T.LƯỢNG	XF3328	±2.0	±7.6	XF3328	±1.8	±7.1	XF3328A	±1.4	±5.8	XF3328M	±1.2	±5.2	XF3328N	±1.0	±4.5	CÁNH CỬA ĐI MỞ VÀO  <table border="1"> <thead> <tr> <th>MÃ NHÔM</th><th>ĐỘ DÀY(MM)</th><th>T.LƯỢNG</th></tr> </thead> <tbody> <tr> <td>XF3332</td><td>±2.0</td><td>±8.6</td></tr> <tr> <td>XF3332</td><td>±1.8</td><td>±8.3</td></tr> <tr> <td>XF3332A</td><td>±1.4</td><td>±6.9</td></tr> <tr> <td>XF3332M</td><td>±1.2</td><td>±6.3</td></tr> <tr> <td>XF3332N</td><td>±1.0</td><td>±5.5</td></tr> </tbody> </table>	MÃ NHÔM	ĐỘ DÀY(MM)	T.LƯỢNG	XF3332	±2.0	±8.6	XF3332	±1.8	±8.3	XF3332A	±1.4	±6.9	XF3332M	±1.2	±6.3	XF3332N	±1.0	±5.5	CÁNH CỬA ĐI MỞ RA  <table border="1"> <thead> <tr> <th>MÃ NHÔM</th><th>ĐỘ DÀY(MM)</th><th>T.LƯỢNG</th></tr> </thead> <tbody> <tr> <td>XF3303</td><td>±2.0</td><td>±8.6</td></tr> <tr> <td>XF3303</td><td>±1.8</td><td>±8.2</td></tr> <tr> <td>XF3303A</td><td>±1.4</td><td>±6.8</td></tr> <tr> <td>XF3303M</td><td>±1.2</td><td>±6.3</td></tr> <tr> <td>XF3303N</td><td>±1.0</td><td>±5.5</td></tr> </tbody> </table>	MÃ NHÔM	ĐỘ DÀY(MM)	T.LƯỢNG	XF3303	±2.0	±8.6	XF3303	±1.8	±8.2	XF3303A	±1.4	±6.8	XF3303M	±1.2	±6.3	XF3303N	±1.0	±5.5
MÃ NHÔM	ĐỘ DÀY(MM)	T.LƯỢNG																																																						
XF3328	±2.0	±7.6																																																						
XF3328	±1.8	±7.1																																																						
XF3328A	±1.4	±5.8																																																						
XF3328M	±1.2	±5.2																																																						
XF3328N	±1.0	±4.5																																																						
MÃ NHÔM	ĐỘ DÀY(MM)	T.LƯỢNG																																																						
XF3332	±2.0	±8.6																																																						
XF3332	±1.8	±8.3																																																						
XF3332A	±1.4	±6.9																																																						
XF3332M	±1.2	±6.3																																																						
XF3332N	±1.0	±5.5																																																						
MÃ NHÔM	ĐỘ DÀY(MM)	T.LƯỢNG																																																						
XF3303	±2.0	±8.6																																																						
XF3303	±1.8	±8.2																																																						
XF3303A	±1.4	±6.8																																																						
XF3303M	±1.2	±6.3																																																						
XF3303N	±1.0	±5.5																																																						
NGANG CÁNH DƯỚI  <table border="1"> <thead> <tr> <th>MÃ NHÔM</th><th>ĐỘ DÀY(MM)</th><th>T.LƯỢNG</th></tr> </thead> <tbody> <tr> <td>XF3304</td><td>±1.6</td><td>±9.0</td></tr> </tbody> </table>	MÃ NHÔM	ĐỘ DÀY(MM)	T.LƯỢNG	XF3304	±1.6	±9.0	ỔP ĐÁY CÁNH  <table border="1"> <thead> <tr> <th>MÃ NHÔM</th><th>ĐỘ DÀY(MM)</th><th>T.LƯỢNG</th></tr> </thead> <tbody> <tr> <td>XF3329A</td><td>±1.5</td><td>±2.6</td></tr> </tbody> </table>	MÃ NHÔM	ĐỘ DÀY(MM)	T.LƯỢNG	XF3329A	±1.5	±2.6	ỔP ĐÁY CÁNH (CÓ GỜ)  <table border="1"> <thead> <tr> <th>MÃ NHÔM</th><th>ĐỘ DÀY(MM)</th><th>T.LƯỢNG</th></tr> </thead> <tbody> <tr> <td>XF3329</td><td>±1.6</td><td>±2.6</td></tr> </tbody> </table>	MÃ NHÔM	ĐỘ DÀY(MM)	T.LƯỢNG	XF3329	±1.6	±2.6																																				
MÃ NHÔM	ĐỘ DÀY(MM)	T.LƯỢNG																																																						
XF3304	±1.6	±9.0																																																						
MÃ NHÔM	ĐỘ DÀY(MM)	T.LƯỢNG																																																						
XF3329A	±1.5	±2.6																																																						
MÃ NHÔM	ĐỘ DÀY(MM)	T.LƯỢNG																																																						
XF3329	±1.6	±2.6																																																						
ĐÓ ĐỘNG (DÙNG CHUNG)  <table border="1"> <thead> <tr> <th>MÃ NHÔM</th><th>ĐỘ DÀY(MM)</th><th>T.LƯỢNG (KG/M)</th></tr> </thead> <tbody> <tr> <td>XF3323A</td><td>±1.4</td><td>±5.8</td></tr> <tr> <td>XF3323N</td><td>±1.2</td><td>±4.8</td></tr> </tbody> </table>	MÃ NHÔM	ĐỘ DÀY(MM)	T.LƯỢNG (KG/M)	XF3323A	±1.4	±5.8	XF3323N	±1.2	±4.8	ĐÓ ĐỘNG MỞ 2 CHIỀU  <table border="1"> <thead> <tr> <th>MÃ NHÔM</th><th>ĐỘ DÀY(MM)</th><th>T.LƯỢNG (KG/M)</th></tr> </thead> <tbody> <tr> <td>XF3323B</td><td>±1.4</td><td>±6</td></tr> </tbody> </table>	MÃ NHÔM	ĐỘ DÀY(MM)	T.LƯỢNG (KG/M)	XF3323B	±1.4	±6	KHUNG BAO CỬA SỔ  <table border="1"> <thead> <tr> <th>MÃ NHÔM</th><th>ĐỘ DÀY(MM)</th><th>T.LƯỢNG</th></tr> </thead> <tbody> <tr> <td>XF3318A</td><td>±1.4</td><td>±5.2</td></tr> <tr> <td>XF3318M</td><td>±1.2</td><td>±4.5</td></tr> <tr> <td>XF3318N</td><td>±1.0</td><td>±4.1</td></tr> </tbody> </table>	MÃ NHÔM	ĐỘ DÀY(MM)	T.LƯỢNG	XF3318A	±1.4	±5.2	XF3318M	±1.2	±4.5	XF3318N	±1.0	±4.1																											
MÃ NHÔM	ĐỘ DÀY(MM)	T.LƯỢNG (KG/M)																																																						
XF3323A	±1.4	±5.8																																																						
XF3323N	±1.2	±4.8																																																						
MÃ NHÔM	ĐỘ DÀY(MM)	T.LƯỢNG (KG/M)																																																						
XF3323B	±1.4	±6																																																						
MÃ NHÔM	ĐỘ DÀY(MM)	T.LƯỢNG																																																						
XF3318A	±1.4	±5.2																																																						
XF3318M	±1.2	±4.5																																																						
XF3318N	±1.0	±4.1																																																						
CÁNH CỬA SỔ  <table border="1"> <thead> <tr> <th>MÃ NHÔM</th><th>ĐỘ DÀY(MM)</th><th>T.LƯỢNG</th></tr> </thead> <tbody> <tr> <td>XF3202A</td><td>±1.4</td><td>±6.3</td></tr> <tr> <td>XF3202M</td><td>±1.2</td><td>±5.7</td></tr> <tr> <td>XF3202N</td><td>±1.0</td><td>±5.3</td></tr> </tbody> </table>	MÃ NHÔM	ĐỘ DÀY(MM)	T.LƯỢNG	XF3202A	±1.4	±6.3	XF3202M	±1.2	±5.7	XF3202N	±1.0	±5.3	TRUNG GIAN KHUNG BAO  <table border="1"> <thead> <tr> <th>MÃ NHÔM</th><th>ĐỘ DÀY(MM)</th><th>T.LƯỢNG</th></tr> </thead> <tbody> <tr> <td>XF3313A</td><td>±1.3</td><td>±6.2</td></tr> <tr> <td>XF3313M</td><td>±1.2</td><td>±5.6</td></tr> </tbody> </table>	MÃ NHÔM	ĐỘ DÀY(MM)	T.LƯỢNG	XF3313A	±1.3	±6.2	XF3313M	±1.2	±5.6	PANO  <table border="1"> <thead> <tr> <th>MÃ NHÔM</th><th>ĐỘ DÀY(MM)</th><th>T.LƯỢNG (KG/M)</th></tr> </thead> <tbody> <tr> <td>XFF077</td><td>±1.0</td><td>±2.5</td></tr> </tbody> </table>	MÃ NHÔM	ĐỘ DÀY(MM)	T.LƯỢNG (KG/M)	XFF077	±1.0	±2.5																											
MÃ NHÔM	ĐỘ DÀY(MM)	T.LƯỢNG																																																						
XF3202A	±1.4	±6.3																																																						
XF3202M	±1.2	±5.7																																																						
XF3202N	±1.0	±5.3																																																						
MÃ NHÔM	ĐỘ DÀY(MM)	T.LƯỢNG																																																						
XF3313A	±1.3	±6.2																																																						
XF3313M	±1.2	±5.6																																																						
MÃ NHÔM	ĐỘ DÀY(MM)	T.LƯỢNG (KG/M)																																																						
XFF077	±1.0	±2.5																																																						
NỆP TRANG TRÍ  <table border="1"> <thead> <tr> <th>MÃ NHÔM</th><th>ĐỘ DÀY(MM)</th><th>T.LƯỢNG (KG/M)</th></tr> </thead> <tbody> <tr> <td>XF507</td><td>±1.0</td><td>±0.82</td></tr> </tbody> </table>	MÃ NHÔM	ĐỘ DÀY(MM)	T.LƯỢNG (KG/M)	XF507	±1.0	±0.82	NGŨỖNG CỬA  <table border="1"> <thead> <tr> <th>MÃ NHÔM</th><th>ĐỘ DÀY(MM)</th><th>T.LƯỢNG (KG/M)</th></tr> </thead> <tbody> <tr> <td>XF3319</td><td>±1.6</td><td>±4.2</td></tr> </tbody> </table>	MÃ NHÔM	ĐỘ DÀY(MM)	T.LƯỢNG (KG/M)	XF3319	±1.6	±4.2	THANH TRUYỀN KHÓA  <table border="1"> <thead> <tr> <th>MÃ NHÔM</th><th>ĐỘ DÀY(MM)</th><th>T.LƯỢNG (KG/M)</th></tr> </thead> <tbody> <tr> <td>XF459</td><td>±2.5</td><td>±0.83</td></tr> </tbody> </table>	MÃ NHÔM	ĐỘ DÀY(MM)	T.LƯỢNG (KG/M)	XF459	±2.5	±0.83																																				
MÃ NHÔM	ĐỘ DÀY(MM)	T.LƯỢNG (KG/M)																																																						
XF507	±1.0	±0.82																																																						
MÃ NHÔM	ĐỘ DÀY(MM)	T.LƯỢNG (KG/M)																																																						
XF3319	±1.6	±4.2																																																						
MÃ NHÔM	ĐỘ DÀY(MM)	T.LƯỢNG (KG/M)																																																						
XF459	±2.5	±0.83																																																						

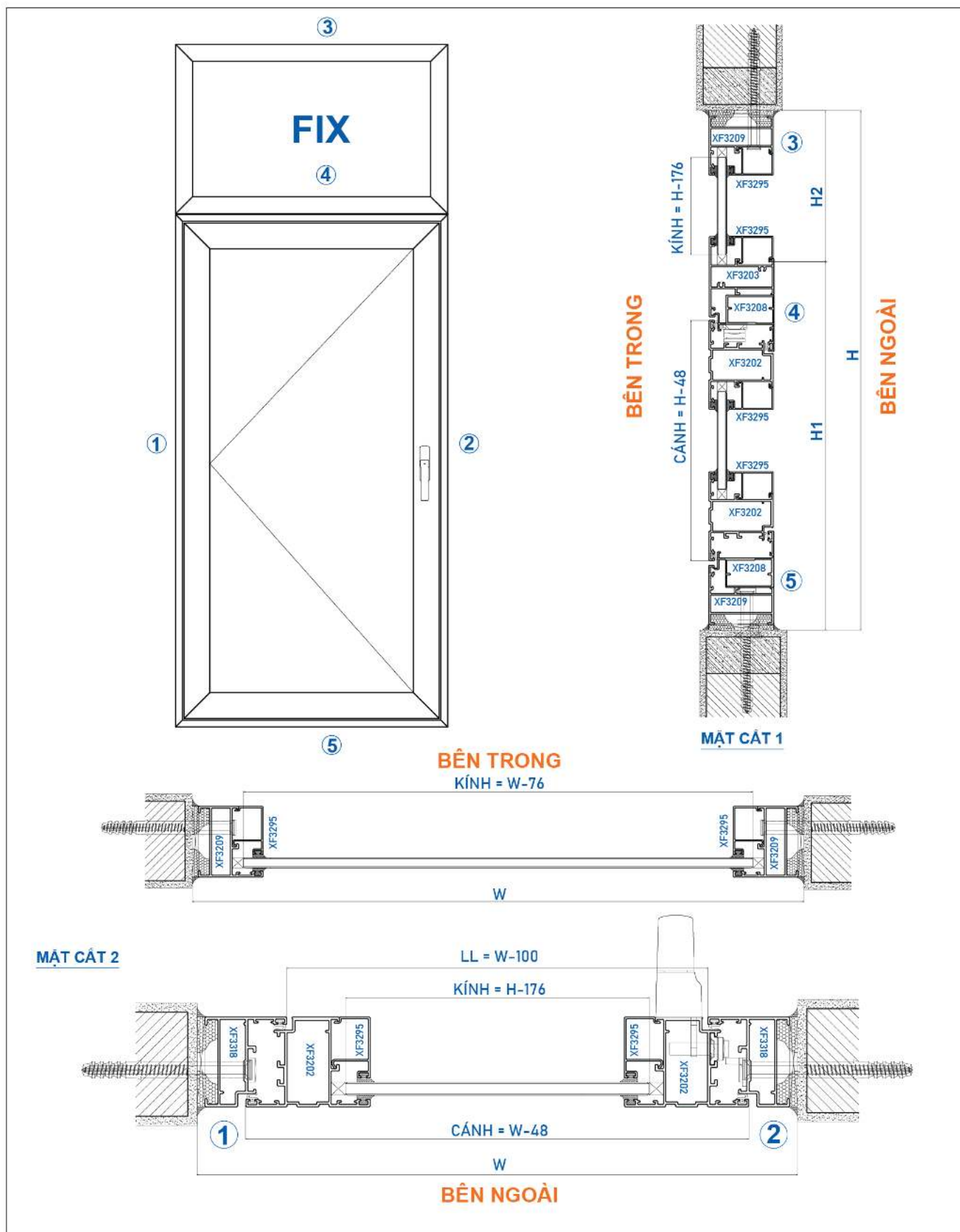
MẶT CẮT KỸ THUẬT CỬA ĐI HỆ 55

KHUNG BAO VÁCH KÍNH		ĐÓ CHIA VÁCH		NỆP KÍNH							
MÃ NHÔM	ĐỘ DÀY(MM)	T.LƯỢNG	MÃ NHÔM	ĐỘ DÀY(MM)	T.LƯỢNG						
XF3209A	±1.3	±5.0	XF3203A	±1.4	±5.9	MÃ NHÔM	ĐỘ DÀY(MM)	T.LƯỢNG			
XF3209M	±1.2	±4.2	XF3203M	±1.2	±5.0	XF3236	±1.0	±1.45			
XF3209N	±1.0	±3.9									
KHUNG BAO LẬT KHUÔN			BƠ GÓC 90°		THANH NỐI KHUNG						
MÃ NHÔM	ĐỘ DÀY(MM)	T.LƯỢNG	MÃ NHÔM	ĐỘ DÀY(MM)	T.LƯỢNG	MÃ NHÔM	ĐỘ DÀY(MM)	T.LƯỢNG (KG/M)			
XF3208	±1.5	±4.2	XF3326B	±1.5	±5.5	XF3300	±1.8	±2.1			
THANH NỐI KHUNG 1 MẶT			THANH NỐI KHUNG LỚN			NỆP KÍNH					
MÃ NHÔM	ĐỘ DÀY(MM)	T.LƯỢNG	MÃ NHÔM	ĐỘ DÀY(MM)	T.LƯỢNG	MÃ NHÔM	ĐỘ DÀY(MM)	T.LƯỢNG (KG/M)			
XF3300A	±1.8	±1.9	XF3310	±1.5	±6.8	XF3295	±1.0	±1.7			
						XF3295N	±0.8	±1.37			
NỆP KÍNH			NỆP KÍNH			NỐI KHUNG 90°					
MÃ NHÔM	ĐỘ DÀY(MM)	T.LƯỢNG	MÃ NHÔM	ĐỘ DÀY(MM)	T.LƯỢNG	MÃ NHÔM	ĐỘ DÀY(MM)	T.LƯỢNG			
XF3296	0.8	1.3	XF3286	±1.0	±1.5	XF3326	±1.5	±5.5			
CÁNH CỬA SỔ BẦU			NỆP KÍNH		CÁNH CỬA ĐI BẦU NHỎ		TRUNG GIAN 1000				
MÃ NHÔM	ĐỘ DÀY(MM)	T.LƯỢNG	MÃ NHÔM	ĐỘ DÀY(MM)	T.LƯỢNG	MÃ NHÔM	ĐỘ DÀY(MM)	T.LƯỢNG			
3202BT	±1.2	±5.85	3295BT	±1.0	±1.4	3303BN	±1.6	±7.9	MÃ NHÔM	ĐỘ DÀY(MM)	T.LƯỢNG
									3313HD	±1.2	±8.2

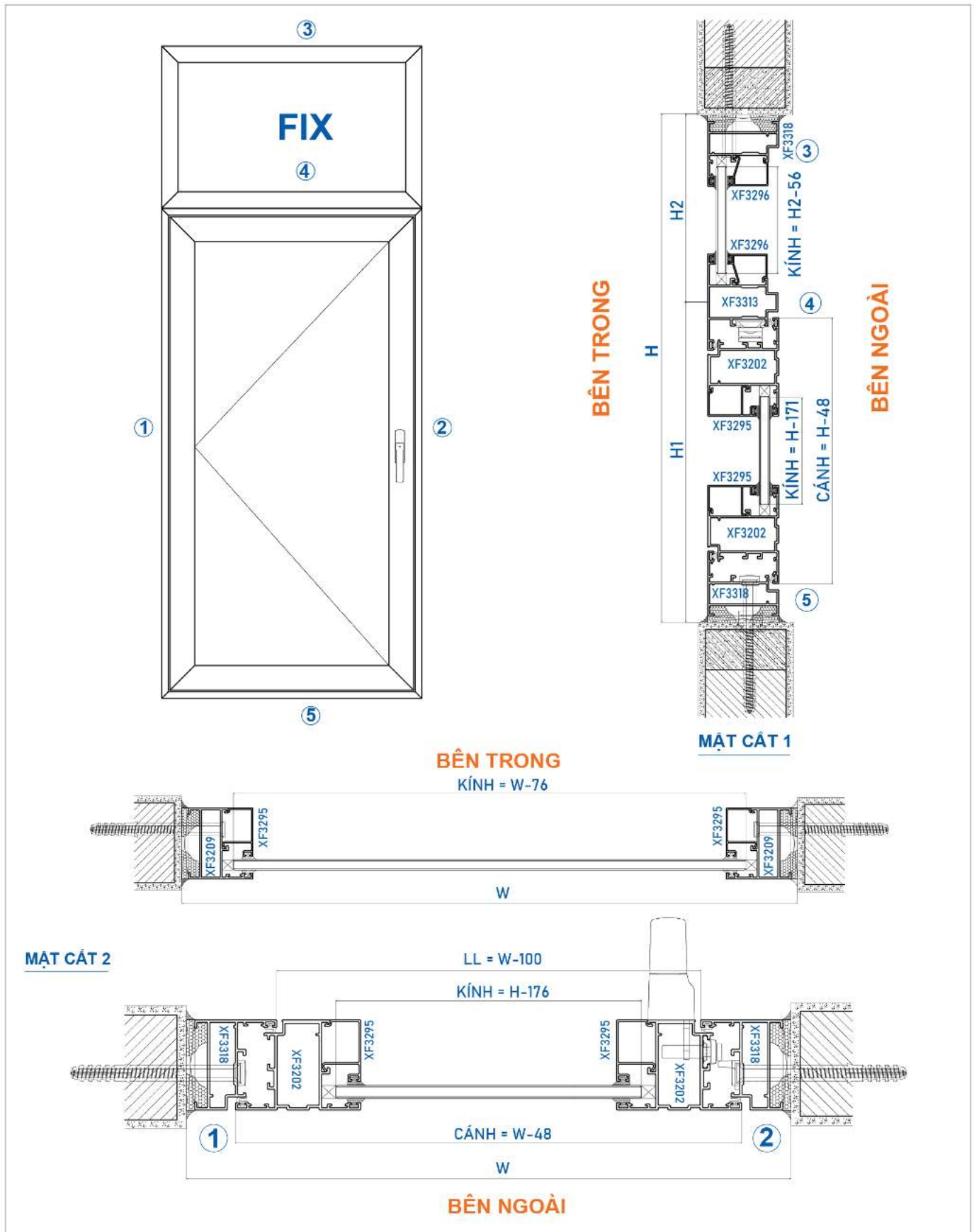
CỬA SỔ MỞ NGOÀI HỆ 55 CÓ FIX (NỔI KHUNG)



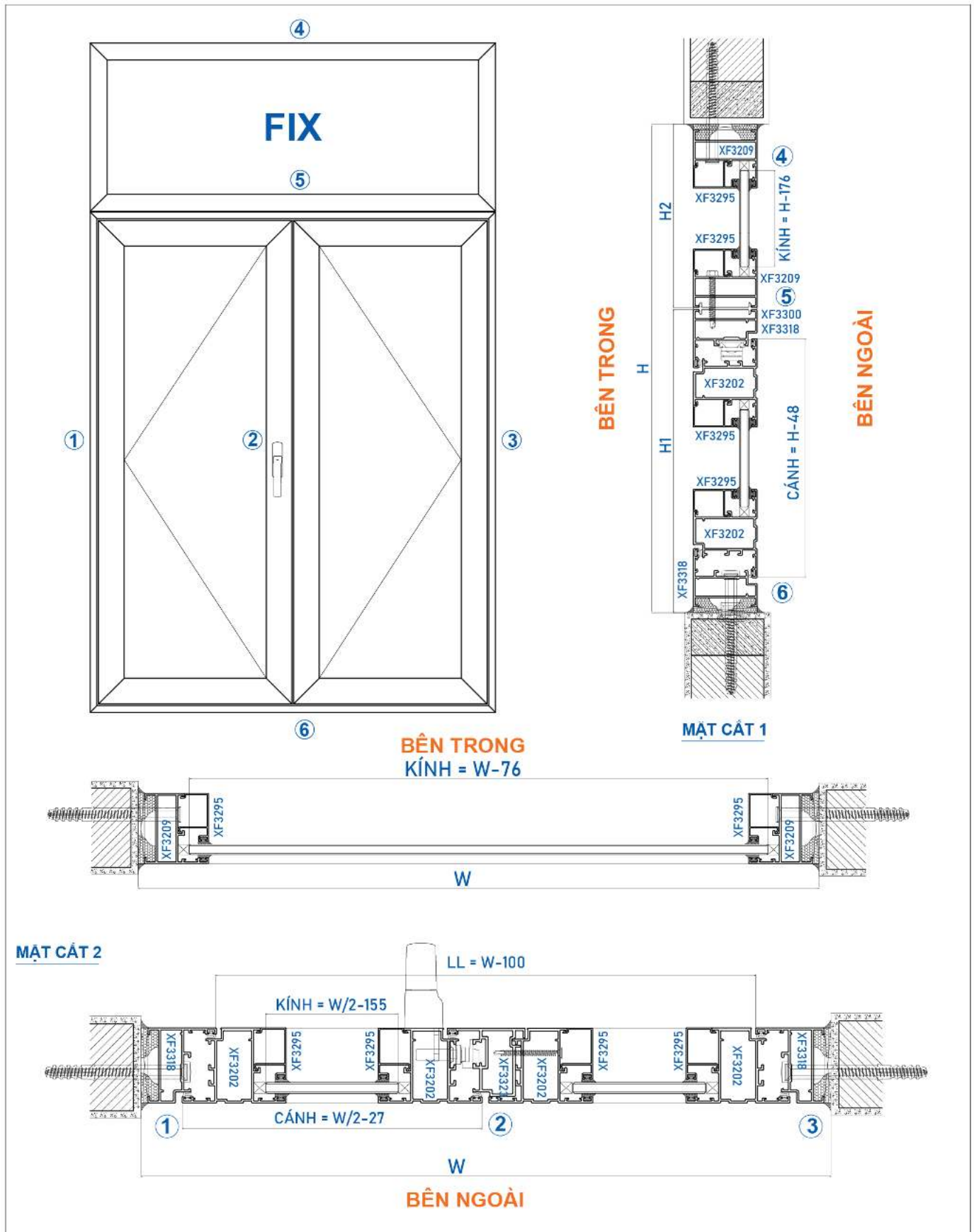
CỬA SỔ MỞ NGOÀI HỆ 55 CÓ FIX



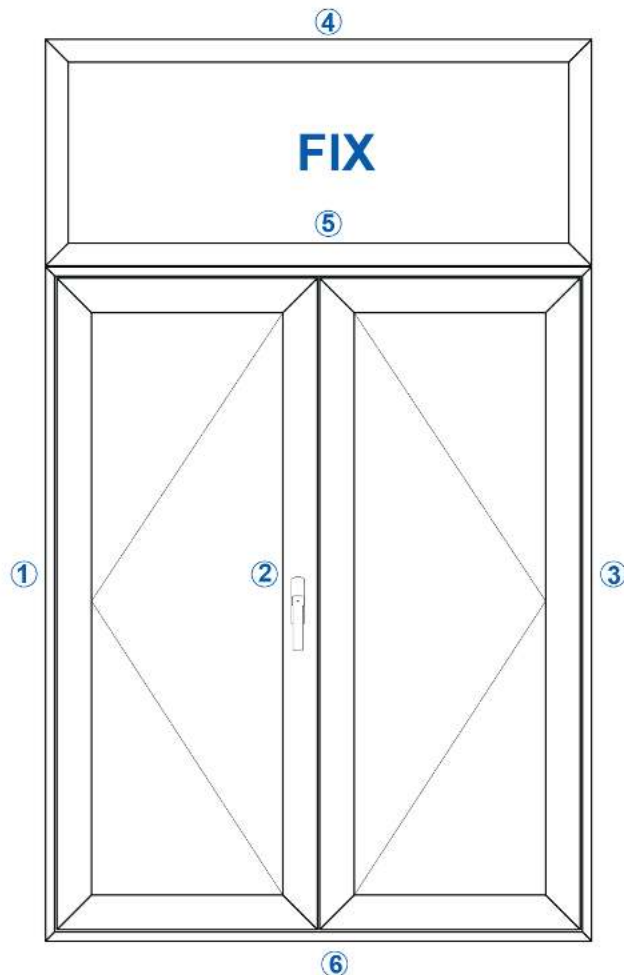
CỬA SỔ MỞ NGOÀI HỆ 55 CÓ FIX (NỔI KHUNG)



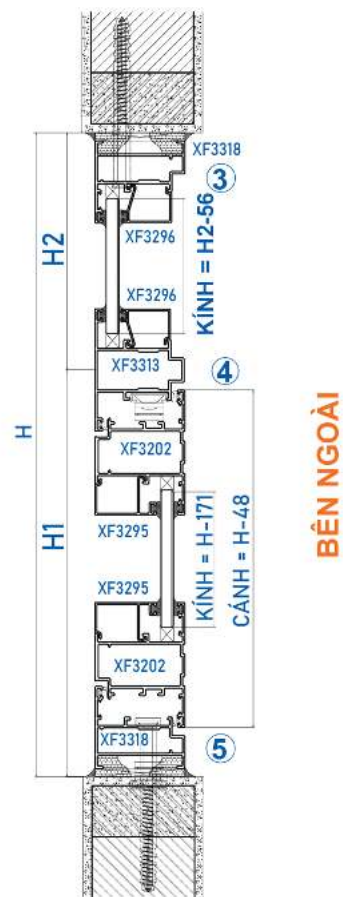
CỬA SỔ 2 CÁNH MỞ NGOÀI HỆ 55 CÓ FIX (NỔI KHUNG)



CỬA SỔ 2 CÁNH MỞ NGOÀI HỆ 55 CÓ FIX



BÊN TRONG

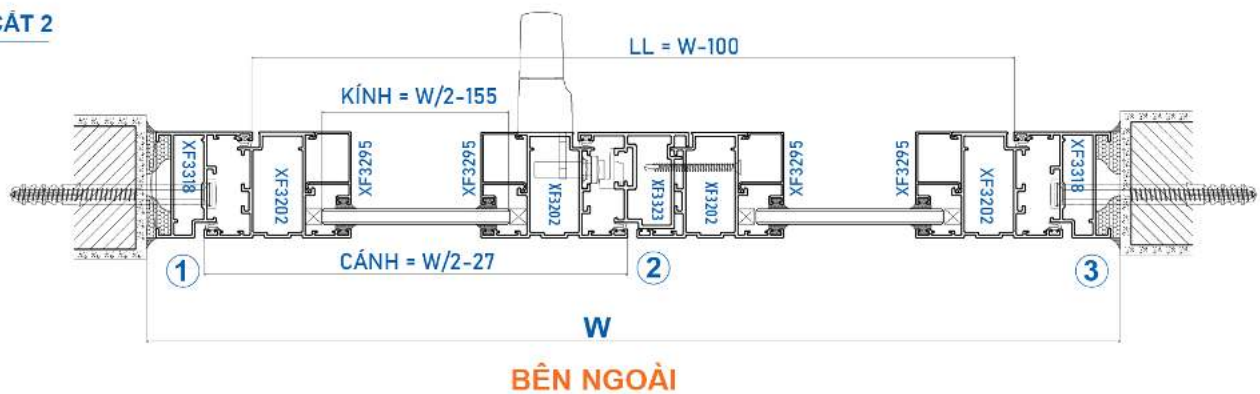


BÊN NGOÀI

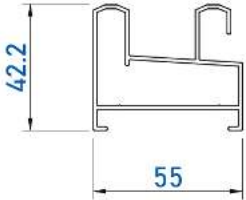
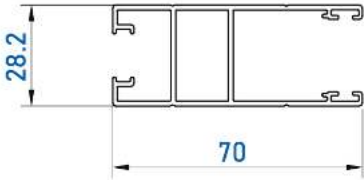
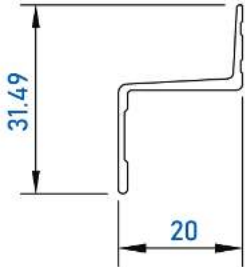
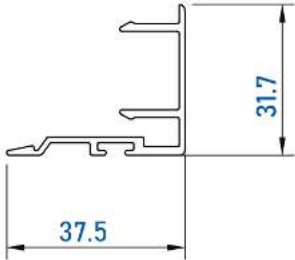
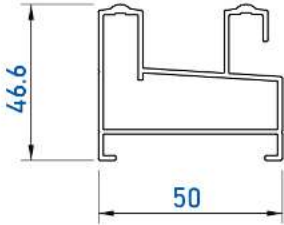
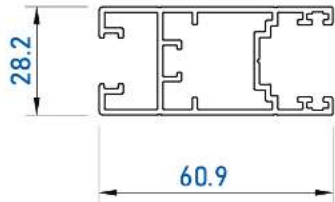
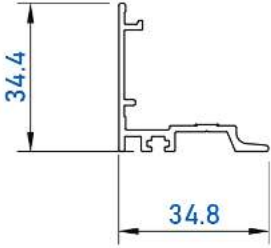
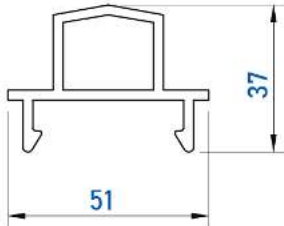
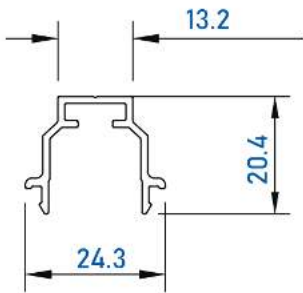
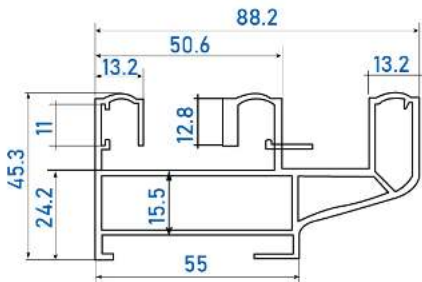
BÊN TRONG
KÍNH = W-76



MẶT CẮT 2



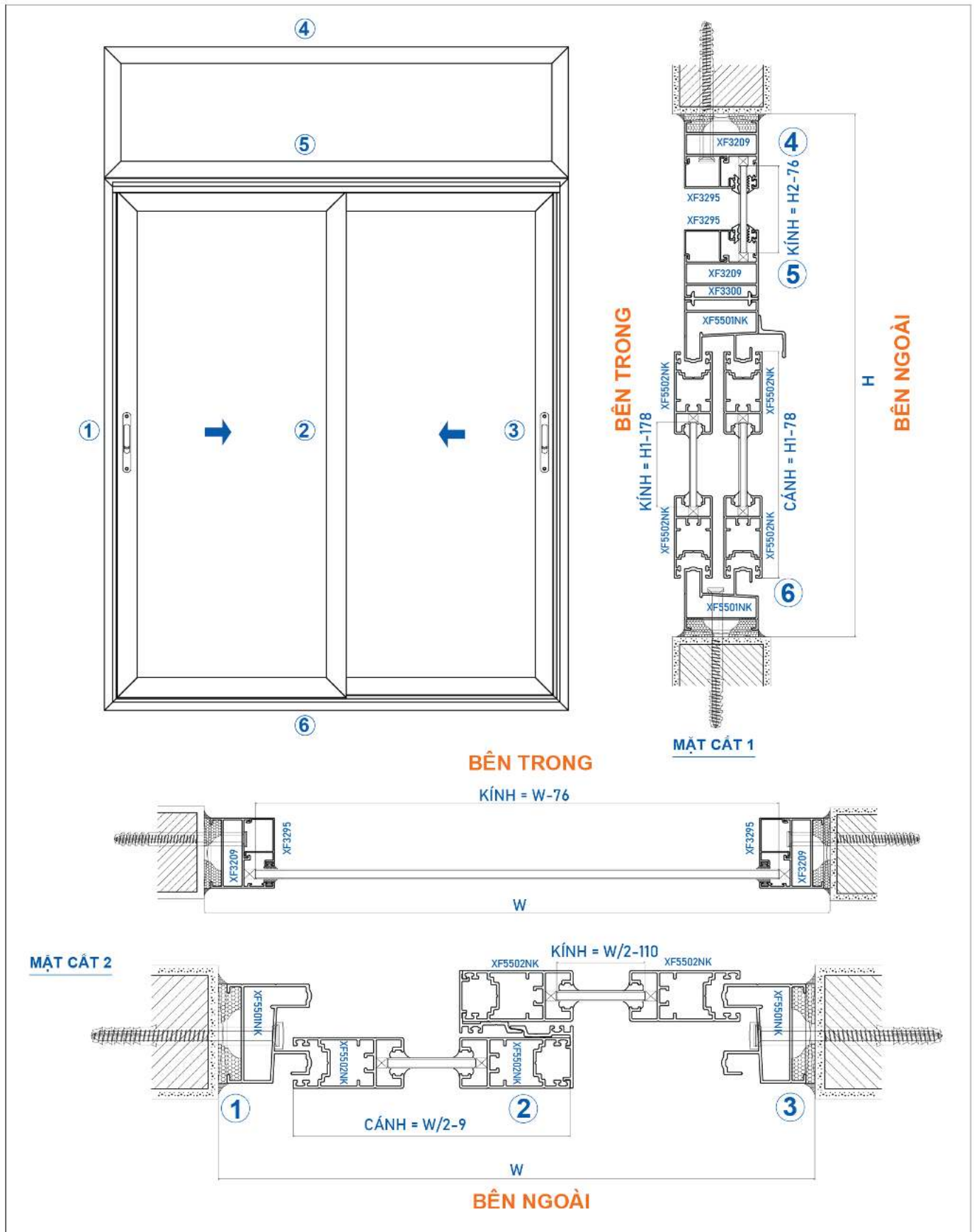
MẶT CẮT KỸ THUẬT HỆ CỬA LỬA XFA - 55

KHUNG BAO LỬA  <table border="1"> <thead> <tr> <th>MÃ NHÔM</th><th>ĐỘ DÀY(MM)</th><th>T.LƯỢNG</th></tr> </thead> <tbody> <tr> <td>XF5501A</td><td>±1.4</td><td>±6.4</td></tr> <tr> <td>XF5501M</td><td>±1.2</td><td>±5.6</td></tr> </tbody> </table>	MÃ NHÔM	ĐỘ DÀY(MM)	T.LƯỢNG	XF5501A	±1.4	±6.4	XF5501M	±1.2	±5.6	CÁNH LỬA  <table border="1"> <thead> <tr> <th>MÃ NHÔM</th><th>ĐỘ DÀY(MM)</th><th>T.LƯỢNG</th></tr> </thead> <tbody> <tr> <td>XF5502A</td><td>±1.4</td><td>±5.9</td></tr> <tr> <td>XF5502M</td><td>±1.2</td><td>±5.2</td></tr> </tbody> </table>	MÃ NHÔM	ĐỘ DÀY(MM)	T.LƯỢNG	XF5502A	±1.4	±5.9	XF5502M	±1.2	±5.2	CHẤN NƯỚC  <table border="1"> <thead> <tr> <th>MÃ NHÔM</th><th>ĐỘ DÀY(MM)</th><th>T.LƯỢNG</th></tr> </thead> <tbody> <tr> <td>XF159</td><td>±1.4</td><td>±1.6</td></tr> </tbody> </table>	MÃ NHÔM	ĐỘ DÀY(MM)	T.LƯỢNG	XF159	±1.4	±1.6						
MÃ NHÔM	ĐỘ DÀY(MM)	T.LƯỢNG																														
XF5501A	±1.4	±6.4																														
XF5501M	±1.2	±5.6																														
MÃ NHÔM	ĐỘ DÀY(MM)	T.LƯỢNG																														
XF5502A	±1.4	±5.9																														
XF5502M	±1.2	±5.2																														
MÃ NHÔM	ĐỘ DÀY(MM)	T.LƯỢNG																														
XF159	±1.4	±1.6																														
ÓP MÓC CỬA LỬA  <table border="1"> <thead> <tr> <th>MÃ NHÔM</th><th>ĐỘ DÀY(MM)</th><th>T.LƯỢNG (KG/M)</th></tr> </thead> <tbody> <tr> <td>XF5503</td><td>±1.2</td><td>±2.05</td></tr> </tbody> </table>	MÃ NHÔM	ĐỘ DÀY(MM)	T.LƯỢNG (KG/M)	XF5503	±1.2	±2.05	KHUNG BAO LỬA  <table border="1"> <thead> <tr> <th>MÃ NHÔM</th><th>ĐỘ DÀY(MM)</th><th>T.LƯỢNG</th></tr> </thead> <tbody> <tr> <td>XF5501NK</td><td>±1.4</td><td>±6.0</td></tr> <tr> <td>XF5501NKM</td><td>±1.2</td><td>±5.2</td></tr> <tr> <td>XF5501NKN</td><td>±1.0</td><td>±4.2</td></tr> </tbody> </table>	MÃ NHÔM	ĐỘ DÀY(MM)	T.LƯỢNG	XF5501NK	±1.4	±6.0	XF5501NKM	±1.2	±5.2	XF5501NKN	±1.0	±4.2	CÁNH CỬA TRƯỢT  <table border="1"> <thead> <tr> <th>MÃ NHÔM</th><th>ĐỘ DÀY(MM)</th><th>T.LƯỢNG</th></tr> </thead> <tbody> <tr> <td>XF5502NK</td><td>±1.4</td><td>±6.0</td></tr> <tr> <td>XF5502NKM</td><td>±1.2</td><td>±5.0</td></tr> <tr> <td>XF5502NKN</td><td>±1.0</td><td>±4.2</td></tr> </tbody> </table>	MÃ NHÔM	ĐỘ DÀY(MM)	T.LƯỢNG	XF5502NK	±1.4	±6.0	XF5502NKM	±1.2	±5.0	XF5502NKN	±1.0	±4.2
MÃ NHÔM	ĐỘ DÀY(MM)	T.LƯỢNG (KG/M)																														
XF5503	±1.2	±2.05																														
MÃ NHÔM	ĐỘ DÀY(MM)	T.LƯỢNG																														
XF5501NK	±1.4	±6.0																														
XF5501NKM	±1.2	±5.2																														
XF5501NKN	±1.0	±4.2																														
MÃ NHÔM	ĐỘ DÀY(MM)	T.LƯỢNG																														
XF5502NK	±1.4	±6.0																														
XF5502NKM	±1.2	±5.0																														
XF5502NKN	±1.0	±4.2																														
ÓP MÓC CỬA LỬA  <table border="1"> <thead> <tr> <th>MÃ NHÔM</th><th>ĐỘ DÀY(MM)</th><th>T.LƯỢNG (KG/M)</th></tr> </thead> <tbody> <tr> <td>XF5503NK</td><td>±1.2</td><td>±2.05</td></tr> </tbody> </table>	MÃ NHÔM	ĐỘ DÀY(MM)	T.LƯỢNG (KG/M)	XF5503NK	±1.2	±2.05	TRUNG GIAN CỬA LỬA  <table border="1"> <thead> <tr> <th>MÃ NHÔM</th><th>ĐỘ DÀY(MM)</th><th>T.LƯỢNG</th></tr> </thead> <tbody> <tr> <td>XFPMDS015</td><td>±1.2</td><td>±1.7</td></tr> </tbody> </table>	MÃ NHÔM	ĐỘ DÀY(MM)	T.LƯỢNG	XFPMDS015	±1.2	±1.7	TRUNG GIAN LỬA  <table border="1"> <thead> <tr> <th>MÃ NHÔM</th><th>ĐỘ DÀY(MM)</th><th>T.LƯỢNG (KG/M)</th></tr> </thead> <tbody> <tr> <td>XFA158</td><td>±1.1</td><td>±1.4</td></tr> </tbody> </table>	MÃ NHÔM	ĐỘ DÀY(MM)	T.LƯỢNG (KG/M)	XFA158	±1.1	±1.4												
MÃ NHÔM	ĐỘ DÀY(MM)	T.LƯỢNG (KG/M)																														
XF5503NK	±1.2	±2.05																														
MÃ NHÔM	ĐỘ DÀY(MM)	T.LƯỢNG																														
XFPMDS015	±1.2	±1.7																														
MÃ NHÔM	ĐỘ DÀY(MM)	T.LƯỢNG (KG/M)																														
XFA158	±1.1	±1.4																														
K.B LỬA 3 RAY HỆ 55  <table border="1"> <thead> <tr> <th>MÃ NHÔM</th><th>ĐỘ DÀY(MM)</th><th>T.LƯỢNG</th></tr> </thead> <tbody> <tr> <td>XF5501HD</td><td>±1.6</td><td>±9.2</td></tr> </tbody> </table>	MÃ NHÔM	ĐỘ DÀY(MM)	T.LƯỢNG	XF5501HD	±1.6	±9.2																										
MÃ NHÔM	ĐỘ DÀY(MM)	T.LƯỢNG																														
XF5501HD	±1.6	±9.2																														

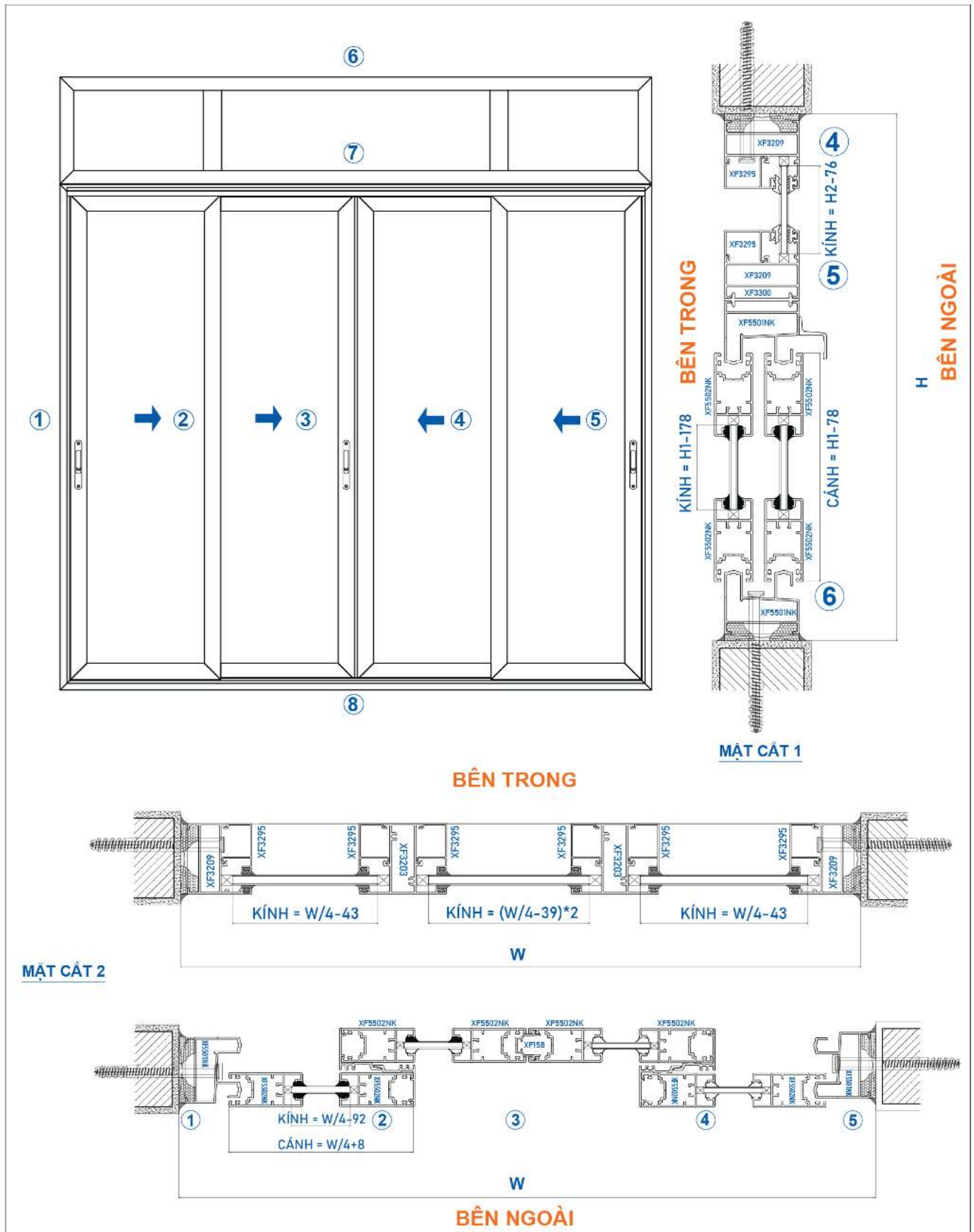
Công nghệ tiên phong - Chất lượng vượt trội



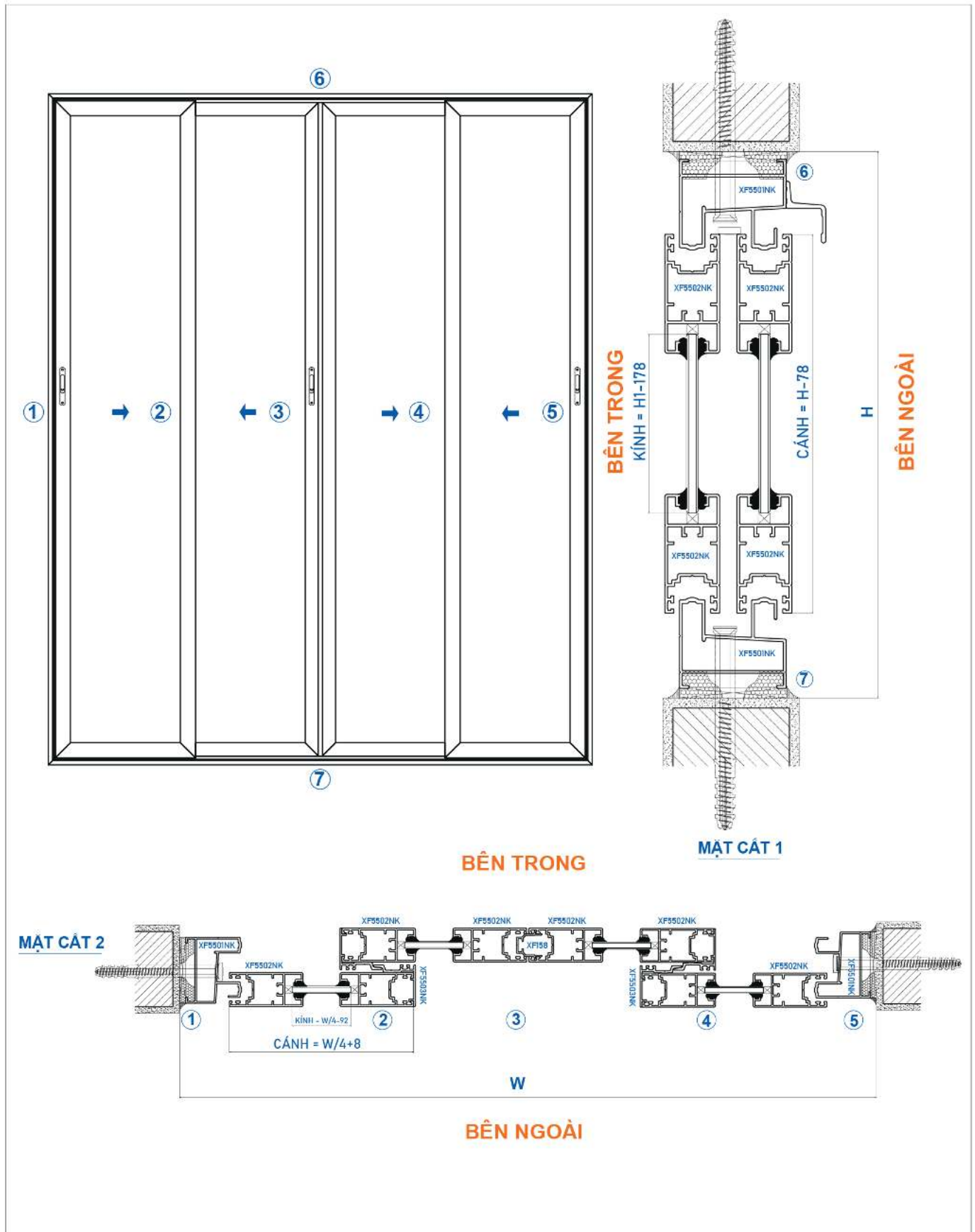
CỬA 2 CÁNH MỞ TRƯỢT HỆ 55 CÓ FIX



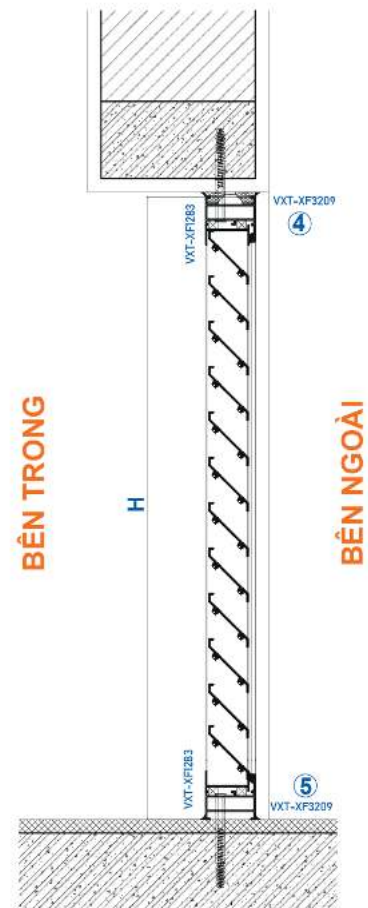
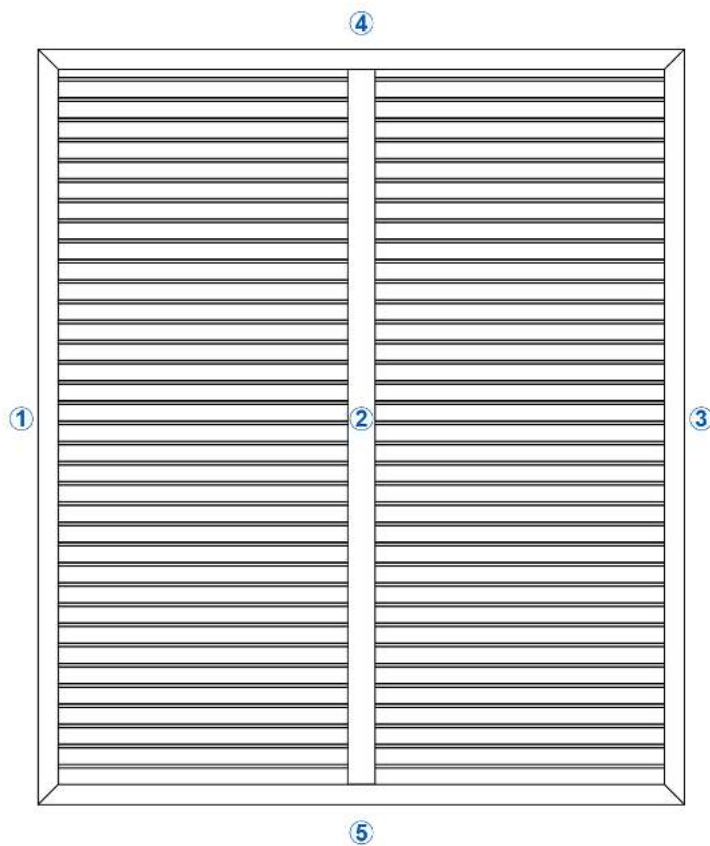
CỬA 4 CẢNH MỞ TRƯỢT HỆ 55 CÓ FIX



CỬA 4 CẢNH MỞ TRƯỢT HỆ 55

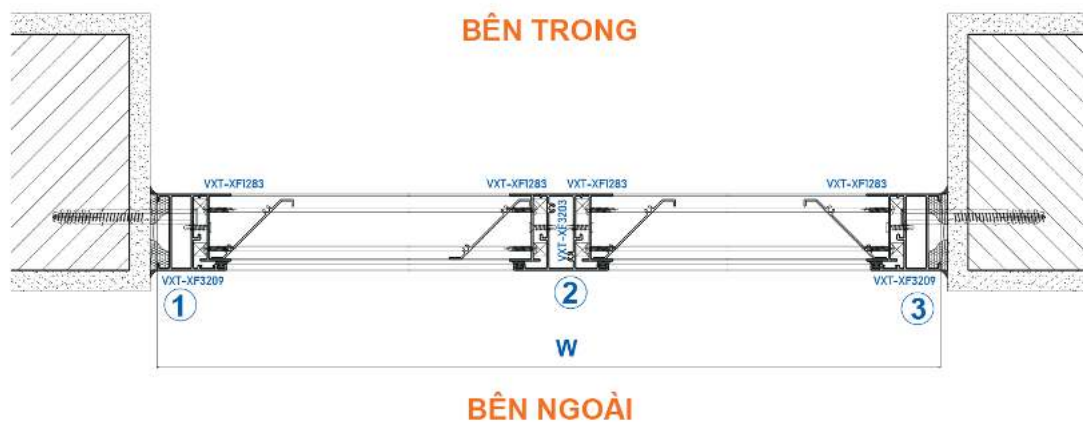


CỬA SỔ LÁ SÁCH CỐ ĐỊNH HỆ 55

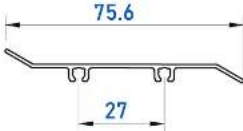
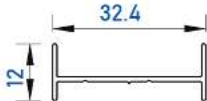
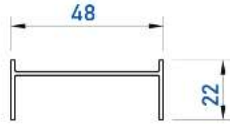
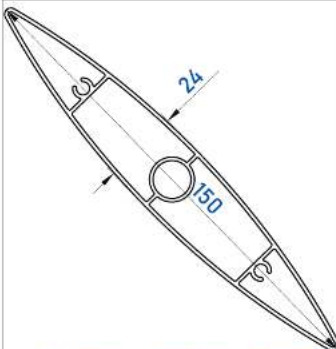
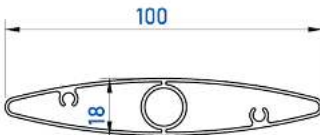
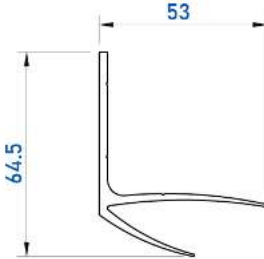
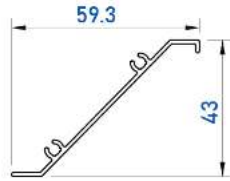
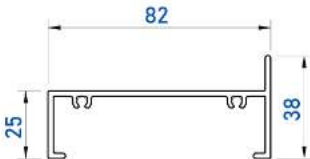
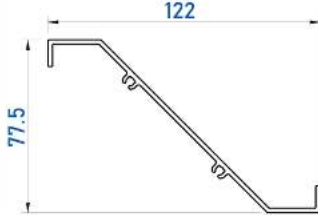
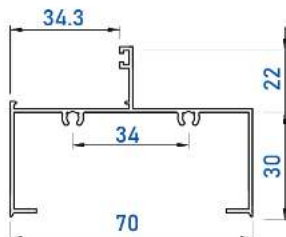
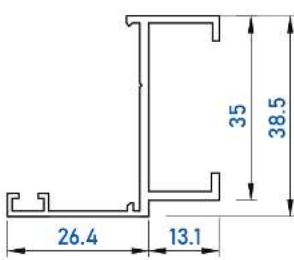
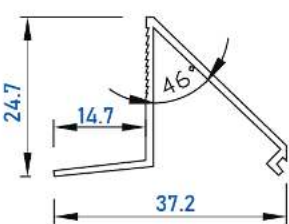
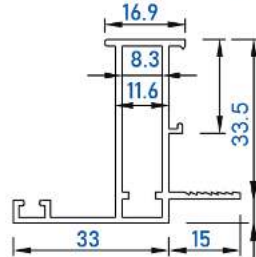
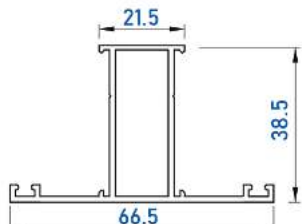


MẶT CẮT 1

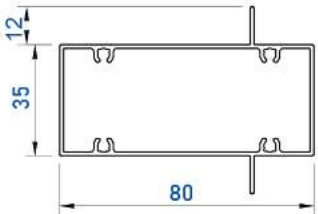
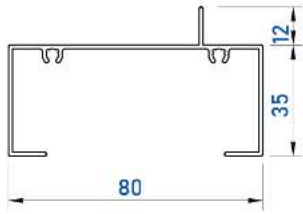
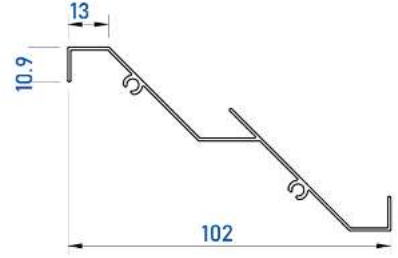
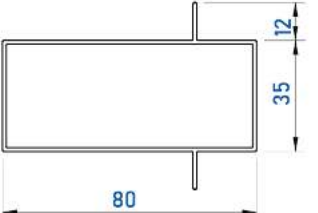
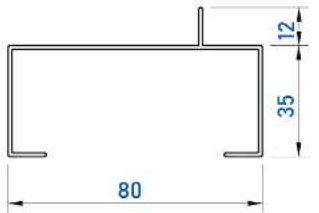
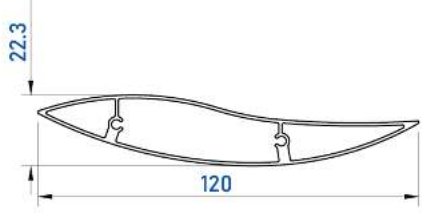
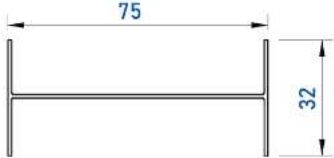
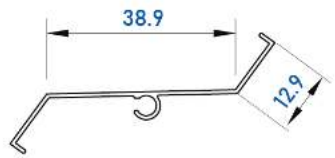
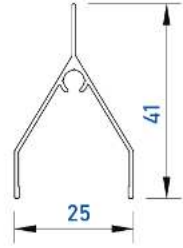
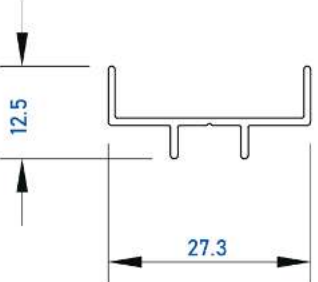
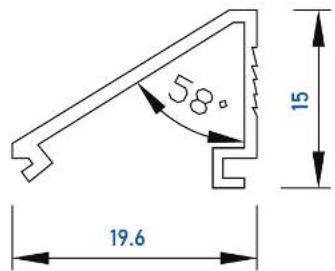
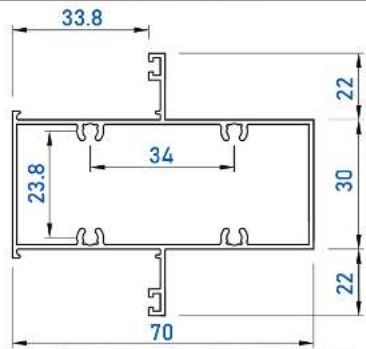
MẶT CẮT 2



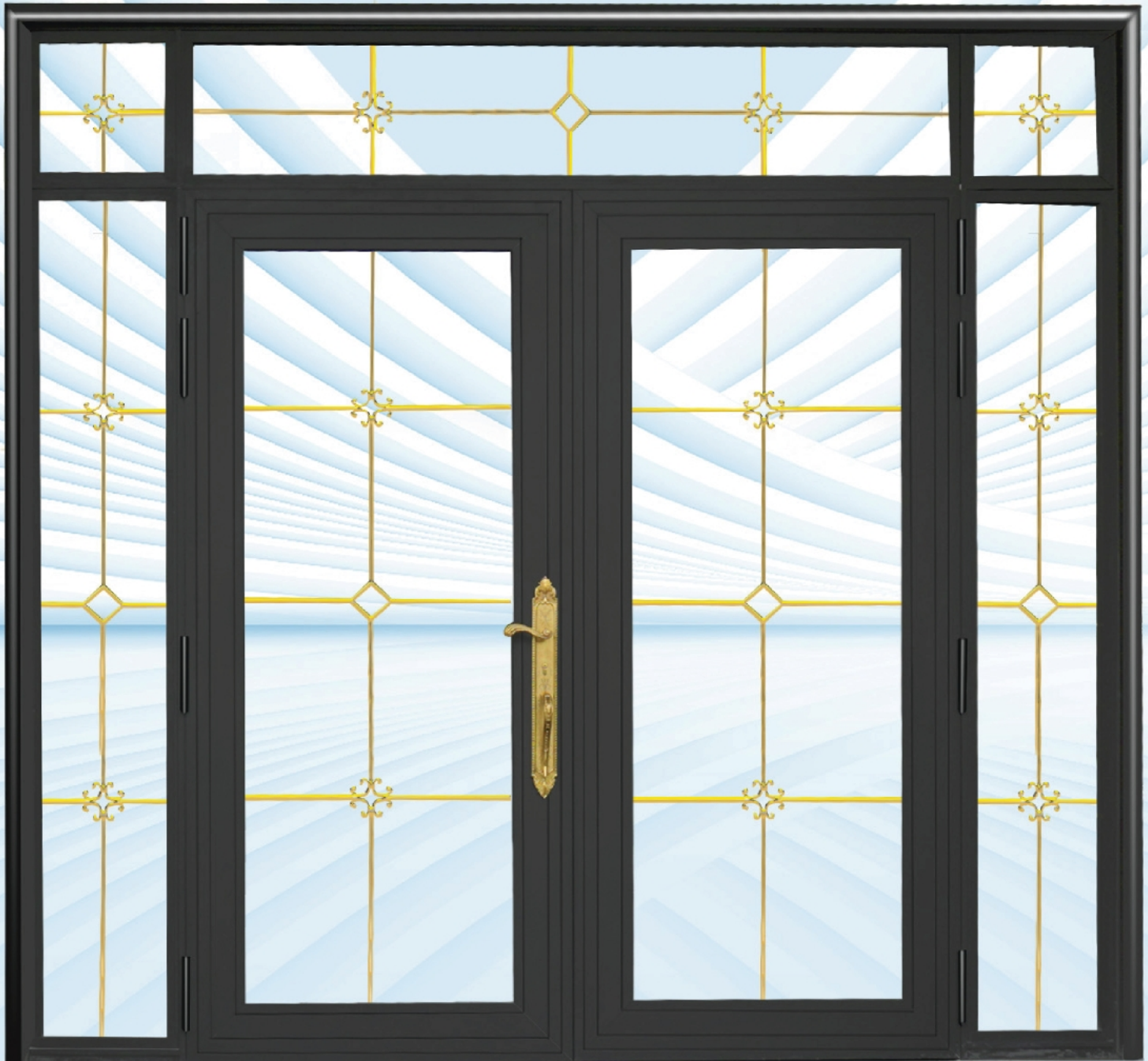
MẶT CẮT KỸ THUẬT CỬA SỔ LÁ SÁCH

LÁ SÁCH	KHUNG BAO	KHUNG BAO	KHUNG BAO																								
																											
<table><tr><th>MÃ NHÔM</th><th>DÂY (MM)</th><th>T/LƯỢNG</th></tr><tr><td>LS 2V</td><td>±0.6</td><td>±1.7</td></tr></table>	MÃ NHÔM	DÂY (MM)	T/LƯỢNG	LS 2V	±0.6	±1.7	<table><tr><th>MÃ NHÔM</th><th>DÂY (MM)</th><th>T/LƯỢNG</th></tr><tr><td>HD9902</td><td>±0.9</td><td>±0.9</td></tr></table>	MÃ NHÔM	DÂY (MM)	T/LƯỢNG	HD9902	±0.9	±0.9	<table><tr><th>MÃ NHÔM</th><th>DÂY (MM)</th><th>T/LƯỢNG</th></tr><tr><td>HD F205</td><td>±1.0</td><td>±1.64</td></tr></table>	MÃ NHÔM	DÂY (MM)	T/LƯỢNG	HD F205	±1.0	±1.64	<table><tr><th>MÃ NHÔM</th><th>DÂY (MM)</th><th>T/LƯỢNG</th></tr><tr><td>HD E1283</td><td>±1.2</td><td>±1.9</td></tr></table>	MÃ NHÔM	DÂY (MM)	T/LƯỢNG	HD E1283	±1.2	±1.9
MÃ NHÔM	DÂY (MM)	T/LƯỢNG																									
LS 2V	±0.6	±1.7																									
MÃ NHÔM	DÂY (MM)	T/LƯỢNG																									
HD9902	±0.9	±0.9																									
MÃ NHÔM	DÂY (MM)	T/LƯỢNG																									
HD F205	±1.0	±1.64																									
MÃ NHÔM	DÂY (MM)	T/LƯỢNG																									
HD E1283	±1.2	±1.9																									
LAM BẦU	LAM BẦU	KẸP LAM	LÁ SÁCH																								
																											
<table><tr><th>MÃ NHÔM</th><th>DÂY (MM)</th><th>T/LƯỢNG</th></tr><tr><td>TXLAMBAU150</td><td>±1.2</td><td>±7.9</td></tr></table>	MÃ NHÔM	DÂY (MM)	T/LƯỢNG	TXLAMBAU150	±1.2	±7.9	<table><tr><th>MÃ NHÔM</th><th>DÂY (MM)</th><th>T/LƯỢNG</th></tr><tr><td>TXLAMBAU100</td><td>±1.0</td><td>±4.65</td></tr></table>	MÃ NHÔM	DÂY (MM)	T/LƯỢNG	TXLAMBAU100	±1.0	±4.65	<table><tr><th>MÃ NHÔM</th><th>DÂY (MM)</th><th>T/LƯỢNG</th></tr><tr><td>TX LAM</td><td>±2.4</td><td>±5.2</td></tr></table>	MÃ NHÔM	DÂY (MM)	T/LƯỢNG	TX LAM	±2.4	±5.2	<table><tr><th>MÃ NHÔM</th><th>DÂY (MM)</th><th>T/LƯỢNG</th></tr><tr><td>XF E192</td><td>±1.2</td><td>±2.0</td></tr></table>	MÃ NHÔM	DÂY (MM)	T/LƯỢNG	XF E192	±1.2	±2.0
MÃ NHÔM	DÂY (MM)	T/LƯỢNG																									
TXLAMBAU150	±1.2	±7.9																									
MÃ NHÔM	DÂY (MM)	T/LƯỢNG																									
TXLAMBAU100	±1.0	±4.65																									
MÃ NHÔM	DÂY (MM)	T/LƯỢNG																									
TX LAM	±2.4	±5.2																									
MÃ NHÔM	DÂY (MM)	T/LƯỢNG																									
XF E192	±1.2	±2.0																									
THANH NÓI	LAM LÁ	LÁ SÁCH	KB CỬA BẬT																								
																											
<table><tr><th>MÃ NHÔM</th><th>DÂY (MM)</th><th>T/LƯỢNG</th></tr><tr><td>TX 9909</td><td>±2.0</td><td>±5.6</td></tr></table>	MÃ NHÔM	DÂY (MM)	T/LƯỢNG	TX 9909	±2.0	±5.6	<table><tr><th>MÃ NHÔM</th><th>DÂY (MM)</th><th>T/LƯỢNG</th></tr><tr><td>TXLAMLA150</td><td>±1.1</td><td>±6.65</td></tr></table>	MÃ NHÔM	DÂY (MM)	T/LƯỢNG	TXLAMLA150	±1.1	±6.65	<table><tr><th>MÃ NHÔM</th><th>DÂY (MM)</th><th>T/LƯỢNG</th></tr><tr><td>TX9908</td><td>±2.0</td><td>±6.4</td></tr></table>	MÃ NHÔM	DÂY (MM)	T/LƯỢNG	TX9908	±2.0	±6.4	<table><tr><th>MÃ NHÔM</th><th>DÂY (MM)</th><th>T/LƯỢNG</th></tr><tr><td>TX3804</td><td>±1.0</td><td>±3.3</td></tr></table>	MÃ NHÔM	DÂY (MM)	T/LƯỢNG	TX3804	±1.0	±3.3
MÃ NHÔM	DÂY (MM)	T/LƯỢNG																									
TX 9909	±2.0	±5.6																									
MÃ NHÔM	DÂY (MM)	T/LƯỢNG																									
TXLAMLA150	±1.1	±6.65																									
MÃ NHÔM	DÂY (MM)	T/LƯỢNG																									
TX9908	±2.0	±6.4																									
MÃ NHÔM	DÂY (MM)	T/LƯỢNG																									
TX3804	±1.0	±3.3																									
K.B CỬA BẬT	NỆP CỬA BẬT	CÁNH CỬA BẬT	TRUNG GIAN																								
																											
<table><tr><th>MÃ NHÔM</th><th>DÂY (MM)</th><th>T/LƯỢNG</th></tr><tr><td>TX 3801</td><td>±0.9</td><td>±1.7</td></tr></table>	MÃ NHÔM	DÂY (MM)	T/LƯỢNG	TX 3801	±0.9	±1.7	<table><tr><th>MÃ NHÔM</th><th>DÂY (MM)</th><th>T/LƯỢNG</th></tr><tr><td>TX3805</td><td>±0.6</td><td>±1.1</td></tr></table>	MÃ NHÔM	DÂY (MM)	T/LƯỢNG	TX3805	±0.6	±1.1	<table><tr><th>MÃ NHÔM</th><th>DÂY (MM)</th><th>T/LƯỢNG</th></tr><tr><td>TX3803</td><td>±0.9</td><td>±2.3</td></tr></table>	MÃ NHÔM	DÂY (MM)	T/LƯỢNG	TX3803	±0.9	±2.3	<table><tr><th>MÃ NHÔM</th><th>DÂY (MM)</th><th>T/LƯỢNG</th></tr><tr><td>TX3802</td><td>±1.0</td><td>±3.6</td></tr></table>	MÃ NHÔM	DÂY (MM)	T/LƯỢNG	TX3802	±1.0	±3.6
MÃ NHÔM	DÂY (MM)	T/LƯỢNG																									
TX 3801	±0.9	±1.7																									
MÃ NHÔM	DÂY (MM)	T/LƯỢNG																									
TX3805	±0.6	±1.1																									
MÃ NHÔM	DÂY (MM)	T/LƯỢNG																									
TX3803	±0.9	±2.3																									
MÃ NHÔM	DÂY (MM)	T/LƯỢNG																									
TX3802	±1.0	±3.6																									

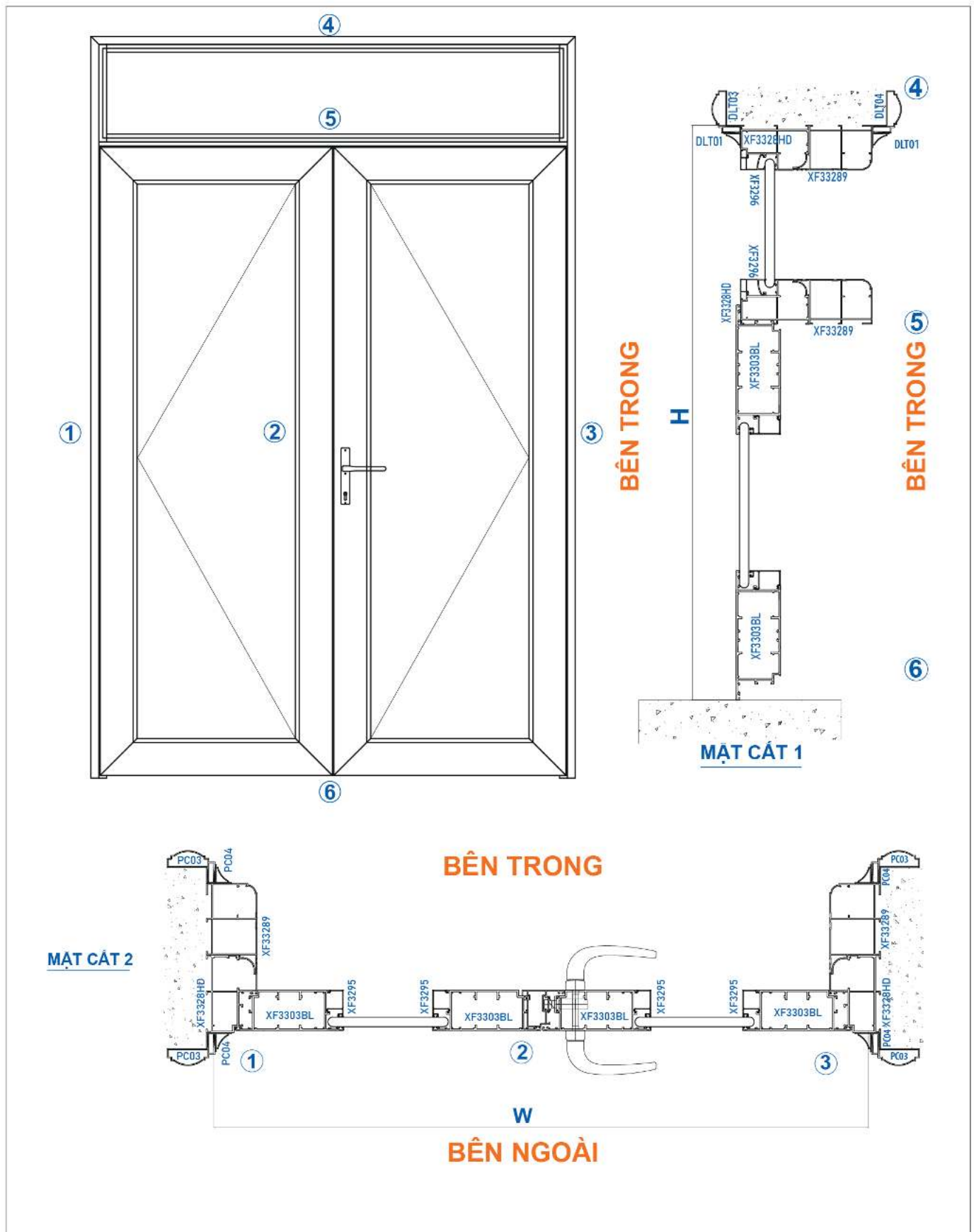
MẶT CẮT KỸ THUẬT CỬA SỔ LÁ SÁCH

KHUNG BAO  <table border="1"> <thead> <tr> <th>MÃ NHÔM</th> <th>DÂY (MM)</th> <th>T/LƯỢNG</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>TX F201A</td> <td>±1.2</td> <td>±5.9</td> </tr> </tbody> </table>	MÃ NHÔM	DÂY (MM)	T/LƯỢNG	TX F201A	±1.2	±5.9	KHUNG BAO  <table border="1"> <thead> <tr> <th>MÃ NHÔM</th> <th>DÂY (MM)</th> <th>T/LƯỢNG</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>TX F203A</td> <td>±1.2</td> <td>±4.1</td> </tr> </tbody> </table>	MÃ NHÔM	DÂY (MM)	T/LƯỢNG	TX F203A	±1.2	±4.1	LÁ SÁCH  <table border="1"> <thead> <tr> <th>MÃ NHÔM</th> <th>DÂY (MM)</th> <th>T/LƯỢNG</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>LS ĐÔI</td> <td>±0.6</td> <td>±2.9</td> </tr> </tbody> </table>	MÃ NHÔM	DÂY (MM)	T/LƯỢNG	LS ĐÔI	±0.6	±2.9
MÃ NHÔM	DÂY (MM)	T/LƯỢNG																		
TX F201A	±1.2	±5.9																		
MÃ NHÔM	DÂY (MM)	T/LƯỢNG																		
TX F203A	±1.2	±4.1																		
MÃ NHÔM	DÂY (MM)	T/LƯỢNG																		
LS ĐÔI	±0.6	±2.9																		
KHUNG BAO  <table border="1"> <thead> <tr> <th>MÃ NHÔM</th> <th>DÂY (MM)</th> <th>T/LƯỢNG</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>TX F201</td> <td>±1.2</td> <td>±5.1</td> </tr> </tbody> </table>	MÃ NHÔM	DÂY (MM)	T/LƯỢNG	TX F201	±1.2	±5.1	KHUNG BAO  <table border="1"> <thead> <tr> <th>MÃ NHÔM</th> <th>DÂY (MM)</th> <th>T/LƯỢNG</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>TX F203</td> <td>±1.3</td> <td>±3.7</td> </tr> </tbody> </table>	MÃ NHÔM	DÂY (MM)	T/LƯỢNG	TX F203	±1.3	±3.7	LAM LÁ  <table border="1"> <thead> <tr> <th>MÃ NHÔM</th> <th>DÂY (MM)</th> <th>T/LƯỢNG</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>TXLAMLA120</td> <td>±1.0</td> <td>±4.92</td> </tr> </tbody> </table>	MÃ NHÔM	DÂY (MM)	T/LƯỢNG	TXLAMLA120	±1.0	±4.92
MÃ NHÔM	DÂY (MM)	T/LƯỢNG																		
TX F201	±1.2	±5.1																		
MÃ NHÔM	DÂY (MM)	T/LƯỢNG																		
TX F203	±1.3	±3.7																		
MÃ NHÔM	DÂY (MM)	T/LƯỢNG																		
TXLAMLA120	±1.0	±4.92																		
THANH NỔI  <table border="1"> <thead> <tr> <th>MÃ NHÔM</th> <th>DÂY (MM)</th> <th>T/LƯỢNG</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>HD2323</td> <td>±0.9</td> <td>±2.0</td> </tr> </tbody> </table>	MÃ NHÔM	DÂY (MM)	T/LƯỢNG	HD2323	±0.9	±2.0	LÁ SÁCH  <table border="1"> <thead> <tr> <th>MÃ NHÔM</th> <th>DÂY (MM)</th> <th>T/LƯỢNG</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>LS1V</td> <td>±0.8</td> <td>±1.2</td> </tr> </tbody> </table>	MÃ NHÔM	DÂY (MM)	T/LƯỢNG	LS1V	±0.8	±1.2	LÁ SÁCH  <table border="1"> <thead> <tr> <th>MÃ NHÔM</th> <th>DÂY (MM)</th> <th>T/LƯỢNG</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>HD9905</td> <td>±0.8</td> <td>±1.2</td> </tr> </tbody> </table>	MÃ NHÔM	DÂY (MM)	T/LƯỢNG	HD9905	±0.8	±1.2
MÃ NHÔM	DÂY (MM)	T/LƯỢNG																		
HD2323	±0.9	±2.0																		
MÃ NHÔM	DÂY (MM)	T/LƯỢNG																		
LS1V	±0.8	±1.2																		
MÃ NHÔM	DÂY (MM)	T/LƯỢNG																		
HD9905	±0.8	±1.2																		
NỆP LÁ SÁCH  <table border="1"> <thead> <tr> <th>MÃ NHÔM</th> <th>DÂY (MM)</th> <th>T/LƯỢNG</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>HD9903</td> <td>±1.0</td> <td>±0.8</td> </tr> </tbody> </table>	MÃ NHÔM	DÂY (MM)	T/LƯỢNG	HD9903	±1.0	±0.8	NỆP CỬA BẬT  <table border="1"> <thead> <tr> <th>MÃ NHÔM</th> <th>DÂY (MM)</th> <th>T/LƯỢNG</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>TX3806</td> <td>±0.6</td> <td>±0.6</td> </tr> </tbody> </table>	MÃ NHÔM	DÂY (MM)	T/LƯỢNG	TX3806	±0.6	±0.6	KB CỬA BẬT  <table border="1"> <thead> <tr> <th>MÃ NHÔM</th> <th>DÂY (MM)</th> <th>T/LƯỢNG</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>TX3809</td> <td>±1.0</td> <td>±4.9</td> </tr> </tbody> </table>	MÃ NHÔM	DÂY (MM)	T/LƯỢNG	TX3809	±1.0	±4.9
MÃ NHÔM	DÂY (MM)	T/LƯỢNG																		
HD9903	±1.0	±0.8																		
MÃ NHÔM	DÂY (MM)	T/LƯỢNG																		
TX3806	±0.6	±0.6																		
MÃ NHÔM	DÂY (MM)	T/LƯỢNG																		
TX3809	±1.0	±4.9																		

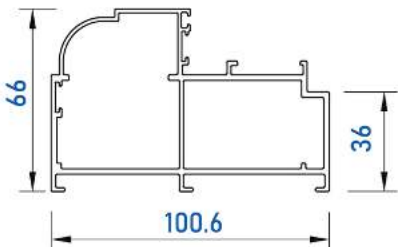
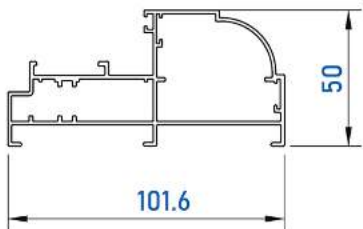
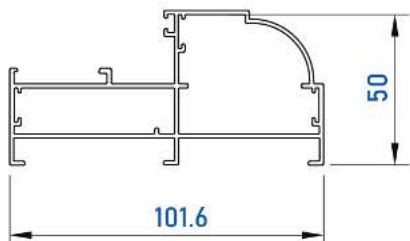
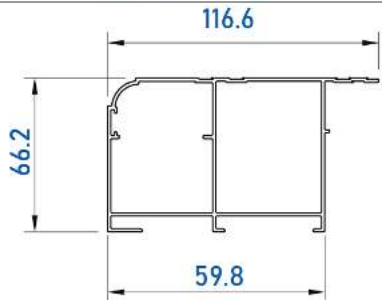
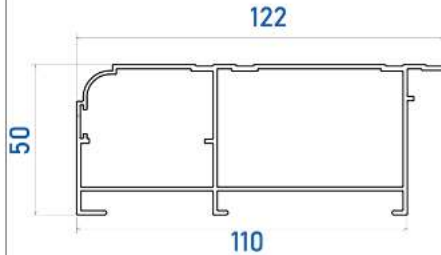
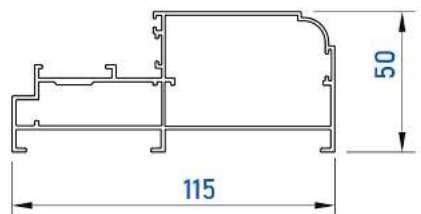
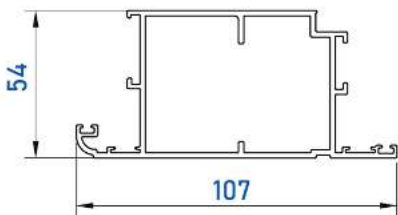
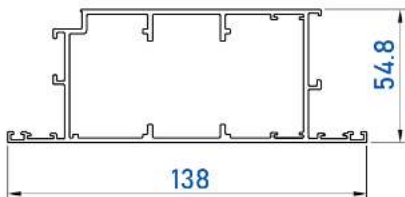
HỆ KHUNG BAO GHP NỔI TƯỜNG 100 - 200 PHÀO CHỈ



CỬA ĐI 2 CÁNH HỆ KHUNG BAO GHP 200



MẶT CẮT KỸ THUẬT HỆ KHUNG BAO GHEP 100 - 200

K.BAO CỬA ĐI 1000  <table border="1"> <thead> <tr> <th>MÃ NHÔM</th><th>ĐỘ DÀY(MM)</th><th>T.LƯỢNG</th></tr> </thead> <tbody> <tr> <td>XF3328HD</td><td>±1.8</td><td>±12.0</td></tr> <tr> <td>XF3328AHD</td><td>±1.4</td><td>±9.5</td></tr> </tbody> </table>	MÃ NHÔM	ĐỘ DÀY(MM)	T.LƯỢNG	XF3328HD	±1.8	±12.0	XF3328AHD	±1.4	±9.5	K.BAO CỬA SỐ 1000  <table border="1"> <thead> <tr> <th>MÃ NHÔM</th><th>ĐỘ DÀY(MM)</th><th>T.LƯỢNG</th></tr> </thead> <tbody> <tr> <td>3318HD</td><td>±1.3</td><td>±8.4</td></tr> </tbody> </table>	MÃ NHÔM	ĐỘ DÀY(MM)	T.LƯỢNG	3318HD	±1.3	±8.4	K.BAO VÁCH 1000  <table border="1"> <thead> <tr> <th>MÃ NHÔM</th><th>ĐỘ DÀY(MM)</th><th>T.LƯỢNG</th></tr> </thead> <tbody> <tr> <td>XF3209HD</td><td>±1.3</td><td>±8.1</td></tr> </tbody> </table>	MÃ NHÔM	ĐỘ DÀY(MM)	T.LƯỢNG	XF3209HD	±1.3	±8.1
MÃ NHÔM	ĐỘ DÀY(MM)	T.LƯỢNG																					
XF3328HD	±1.8	±12.0																					
XF3328AHD	±1.4	±9.5																					
MÃ NHÔM	ĐỘ DÀY(MM)	T.LƯỢNG																					
3318HD	±1.3	±8.4																					
MÃ NHÔM	ĐỘ DÀY(MM)	T.LƯỢNG																					
XF3209HD	±1.3	±8.1																					
K.BAO GHEP  <table border="1"> <thead> <tr> <th>MÃ NHÔM</th><th>ĐỘ DÀY(MM)</th><th>T.LƯỢNG</th></tr> </thead> <tbody> <tr> <td>XF33289</td><td>±1.5</td><td>±10</td></tr> </tbody> </table>	MÃ NHÔM	ĐỘ DÀY(MM)	T.LƯỢNG	XF33289	±1.5	±10	K.BAO GHEP  <table border="1"> <thead> <tr> <th>MÃ NHÔM</th><th>ĐỘ DÀY(MM)</th><th>T.LƯỢNG</th></tr> </thead> <tbody> <tr> <td>XF3328B</td><td>±1.3</td><td>±8.9</td></tr> </tbody> </table>	MÃ NHÔM	ĐỘ DÀY(MM)	T.LƯỢNG	XF3328B	±1.3	±8.9	K.BAO GHEP  <table border="1"> <thead> <tr> <th>MÃ NHÔM</th><th>ĐỘ DÀY(MM)</th><th>T.LƯỢNG</th></tr> </thead> <tbody> <tr> <td>XF3328C</td><td>±1.3</td><td>±8.7</td></tr> </tbody> </table>	MÃ NHÔM	ĐỘ DÀY(MM)	T.LƯỢNG	XF3328C	±1.3	±8.7			
MÃ NHÔM	ĐỘ DÀY(MM)	T.LƯỢNG																					
XF33289	±1.5	±10																					
MÃ NHÔM	ĐỘ DÀY(MM)	T.LƯỢNG																					
XF3328B	±1.3	±8.9																					
MÃ NHÔM	ĐỘ DÀY(MM)	T.LƯỢNG																					
XF3328C	±1.3	±8.7																					
CÁNH ĐI CỬA BẦU  <table border="1"> <thead> <tr> <th>MÃ NHÔM</th><th>ĐỘ DÀY(MM)</th><th>T.LƯỢNG</th></tr> </thead> <tbody> <tr> <td>XF3303BT</td><td>±1.8</td><td>±9.7</td></tr> </tbody> </table>	MÃ NHÔM	ĐỘ DÀY(MM)	T.LƯỢNG	XF3303BT	±1.8	±9.7	CÁNH CỬA ĐI BÀN LỚN  <table border="1"> <thead> <tr> <th>MÃ NHÔM</th><th>ĐỘ DÀY(MM)</th><th>T.LƯỢNG</th></tr> </thead> <tbody> <tr> <td>XF3303BL</td><td>±1.6</td><td>±12.5</td></tr> </tbody> </table>	MÃ NHÔM	ĐỘ DÀY(MM)	T.LƯỢNG	XF3303BL	±1.6	±12.5										
MÃ NHÔM	ĐỘ DÀY(MM)	T.LƯỢNG																					
XF3303BT	±1.8	±9.7																					
MÃ NHÔM	ĐỘ DÀY(MM)	T.LƯỢNG																					
XF3303BL	±1.6	±12.5																					

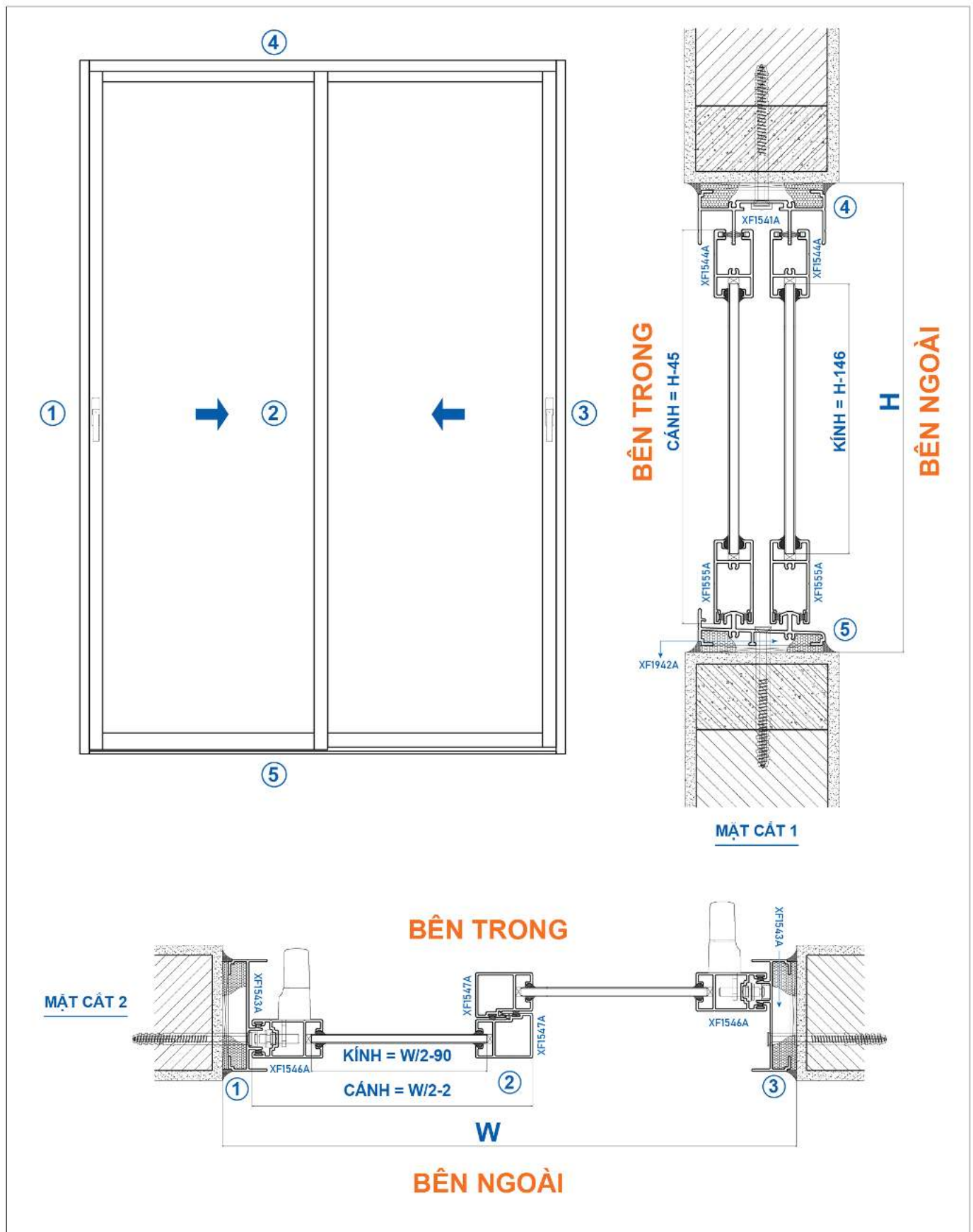


HỆ 93

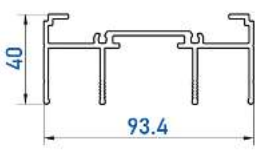
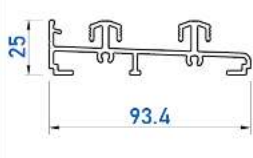
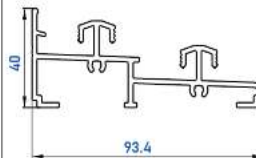
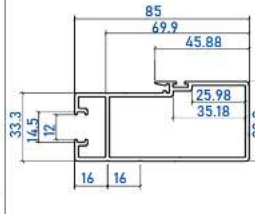
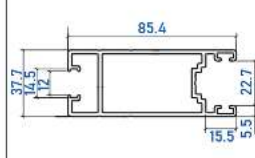
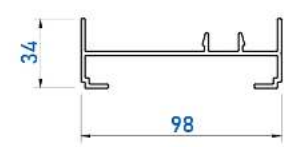
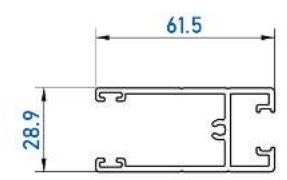
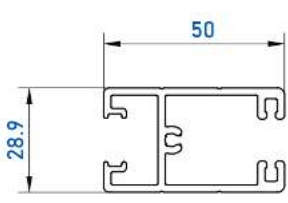
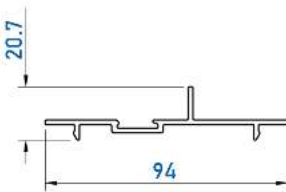
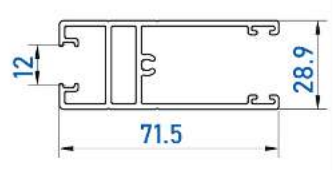
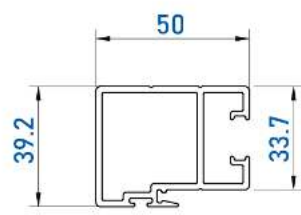
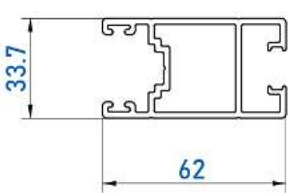
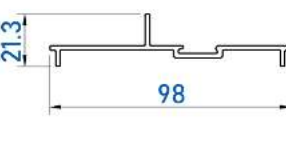
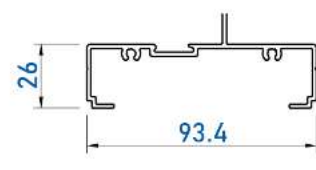
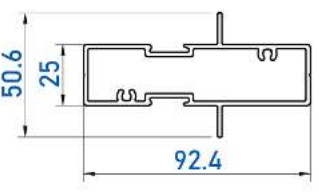
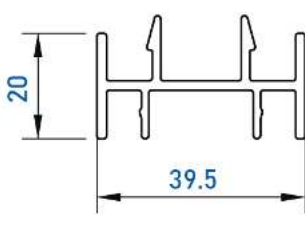
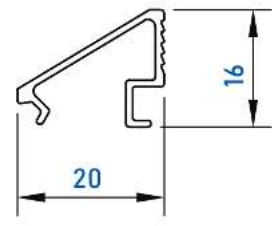
CỬA MỞ TRƯỢT



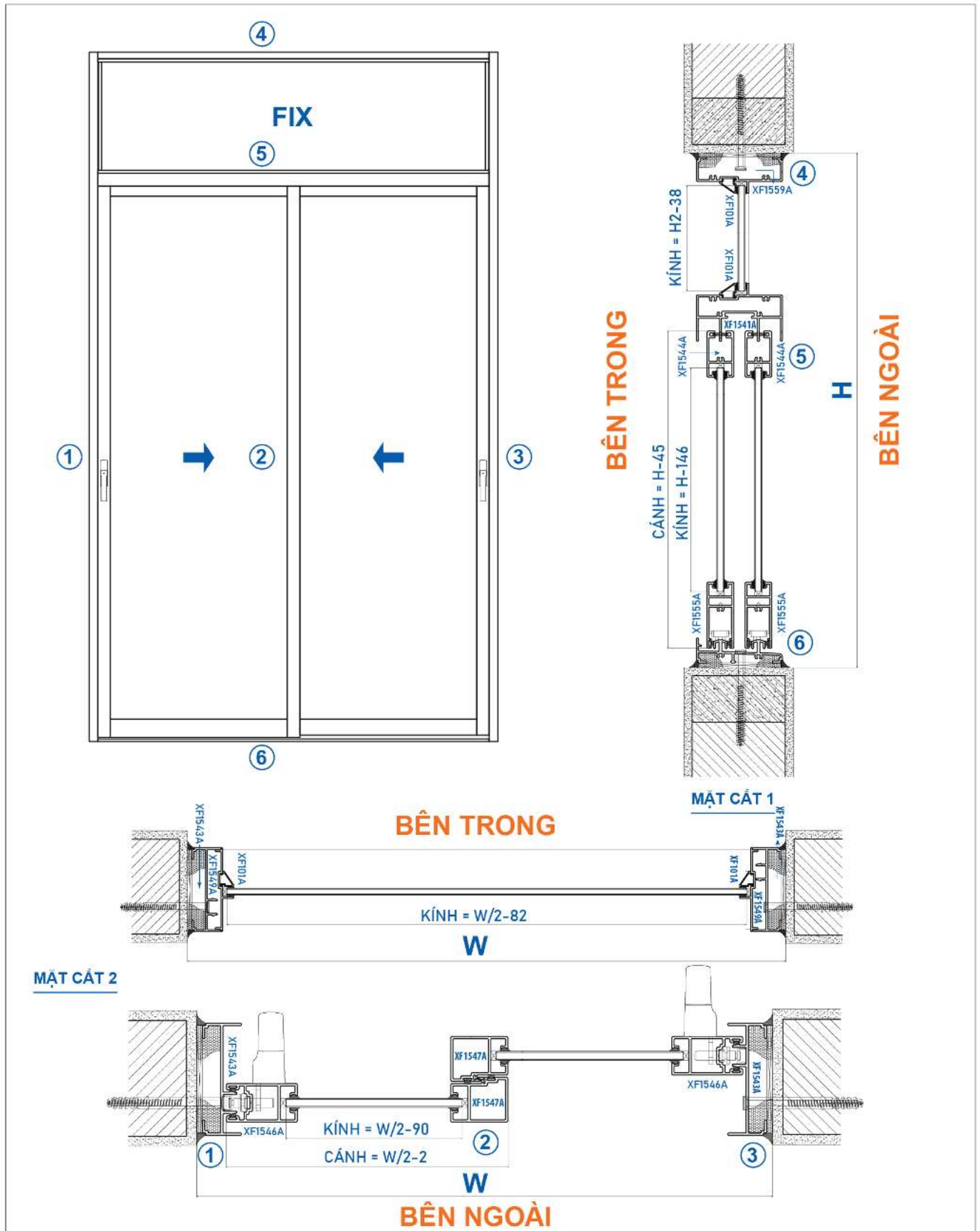
CỬA 2 CÁNH MỞ TRƯỢT HỆ 93



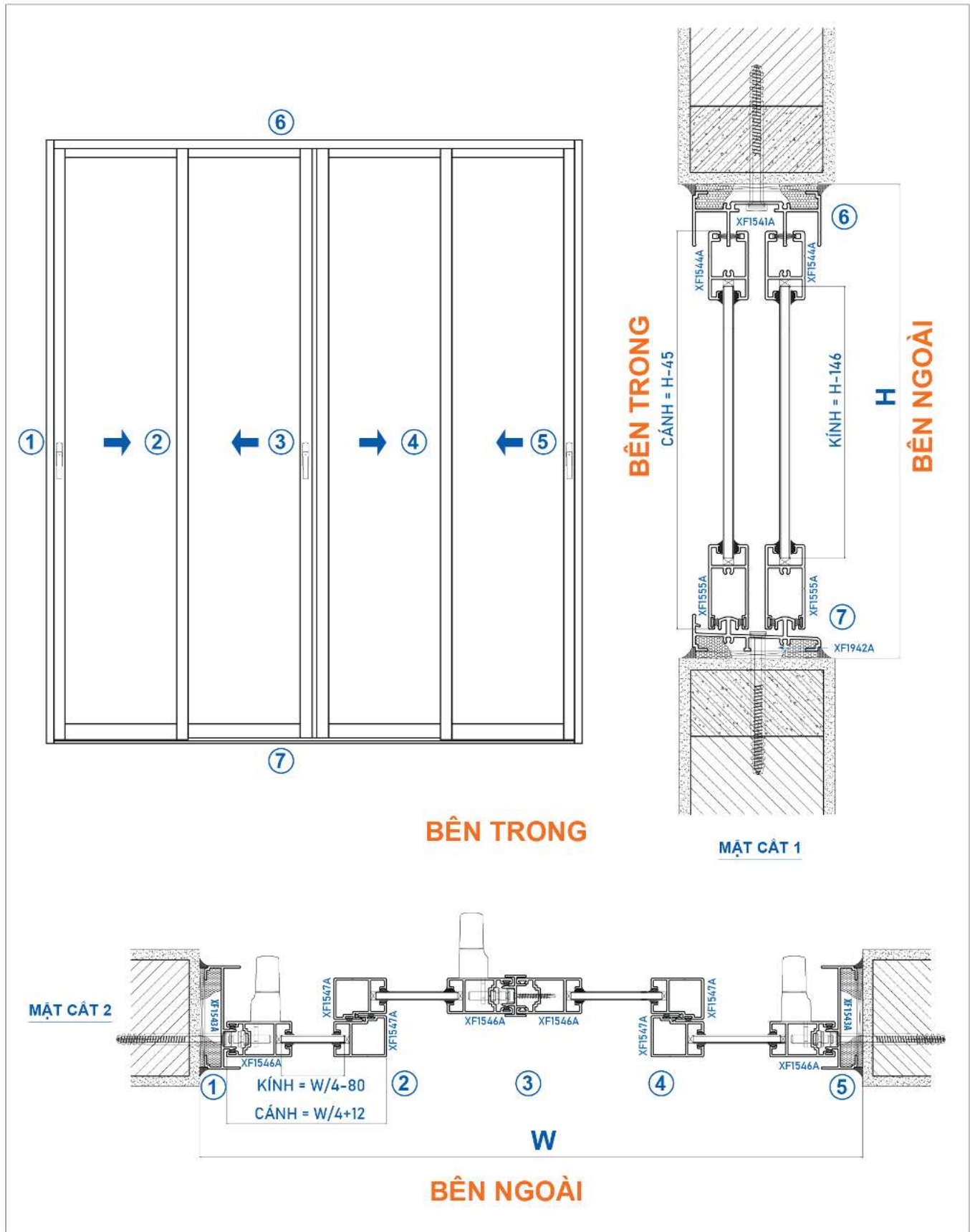
MẶT CẮT THÔNG SỐ KỸ THUẬT CỬA ĐI MỞ TRƯỢT HỆ 93

MÁNG TRÊN	RAY DƯỚI	RAY DƯỚI	CÁNH MÓC LỚN	CÁNH TRƠN LỚN																																													
																																																	
<table><tr><th>MÃ NHÔM</th><th>ĐỘ DÀY(MM)</th><th>T.LƯỢNG</th></tr><tr><td>XF1541A</td><td>±1.6</td><td>±7.3</td></tr><tr><td>XF1541M</td><td>±1.2</td><td>±5.7</td></tr></table>	MÃ NHÔM	ĐỘ DÀY(MM)	T.LƯỢNG	XF1541A	±1.6	±7.3	XF1541M	±1.2	±5.7	<table><tr><th>MÃ NHÔM</th><th>ĐỘ DÀY(MM)</th><th>T.LƯỢNG</th></tr><tr><td>XF1942A</td><td>±1.7</td><td>±6.8</td></tr><tr><td>XF1942AM</td><td>±1.2</td><td>±5.5</td></tr></table>	MÃ NHÔM	ĐỘ DÀY(MM)	T.LƯỢNG	XF1942A	±1.7	±6.8	XF1942AM	±1.2	±5.5	<table><tr><th>MÃ NHÔM</th><th>ĐỘ DÀY(MM)</th><th>T.LƯỢNG</th></tr><tr><td>XF1942</td><td>±2.0</td><td>±8.65</td></tr><tr><td>XF1942M</td><td>±1.2</td><td>±6.2</td></tr></table>	MÃ NHÔM	ĐỘ DÀY(MM)	T.LƯỢNG	XF1942	±2.0	±8.65	XF1942M	±1.2	±6.2	<table><tr><th>MÃ NHÔM</th><th>ĐỘ DÀY(MM)</th><th>T.LƯỢNG</th></tr><tr><td>XF1547HD</td><td>±1.9</td><td>±8.4</td></tr><tr><td>XF1547HDM</td><td>±1.2</td><td>±5.8</td></tr></table>	MÃ NHÔM	ĐỘ DÀY(MM)	T.LƯỢNG	XF1547HD	±1.9	±8.4	XF1547HDM	±1.2	±5.8	<table><tr><th>MÃ NHÔM</th><th>ĐỘ DÀY(MM)</th><th>T.LƯỢNG</th></tr><tr><td>XF1546HD</td><td>±2.0</td><td>±8.8</td></tr><tr><td>XF1546HDM</td><td>±1.2</td><td>±6.2</td></tr></table>	MÃ NHÔM	ĐỘ DÀY(MM)	T.LƯỢNG	XF1546HD	±2.0	±8.8	XF1546HDM	±1.2	±6.2
MÃ NHÔM	ĐỘ DÀY(MM)	T.LƯỢNG																																															
XF1541A	±1.6	±7.3																																															
XF1541M	±1.2	±5.7																																															
MÃ NHÔM	ĐỘ DÀY(MM)	T.LƯỢNG																																															
XF1942A	±1.7	±6.8																																															
XF1942AM	±1.2	±5.5																																															
MÃ NHÔM	ĐỘ DÀY(MM)	T.LƯỢNG																																															
XF1942	±2.0	±8.65																																															
XF1942M	±1.2	±6.2																																															
MÃ NHÔM	ĐỘ DÀY(MM)	T.LƯỢNG																																															
XF1547HD	±1.9	±8.4																																															
XF1547HDM	±1.2	±5.8																																															
MÃ NHÔM	ĐỘ DÀY(MM)	T.LƯỢNG																																															
XF1546HD	±2.0	±8.8																																															
XF1546HDM	±1.2	±6.2																																															
KHUNG BAO ĐỨNG	NGANG DƯỚI		NGANG TRÊN	ỐP KHUNG BAO NGANG																																													
																																																	
<table><tr><th>MÃ NHÔM</th><th>ĐỘ DÀY(MM)</th><th>T.LƯỢNG</th></tr><tr><td>XF1543A</td><td>±1.7</td><td>±6.6</td></tr><tr><td>XF1543M</td><td>±1.2</td><td>±4.5</td></tr></table>	MÃ NHÔM	ĐỘ DÀY(MM)	T.LƯỢNG	XF1543A	±1.7	±6.6	XF1543M	±1.2	±4.5	<table><tr><th>MÃ NHÔM</th><th>ĐỘ DÀY(MM)</th><th>T.LƯỢNG</th></tr><tr><td>XF1545A</td><td>±1.6</td><td>±5.2</td></tr><tr><td>XF1545M</td><td>±1.2</td><td>±4.1</td></tr></table>		MÃ NHÔM	ĐỘ DÀY(MM)	T.LƯỢNG	XF1545A	±1.6	±5.2	XF1545M	±1.2	±4.1	<table><tr><th>MÃ NHÔM</th><th>ĐỘ DÀY(MM)</th><th>T.LƯỢNG</th></tr><tr><td>XF1544A</td><td>±1.6</td><td>±5.3</td></tr><tr><td>XF1544M</td><td>±1.2</td><td>±4.1</td></tr></table>	MÃ NHÔM	ĐỘ DÀY(MM)	T.LƯỢNG	XF1544A	±1.6	±5.3	XF1544M	±1.2	±4.1	<table><tr><th>MÃ NHÔM</th><th>ĐỘ DÀY(MM)</th><th>T.LƯỢNG</th></tr><tr><td>XF1578A</td><td>±1.8</td><td>±3.8</td></tr><tr><td>XF1578M</td><td>±1.2</td><td>±2.7</td></tr></table>	MÃ NHÔM	ĐỘ DÀY(MM)	T.LƯỢNG	XF1578A	±1.8	±3.8	XF1578M	±1.2	±2.7									
MÃ NHÔM	ĐỘ DÀY(MM)	T.LƯỢNG																																															
XF1543A	±1.7	±6.6																																															
XF1543M	±1.2	±4.5																																															
MÃ NHÔM	ĐỘ DÀY(MM)	T.LƯỢNG																																															
XF1545A	±1.6	±5.2																																															
XF1545M	±1.2	±4.1																																															
MÃ NHÔM	ĐỘ DÀY(MM)	T.LƯỢNG																																															
XF1544A	±1.6	±5.3																																															
XF1544M	±1.2	±4.1																																															
MÃ NHÔM	ĐỘ DÀY(MM)	T.LƯỢNG																																															
XF1578A	±1.8	±3.8																																															
XF1578M	±1.2	±2.7																																															
CÁNH NGANG DƯỚI	CÁNH MÓC CỬA LỬA	CÁNH TRƠN CỬA LỬA	ỐP KHUNG BAO																																														
																																																	
<table><tr><th>MÃ NHÔM</th><th>ĐỘ DÀY(MM)</th><th>T.LƯỢNG</th></tr><tr><td>XF1555A</td><td>±1.5</td><td>±6.5</td></tr><tr><td>XF1555M</td><td>±1.2</td><td>±5.1</td></tr></table>	MÃ NHÔM	ĐỘ DÀY(MM)	T.LƯỢNG	XF1555A	±1.5	±6.5	XF1555M	±1.2	±5.1	<table><tr><th>MÃ NHÔM</th><th>ĐỘ DÀY(MM)</th><th>T.LƯỢNG</th></tr><tr><td>XF1547A</td><td>±1.55</td><td>±5.5</td></tr><tr><td>XF1547M</td><td>±1.2</td><td>±4.4</td></tr></table>	MÃ NHÔM	ĐỘ DÀY(MM)	T.LƯỢNG	XF1547A	±1.55	±5.5	XF1547M	±1.2	±4.4	<table><tr><th>MÃ NHÔM</th><th>ĐỘ DÀY(MM)</th><th>T.LƯỢNG</th></tr><tr><td>XF1546A</td><td>±1.65</td><td>±6.6</td></tr><tr><td>XF1546M</td><td>±1.2</td><td>±5.2</td></tr></table>	MÃ NHÔM	ĐỘ DÀY(MM)	T.LƯỢNG	XF1546A	±1.65	±6.6	XF1546M	±1.2	±5.2	<table><tr><th>MÃ NHÔM</th><th>ĐỘ DÀY(MM)</th><th>T.LƯỢNG</th></tr><tr><td>XF1549A</td><td>±1.9</td><td>±4.3</td></tr><tr><td>XF1549M</td><td>±1.2</td><td>±2.8</td></tr></table>		MÃ NHÔM	ĐỘ DÀY(MM)	T.LƯỢNG	XF1549A	±1.9	±4.3	XF1549M	±1.2	±2.8									
MÃ NHÔM	ĐỘ DÀY(MM)	T.LƯỢNG																																															
XF1555A	±1.5	±6.5																																															
XF1555M	±1.2	±5.1																																															
MÃ NHÔM	ĐỘ DÀY(MM)	T.LƯỢNG																																															
XF1547A	±1.55	±5.5																																															
XF1547M	±1.2	±4.4																																															
MÃ NHÔM	ĐỘ DÀY(MM)	T.LƯỢNG																																															
XF1546A	±1.65	±6.6																																															
XF1546M	±1.2	±5.2																																															
MÃ NHÔM	ĐỘ DÀY(MM)	T.LƯỢNG																																															
XF1549A	±1.9	±4.3																																															
XF1549M	±1.2	±2.8																																															
KHUNG BAO NGANG	ĐỒ CHIA VÁCH	TRUNG GIAN CÁCH	NỆP KÍNH																																														
																																																	
<table><tr><th>MÃ NHÔM</th><th>ĐỘ DÀY(MM)</th><th>T.LƯỢNG</th></tr><tr><td>XF1559A</td><td>±1.6</td><td>±5.4</td></tr><tr><td>XF1559M</td><td>±1.2</td><td>±4.1</td></tr></table>	MÃ NHÔM	ĐỘ DÀY(MM)	T.LƯỢNG	XF1559A	±1.6	±5.4	XF1559M	±1.2	±4.1	<table><tr><th>MÃ NHÔM</th><th>ĐỘ DÀY(MM)</th><th>T.LƯỢNG</th></tr><tr><td>XF2618</td><td>±1.6</td><td>±6.1</td></tr></table>	MÃ NHÔM	ĐỘ DÀY(MM)	T.LƯỢNG	XF2618	±1.6	±6.1	<table><tr><th>MÃ NHÔM</th><th>ĐỘ DÀY(MM)</th><th>T.LƯỢNG</th></tr><tr><td>XF1548</td><td>±1.3</td><td>±2.75</td></tr></table>	MÃ NHÔM	ĐỘ DÀY(MM)	T.LƯỢNG	XF1548	±1.3	±2.75	<table><tr><th>MÃ NHÔM</th><th>ĐỘ DÀY(MM)</th><th>T.LƯỢNG</th></tr><tr><td>XF101</td><td>±1.0</td><td>±0.75</td></tr></table>		MÃ NHÔM	ĐỘ DÀY(MM)	T.LƯỢNG	XF101	±1.0	±0.75																		
MÃ NHÔM	ĐỘ DÀY(MM)	T.LƯỢNG																																															
XF1559A	±1.6	±5.4																																															
XF1559M	±1.2	±4.1																																															
MÃ NHÔM	ĐỘ DÀY(MM)	T.LƯỢNG																																															
XF2618	±1.6	±6.1																																															
MÃ NHÔM	ĐỘ DÀY(MM)	T.LƯỢNG																																															
XF1548	±1.3	±2.75																																															
MÃ NHÔM	ĐỘ DÀY(MM)	T.LƯỢNG																																															
XF101	±1.0	±0.75																																															

CỬA 2 CÁNH MỞ TRƯỢT HỆ 93 CÓ FIX



CỬA 4 CÁNH MỞ TRƯỢT HỆ 93

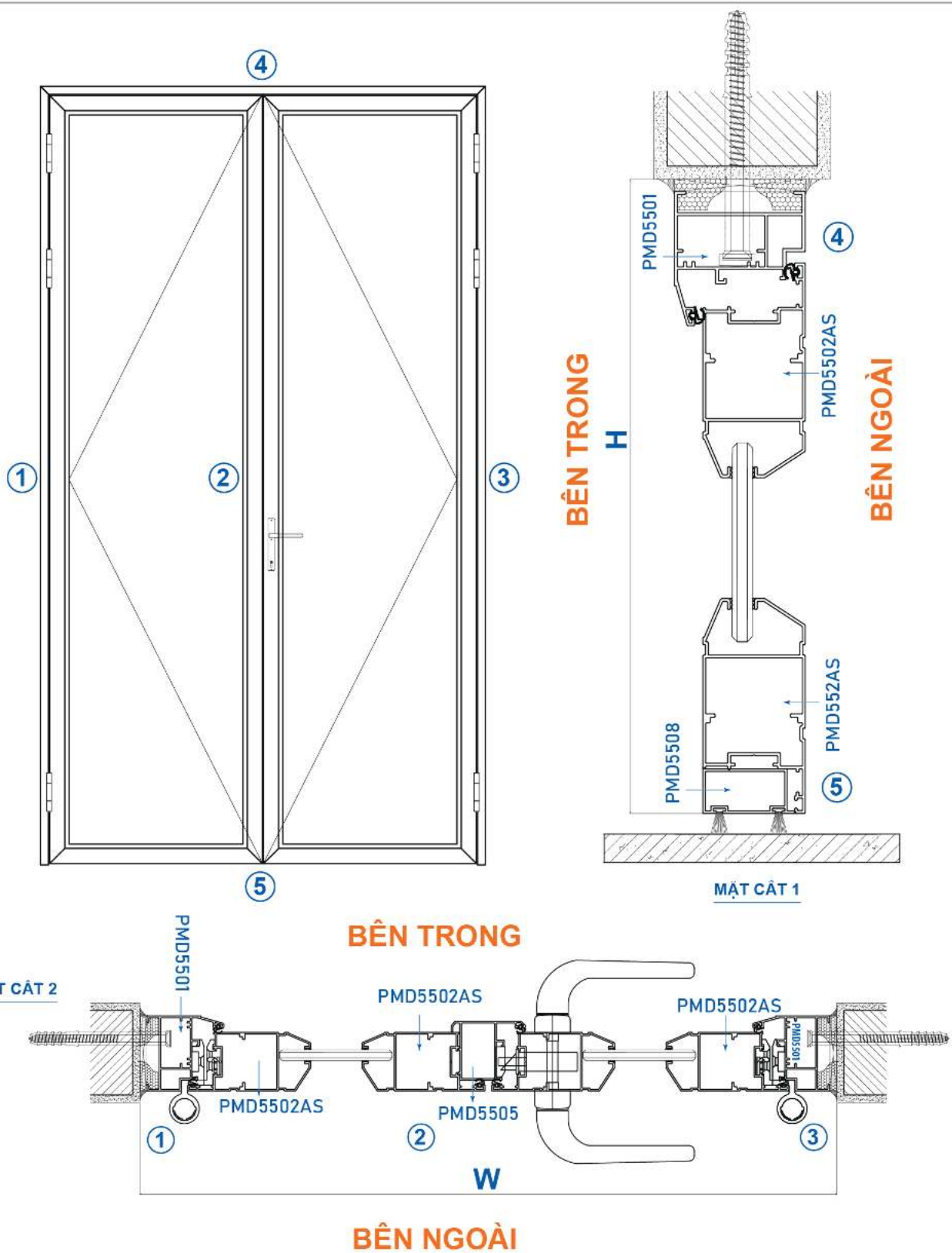


HỆ VÁT CẠNH 55

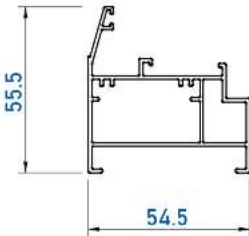
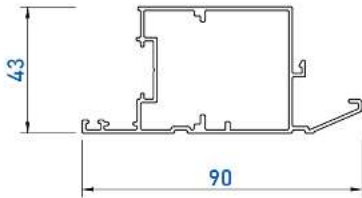
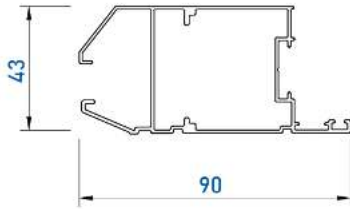
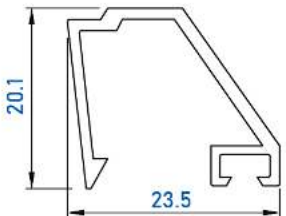
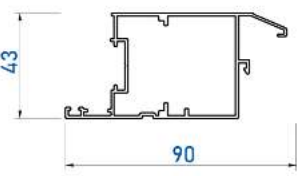
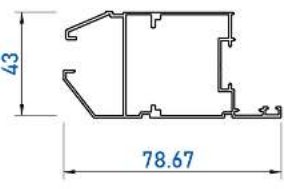
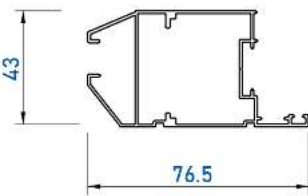
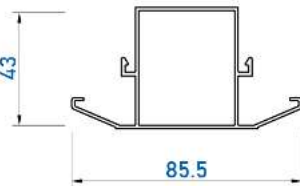
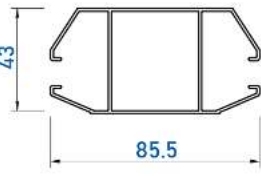
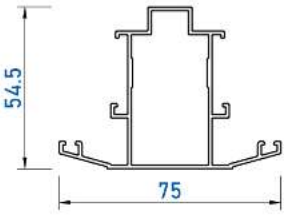
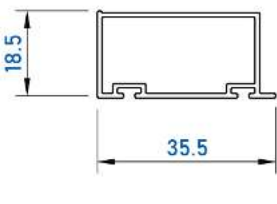
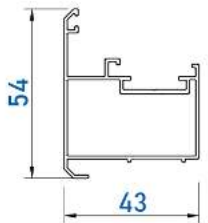
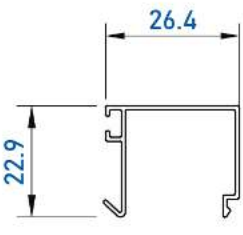
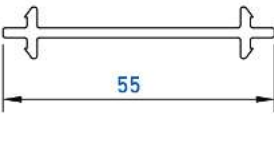
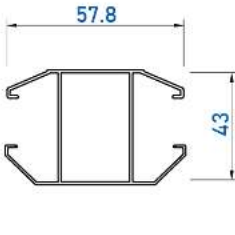
CỬA ĐI



CỬA ĐI VÁT CẠNH HỆ 55



MẶT CẮT THÔNG SỐ KỸ THUẬT HỆ VÁT CẠNH 55

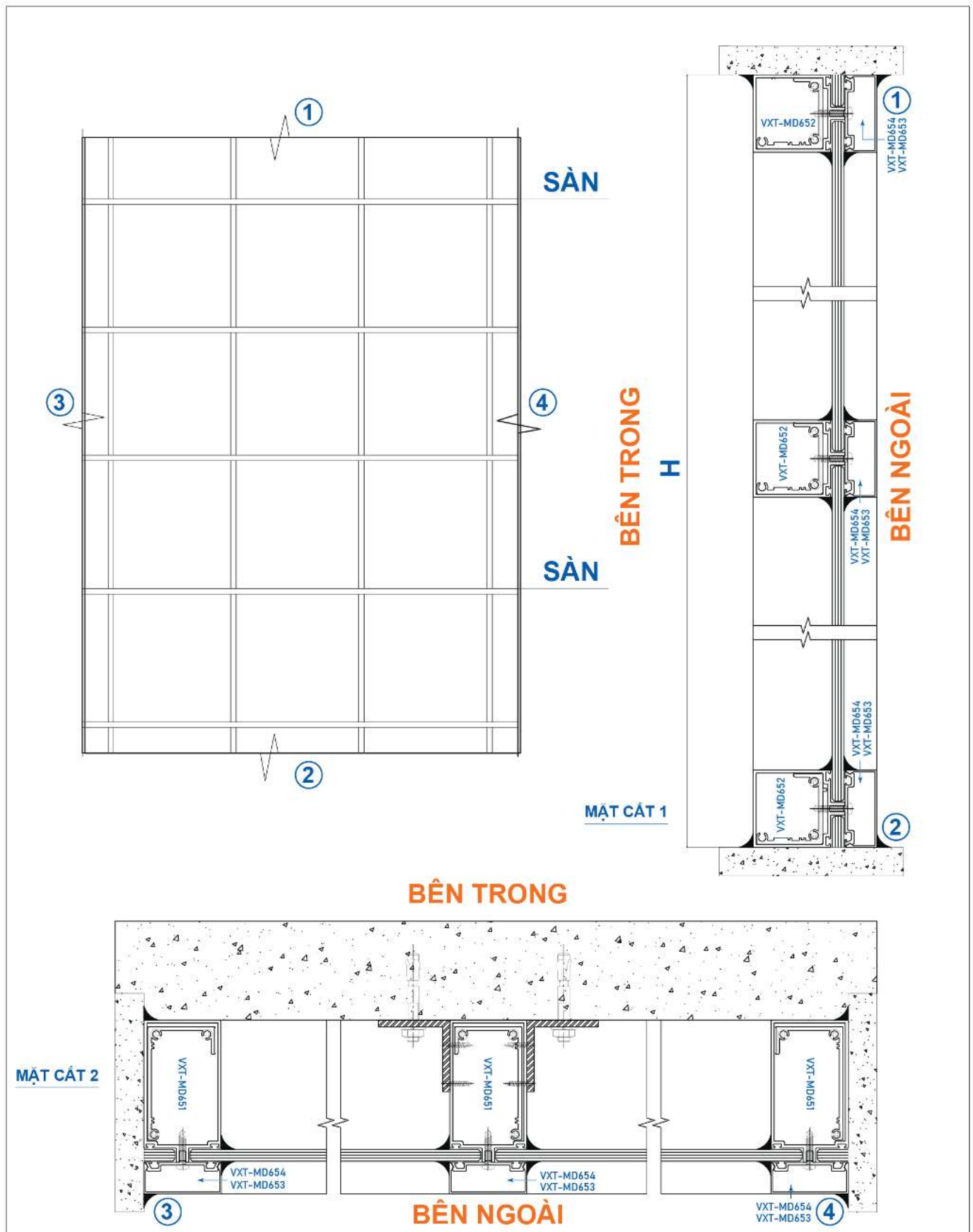
KHUNG BAO CỬA		CÁNH CỬA ĐI MỜ NGOÀI		CÁNH CỬA NGOÀI LIÊN NẾP																											
																															
<table><tr><th>MÃ NHÔM</th><th>ĐỘ DÀY(MM)</th><th>T.LƯỢNG</th></tr><tr><td>PMD5501</td><td>±1.0</td><td>±4.1</td></tr></table>	MÃ NHÔM	ĐỘ DÀY(MM)	T.LƯỢNG	PMD5501	±1.0	±4.1		<table><tr><th>MÃ NHÔM</th><th>ĐỘ DÀY(MM)</th><th>T.LƯỢNG</th></tr><tr><td>PMD5502</td><td>±1.2</td><td>±5.6</td></tr></table>	MÃ NHÔM	ĐỘ DÀY(MM)	T.LƯỢNG	PMD5502	±1.2	±5.6		<table><tr><th>MÃ NHÔM</th><th>ĐỘ DÀY(MM)</th><th>T.LƯỢNG</th></tr><tr><td>PMD5502AS</td><td>±1.0</td><td>±4.7</td></tr></table>	MÃ NHÔM	ĐỘ DÀY(MM)	T.LƯỢNG	PMD5502AS	±1.0	±4.7									
MÃ NHÔM	ĐỘ DÀY(MM)	T.LƯỢNG																													
PMD5501	±1.0	±4.1																													
MÃ NHÔM	ĐỘ DÀY(MM)	T.LƯỢNG																													
PMD5502	±1.2	±5.6																													
MÃ NHÔM	ĐỘ DÀY(MM)	T.LƯỢNG																													
PMD5502AS	±1.0	±4.7																													
NẾP CÁNH		CÁNH CỬA ĐI MỜ VÀO		CHIA CÁNH NẾP LIÊN		CÁNH CỬA SỎ																									
																															
<table><tr><th>MÃ NHÔM</th><th>ĐỘ DÀY(MM)</th><th>T.LƯỢNG</th></tr><tr><td>PMD5506</td><td>±1.2</td><td>±1.4</td></tr></table>	MÃ NHÔM	ĐỘ DÀY(MM)	T.LƯỢNG	PMD5506	±1.2	±1.4		<table><tr><th>MÃ NHÔM</th><th>ĐỘ DÀY(MM)</th><th>T.LƯỢNG</th></tr><tr><td>PMD5520</td><td>±1.2</td><td>±5.6</td></tr></table>	MÃ NHÔM	ĐỘ DÀY(MM)	T.LƯỢNG	PMD5520	±1.2	±5.6		<table><tr><th>MÃ NHÔM</th><th>ĐỘ DÀY(MM)</th><th>T.LƯỢNG</th></tr><tr><td>PMD5520AS</td><td>±1.0</td><td>±5.6</td></tr></table>	MÃ NHÔM	ĐỘ DÀY(MM)	T.LƯỢNG	PMD5520AS	±1.0	±5.6		<table><tr><th>MÃ NHÔM</th><th>ĐỘ DÀY(MM)</th><th>T.LƯỢNG</th></tr><tr><td>PMD5503</td><td>±0.9</td><td>±4.7</td></tr></table>	MÃ NHÔM	ĐỘ DÀY(MM)	T.LƯỢNG	PMD5503	±0.9	±4.7	
MÃ NHÔM	ĐỘ DÀY(MM)	T.LƯỢNG																													
PMD5506	±1.2	±1.4																													
MÃ NHÔM	ĐỘ DÀY(MM)	T.LƯỢNG																													
PMD5520	±1.2	±5.6																													
MÃ NHÔM	ĐỘ DÀY(MM)	T.LƯỢNG																													
PMD5520AS	±1.0	±5.6																													
MÃ NHÔM	ĐỘ DÀY(MM)	T.LƯỢNG																													
PMD5503	±0.9	±4.7																													
ĐÓ CHIA CÁNH		ĐÓ CHIA CÁNH LIÊN NẾP		ĐÓ CHIA KHUNG		ÓP CHÂN CÁNH																									
																															
<table><tr><th>MÃ NHÔM</th><th>ĐỘ DÀY(MM)</th><th>T.LƯỢNG</th></tr><tr><td>PMD5504</td><td>±1.0</td><td>±4.2</td></tr></table>	MÃ NHÔM	ĐỘ DÀY(MM)	T.LƯỢNG	PMD5504	±1.0	±4.2		<table><tr><th>MÃ NHÔM</th><th>ĐỘ DÀY(MM)</th><th>T.LƯỢNG</th></tr><tr><td>PMD5504A</td><td>±1.0</td><td>±4.9</td></tr></table>	MÃ NHÔM	ĐỘ DÀY(MM)	T.LƯỢNG	PMD5504A	±1.0	±4.9		<table><tr><th>MÃ NHÔM</th><th>ĐỘ DÀY(MM)</th><th>T.LƯỢNG</th></tr><tr><td>PMD5540</td><td>±1.0</td><td>±4.7</td></tr></table>	MÃ NHÔM	ĐỘ DÀY(MM)	T.LƯỢNG	PMD5540	±1.0	±4.7		<table><tr><th>MÃ NHÔM</th><th>ĐỘ DÀY(MM)</th><th>T.LƯỢNG</th></tr><tr><td>PMD5508</td><td>±1.1</td><td>±2.15</td></tr></table>	MÃ NHÔM	ĐỘ DÀY(MM)	T.LƯỢNG	PMD5508	±1.1	±2.15	
MÃ NHÔM	ĐỘ DÀY(MM)	T.LƯỢNG																													
PMD5504	±1.0	±4.2																													
MÃ NHÔM	ĐỘ DÀY(MM)	T.LƯỢNG																													
PMD5504A	±1.0	±4.9																													
MÃ NHÔM	ĐỘ DÀY(MM)	T.LƯỢNG																													
PMD5540	±1.0	±4.7																													
MÃ NHÔM	ĐỘ DÀY(MM)	T.LƯỢNG																													
PMD5508	±1.1	±2.15																													
ĐÓ ĐỘNG		NẾP KHUNG		NỐI KHUNG		ĐÓ CHIA Ô																									
																															
<table><tr><th>MÃ NHÔM</th><th>ĐỘ DÀY(MM)</th><th>T.LƯỢNG</th></tr><tr><td>PMD5505</td><td>±1.1</td><td>±3.7</td></tr></table>	MÃ NHÔM	ĐỘ DÀY(MM)	T.LƯỢNG	PMD5505	±1.1	±3.7		<table><tr><th>MÃ NHÔM</th><th>ĐỘ DÀY(MM)</th><th>T.LƯỢNG</th></tr><tr><td>PMD5507</td><td>±1.0</td><td>±1.45</td></tr></table>	MÃ NHÔM	ĐỘ DÀY(MM)	T.LƯỢNG	PMD5507	±1.0	±1.45		<table><tr><th>MÃ NHÔM</th><th>ĐỘ DÀY(MM)</th><th>T.LƯỢNG</th></tr><tr><td>PMD5509</td><td>±2.0</td><td>±2.35</td></tr></table>	MÃ NHÔM	ĐỘ DÀY(MM)	T.LƯỢNG	PMD5509	±2.0	±2.35		<table><tr><th>MÃ NHÔM</th><th>ĐỘ DÀY(MM)</th><th>T.LƯỢNG</th></tr><tr><td>PMD5504B</td><td>±1.0</td><td>±3.9</td></tr></table>	MÃ NHÔM	ĐỘ DÀY(MM)	T.LƯỢNG	PMD5504B	±1.0	±3.9	
MÃ NHÔM	ĐỘ DÀY(MM)	T.LƯỢNG																													
PMD5505	±1.1	±3.7																													
MÃ NHÔM	ĐỘ DÀY(MM)	T.LƯỢNG																													
PMD5507	±1.0	±1.45																													
MÃ NHÔM	ĐỘ DÀY(MM)	T.LƯỢNG																													
PMD5509	±2.0	±2.35																													
MÃ NHÔM	ĐỘ DÀY(MM)	T.LƯỢNG																													
PMD5504B	±1.0	±3.9																													

HỆ MD

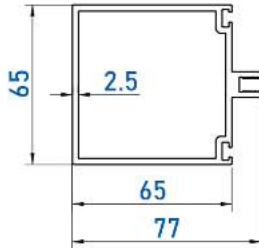
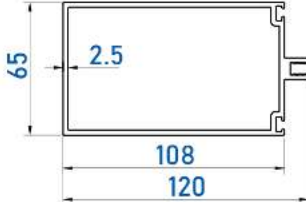
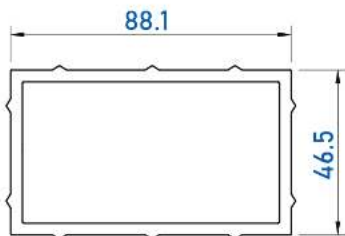
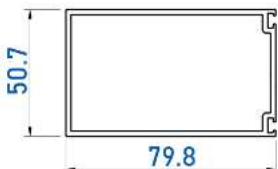
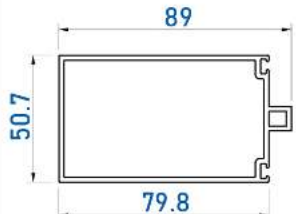
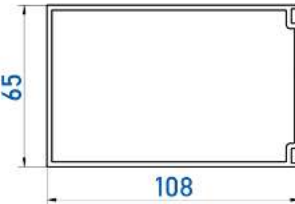
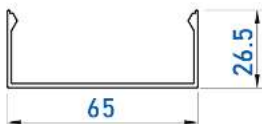
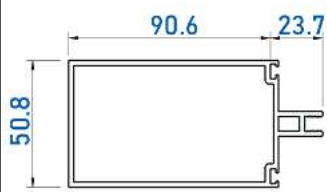
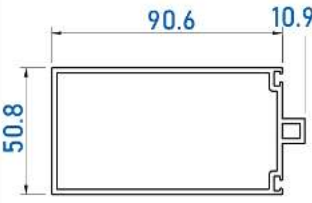
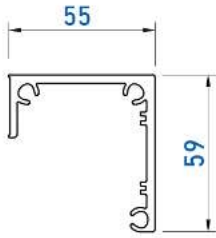
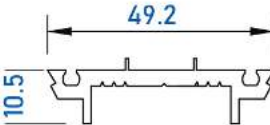
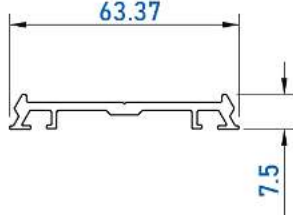
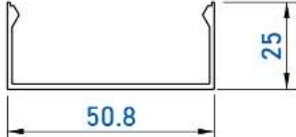
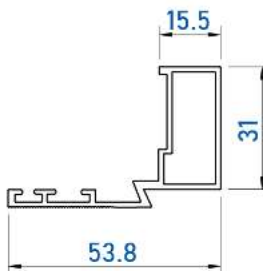
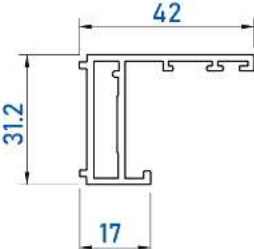
*Công nghệ tiên phong
Chất lượng vượt trội*



HỆ MẶT DỰNG VXT



MẶT CẮT THÔNG SỐ KỸ THUẬT HỆ MẶT DỰNG VXT

ĐỨNG NHỎ 65		ĐỨNG LỚN 65		PÁT LIÊN KẾT																									
																													
<table><tr><th>MÃ NHÔM</th><th>ĐỘ DÀY(MM)</th><th>T.LƯỢNG</th></tr><tr><td>VXT-MD652</td><td>±2.5</td><td>±11.52</td></tr></table>	MÃ NHÔM	ĐỘ DÀY(MM)	T.LƯỢNG	VXT-MD652	±2.5	±11.52	<table><tr><th>MÃ NHÔM</th><th>ĐỘ DÀY(MM)</th><th>T.LƯỢNG</th></tr><tr><td>VXT-MD651</td><td>±2.5</td><td>±15.20</td></tr></table>	MÃ NHÔM	ĐỘ DÀY(MM)	T.LƯỢNG	VXT-MD651	±2.5	±15.20	<table><tr><th>MÃ NHÔM</th><th>ĐỘ DÀY(MM)</th><th>T.LƯỢNG</th></tr><tr><td>VXT-MD5603</td><td>±2.5</td><td>±12.62</td></tr></table>	MÃ NHÔM	ĐỘ DÀY(MM)	T.LƯỢNG	VXT-MD5603	±2.5	±12.62									
MÃ NHÔM	ĐỘ DÀY(MM)	T.LƯỢNG																											
VXT-MD652	±2.5	±11.52																											
MÃ NHÔM	ĐỘ DÀY(MM)	T.LƯỢNG																											
VXT-MD651	±2.5	±15.20																											
MÃ NHÔM	ĐỘ DÀY(MM)	T.LƯỢNG																											
VXT-MD5603	±2.5	±12.62																											
ĐỨNG KHÔNG GỜ		ĐỨNG CÓ GỜ		ĐỨNG LỚN		NẮP GIỮ KÍNH																							
																													
<table><tr><th>MÃ NHÔM</th><th>ĐỘ DÀY(MM)</th><th>T.LƯỢNG</th></tr><tr><td>VXT-TX1604B</td><td>±1.7</td><td>±7.7</td></tr></table>	MÃ NHÔM	ĐỘ DÀY(MM)	T.LƯỢNG	VXT-TX1604B	±1.7	±7.7	<table><tr><th>MÃ NHÔM</th><th>ĐỘ DÀY(MM)</th><th>T.LƯỢNG</th></tr><tr><td>VXT-TX1604A</td><td>±1.75</td><td>±8.5</td></tr></table>	MÃ NHÔM	ĐỘ DÀY(MM)	T.LƯỢNG	VXT-TX1604A	±1.75	±8.5	<table><tr><th>MÃ NHÔM</th><th>ĐỘ DÀY(MM)</th><th>T.LƯỢNG</th></tr><tr><td>VXT-MD651B</td><td>±2.5</td><td>±14.02</td></tr></table>	MÃ NHÔM	ĐỘ DÀY(MM)	T.LƯỢNG	VXT-MD651B	±2.5	±14.02	<table><tr><th>MÃ NHÔM</th><th>ĐỘ DÀY(MM)</th><th>T.LƯỢNG</th></tr><tr><td>VXT-MD653</td><td>±1.5</td><td>±2.84</td></tr></table>	MÃ NHÔM	ĐỘ DÀY(MM)	T.LƯỢNG	VXT-MD653	±1.5	±2.84		
MÃ NHÔM	ĐỘ DÀY(MM)	T.LƯỢNG																											
VXT-TX1604B	±1.7	±7.7																											
MÃ NHÔM	ĐỘ DÀY(MM)	T.LƯỢNG																											
VXT-TX1604A	±1.75	±8.5																											
MÃ NHÔM	ĐỘ DÀY(MM)	T.LƯỢNG																											
VXT-MD651B	±2.5	±14.02																											
MÃ NHÔM	ĐỘ DÀY(MM)	T.LƯỢNG																											
VXT-MD653	±1.5	±2.84																											
ĐỨNG LỚN		ĐỨNG NHỎ		NÓI KHUNG		ĐỂ GIỮ KÍNH																							
																													
<table><tr><th>MÃ NHÔM</th><th>ĐỘ DÀY(MM)</th><th>T.LƯỢNG</th></tr><tr><td>MD1065</td><td>±2.3</td><td>±12.62</td></tr></table>	MÃ NHÔM	ĐỘ DÀY(MM)	T.LƯỢNG	MD1065	±2.3	±12.62	<table><tr><th>MÃ NHÔM</th><th>ĐỘ DÀY(MM)</th><th>T.LƯỢNG</th></tr><tr><td>VXT-MD1065B</td><td>±2.3</td><td>±11.64</td></tr></table>	MÃ NHÔM	ĐỘ DÀY(MM)	T.LƯỢNG	VXT-MD1065B	±2.3	±11.64	<table><tr><th>MÃ NHÔM</th><th>ĐỘ DÀY(MM)</th><th>T.LƯỢNG</th></tr><tr><td>VXT-XF65109</td><td>±5.0</td><td>±8.5</td></tr></table>	MÃ NHÔM	ĐỘ DÀY(MM)	T.LƯỢNG	VXT-XF65109	±5.0	±8.5	<table><tr><th>MÃ NHÔM</th><th>ĐỘ DÀY(MM)</th><th>T.LƯỢNG</th></tr><tr><td>VXT-TX1609</td><td>±3.0</td><td>±3.02</td></tr></table>	MÃ NHÔM	ĐỘ DÀY(MM)	T.LƯỢNG	VXT-TX1609	±3.0	±3.02		
MÃ NHÔM	ĐỘ DÀY(MM)	T.LƯỢNG																											
MD1065	±2.3	±12.62																											
MÃ NHÔM	ĐỘ DÀY(MM)	T.LƯỢNG																											
VXT-MD1065B	±2.3	±11.64																											
MÃ NHÔM	ĐỘ DÀY(MM)	T.LƯỢNG																											
VXT-XF65109	±5.0	±8.5																											
MÃ NHÔM	ĐỘ DÀY(MM)	T.LƯỢNG																											
VXT-TX1609	±3.0	±3.02																											
ĐỂ GIỮ KÍNH		NẮP GIỮ KÍNH		CÁNH CỬA BẬT		KHUNG BAO CỬA BẬT																							
																													
<table><tr><th>MÃ NHÔM</th><th>ĐỘ DÀY(MM)</th><th>T.LƯỢNG</th></tr><tr><td>VXT-MD654</td><td>±2.3</td><td>±3.15</td></tr></table>	MÃ NHÔM	ĐỘ DÀY(MM)	T.LƯỢNG	VXT-MD654	±2.3	±3.15	<table><tr><th>MÃ NHÔM</th><th>ĐỘ DÀY(MM)</th><th>T.LƯỢNG</th></tr><tr><td>VXT-TX610</td><td>±1.2</td><td>±1.94</td></tr></table>	MÃ NHÔM	ĐỘ DÀY(MM)	T.LƯỢNG	VXT-TX610	±1.2	±1.94	<table><tr><th>MÃ NHÔM</th><th>ĐỘ DÀY(MM)</th><th>T.LƯỢNG</th></tr><tr><td>VXT-MD65105</td><td>±1.6</td><td>±4.2</td></tr></table>	MÃ NHÔM	ĐỘ DÀY(MM)	T.LƯỢNG	VXT-MD65105	±1.6	±4.2	<table><tr><th>MÃ NHÔM</th><th>ĐỘ DÀY(MM)</th><th>T.LƯỢNG</th></tr><tr><td>VXT-MD65104</td><td>±1.4</td><td>±3.1</td></tr></table>	MÃ NHÔM	ĐỘ DÀY(MM)	T.LƯỢNG	VXT-MD65104	±1.4	±3.1		
MÃ NHÔM	ĐỘ DÀY(MM)	T.LƯỢNG																											
VXT-MD654	±2.3	±3.15																											
MÃ NHÔM	ĐỘ DÀY(MM)	T.LƯỢNG																											
VXT-TX610	±1.2	±1.94																											
MÃ NHÔM	ĐỘ DÀY(MM)	T.LƯỢNG																											
VXT-MD65105	±1.6	±4.2																											
MÃ NHÔM	ĐỘ DÀY(MM)	T.LƯỢNG																											
VXT-MD65104	±1.4	±3.1																											

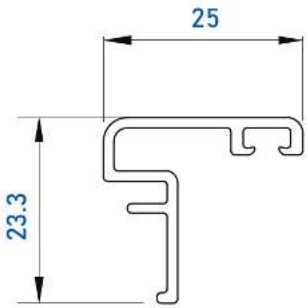
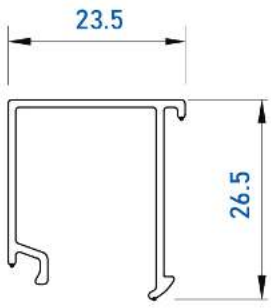
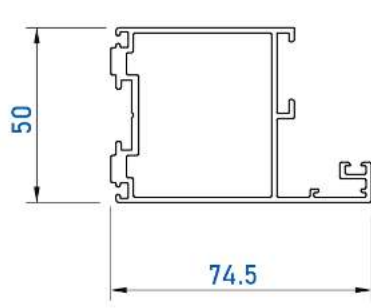
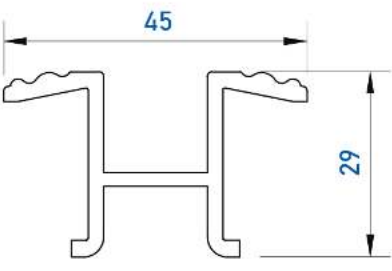
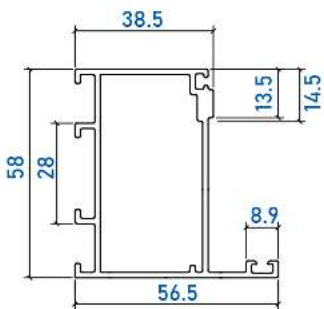
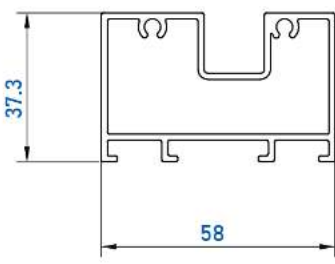
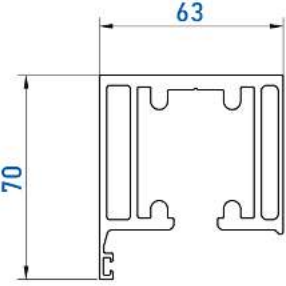
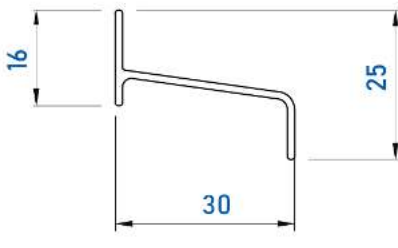
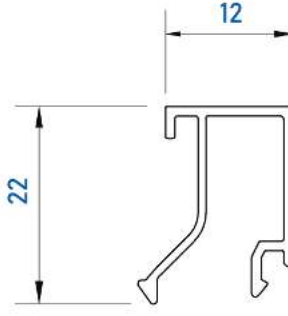
HỆ 63

CỬA ĐI

*Công nghệ tiên phong
Chất lượng vượt trội*



MẶT CẮT THÔNG SỐ KỸ THUẬT HỆ CỬA ĐI XẾP TRƯỢT 63

ĐỒ ĐỘNG  <table border="1"> <thead> <tr> <th>MÃ NHÔM</th> <th>ĐỘ DÀY(MM)</th> <th>T.LƯỢNG</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>F520</td> <td>±1.1</td> <td>±1.3</td> </tr> </tbody> </table>	MÃ NHÔM	ĐỘ DÀY(MM)	T.LƯỢNG	F520	±1.1	±1.3	NỆP KÍNH ĐƠN  <table border="1"> <thead> <tr> <th>MÃ NHÔM</th> <th>ĐỘ DÀY(MM)</th> <th>T.LƯỢNG</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>F521</td> <td>±1.1</td> <td>±1.65</td> </tr> </tbody> </table>	MÃ NHÔM	ĐỘ DÀY(MM)	T.LƯỢNG	F521	±1.1	±1.65	CÁNH ĐƠN  <table border="1"> <thead> <tr> <th>MÃ NHÔM</th> <th>ĐỘ DÀY(MM)</th> <th>T.LƯỢNG</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>F523</td> <td>±1.5</td> <td>±7.6</td> </tr> </tbody> </table>	MÃ NHÔM	ĐỘ DÀY(MM)	T.LƯỢNG	F523	±1.5	±7.6
MÃ NHÔM	ĐỘ DÀY(MM)	T.LƯỢNG																		
F520	±1.1	±1.3																		
MÃ NHÔM	ĐỘ DÀY(MM)	T.LƯỢNG																		
F521	±1.1	±1.65																		
MÃ NHÔM	ĐỘ DÀY(MM)	T.LƯỢNG																		
F523	±1.5	±7.6																		
RAY ÂM ĐƠN  <table border="1"> <thead> <tr> <th>MÃ NHÔM</th> <th>ĐỘ DÀY(MM)</th> <th>T.LƯỢNG</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>TM2434</td> <td>±2.0</td> <td>±3.7</td> </tr> </tbody> </table>	MÃ NHÔM	ĐỘ DÀY(MM)	T.LƯỢNG	TM2434	±2.0	±3.7	KHUNG BAO ĐỨNG  <table border="1"> <thead> <tr> <th>MÃ NHÔM</th> <th>ĐỘ DÀY(MM)</th> <th>T.LƯỢNG</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>F606</td> <td>±1.5</td> <td>±6.2</td> </tr> </tbody> </table>	MÃ NHÔM	ĐỘ DÀY(MM)	T.LƯỢNG	F606	±1.5	±6.2	RAY ÂM  <table border="1"> <thead> <tr> <th>MÃ NHÔM</th> <th>ĐỘ DÀY(MM)</th> <th>T.LƯỢNG</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>TM2435</td> <td>±1.4</td> <td>±6.0</td> </tr> </tbody> </table>	MÃ NHÔM	ĐỘ DÀY(MM)	T.LƯỢNG	TM2435	±1.4	±6.0
MÃ NHÔM	ĐỘ DÀY(MM)	T.LƯỢNG																		
TM2434	±2.0	±3.7																		
MÃ NHÔM	ĐỘ DÀY(MM)	T.LƯỢNG																		
F606	±1.5	±6.2																		
MÃ NHÔM	ĐỘ DÀY(MM)	T.LƯỢNG																		
TM2435	±1.4	±6.0																		
MÁNG TRÊN  <table border="1"> <thead> <tr> <th>MÃ NHÔM</th> <th>ĐỘ DÀY(MM)</th> <th>T.LƯỢNG</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>F605</td> <td>±3.0</td> <td>±18.9</td> </tr> </tbody> </table>	MÃ NHÔM	ĐỘ DÀY(MM)	T.LƯỢNG	F605	±3.0	±18.9	ÓP NƯỚC CHE MƯA  <table border="1"> <thead> <tr> <th>MÃ NHÔM</th> <th>ĐỘ DÀY(MM)</th> <th>T.LƯỢNG</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>F519</td> <td>±1.2</td> <td>±1.3</td> </tr> </tbody> </table>	MÃ NHÔM	ĐỘ DÀY(MM)	T.LƯỢNG	F519	±1.2	±1.3	NỆP KÍNH HỘP  <table border="1"> <thead> <tr> <th>MÃ NHÔM</th> <th>ĐỘ DÀY(MM)</th> <th>T.LƯỢNG</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>F431</td> <td>±1.0</td> <td>±1.7</td> </tr> </tbody> </table>	MÃ NHÔM	ĐỘ DÀY(MM)	T.LƯỢNG	F431	±1.0	±1.7
MÃ NHÔM	ĐỘ DÀY(MM)	T.LƯỢNG																		
F605	±3.0	±18.9																		
MÃ NHÔM	ĐỘ DÀY(MM)	T.LƯỢNG																		
F519	±1.2	±1.3																		
MÃ NHÔM	ĐỘ DÀY(MM)	T.LƯỢNG																		
F431	±1.0	±1.7																		

HỆ THỦY LỰC

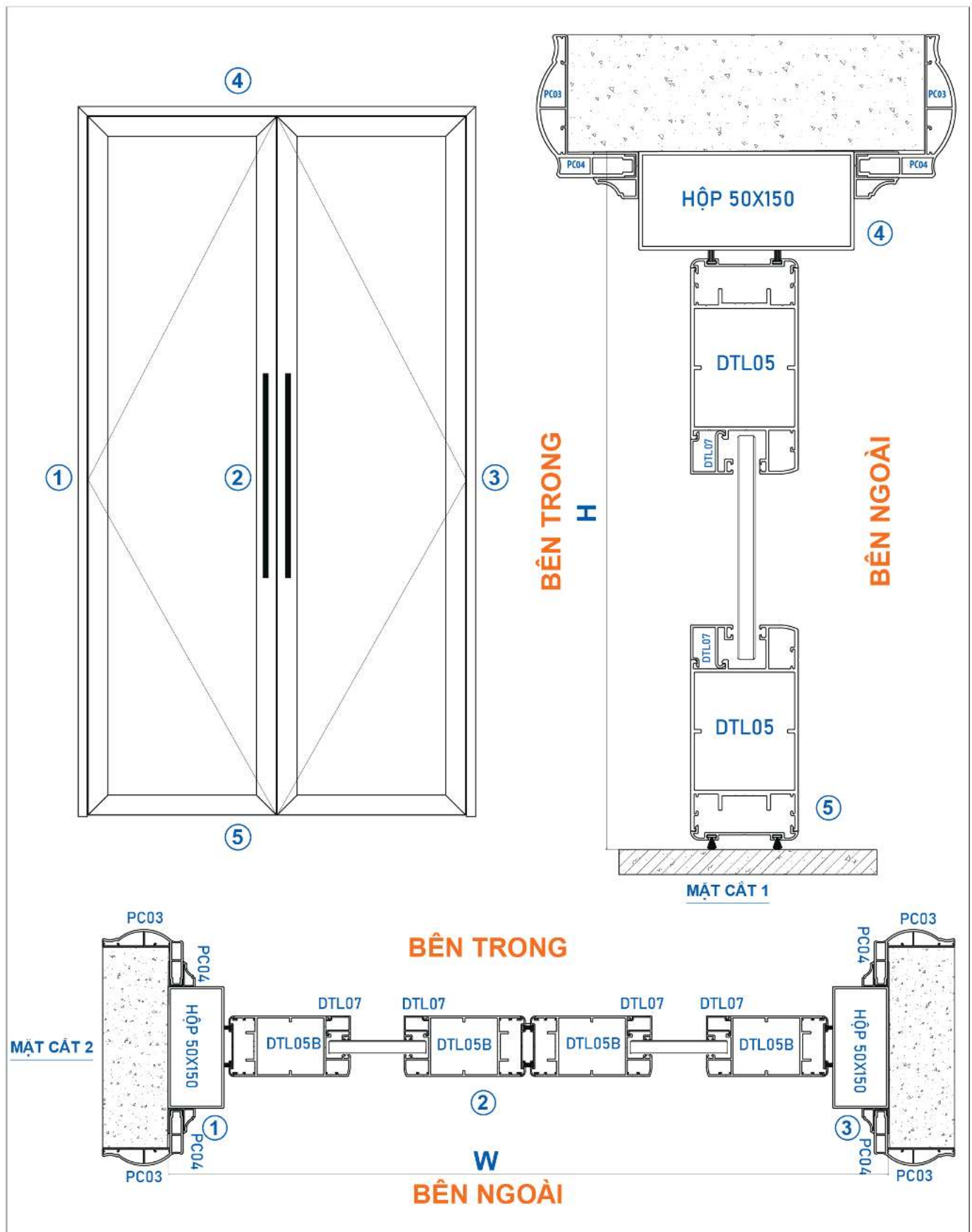
CỬA ĐI

Công nghệ tiên phong

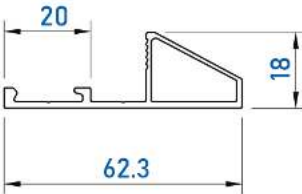
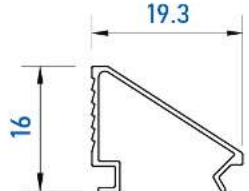
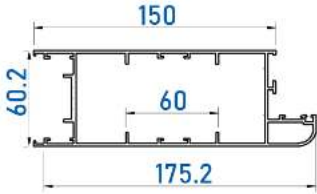
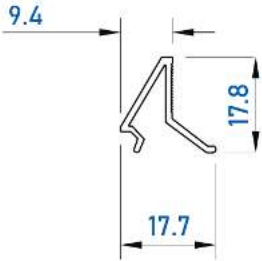
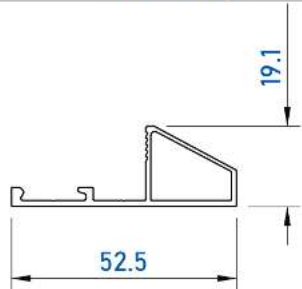
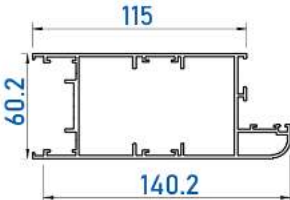
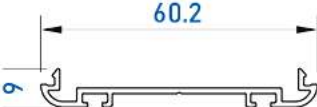
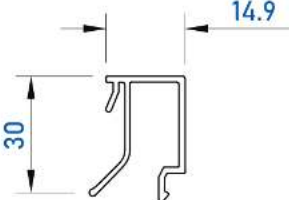
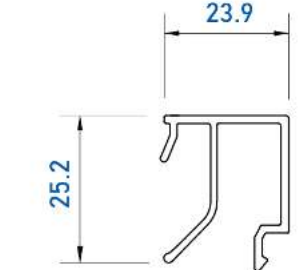
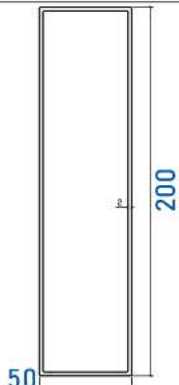
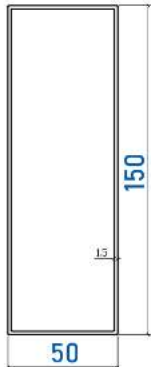
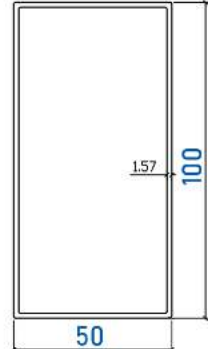
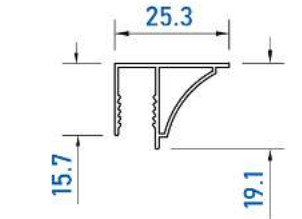
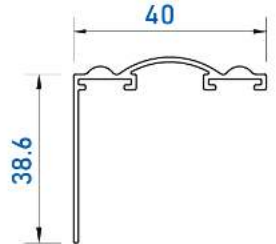
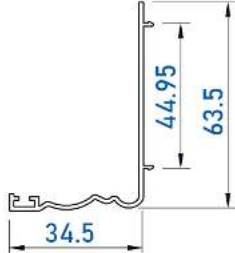
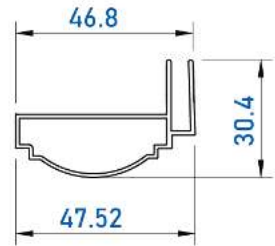
Chất lượng vượt trội



CỬA ĐI 2 CÁNH HỆ THỦY LỰC



MẶT CẮT THÔNG SỐ KỸ THUẬT HỆ THỦY LỰC

ĐẾ THỦY LỰC	NỆP THỦY LỰC	CÁNH THỦY LỰC	NỆP THỦY LỰC																								
 <table><tr><th>MÃ NHÔM</th><th>ĐỘ DÀY(MM)</th><th>T.LƯỢNG</th></tr><tr><td>DTL01</td><td>±1.4</td><td>±2.34</td></tr></table>	MÃ NHÔM	ĐỘ DÀY(MM)	T.LƯỢNG	DTL01	±1.4	±2.34	 <table><tr><th>MÃ NHÔM</th><th>ĐỘ DÀY(MM)</th><th>T.LƯỢNG</th></tr><tr><td>DTL02</td><td>±1.1</td><td>±0.84</td></tr></table>	MÃ NHÔM	ĐỘ DÀY(MM)	T.LƯỢNG	DTL02	±1.1	±0.84	 <table><tr><th>MÃ NHÔM</th><th>ĐỘ DÀY(MM)</th><th>T.LƯỢNG</th></tr><tr><td>DLT05</td><td>±1.8</td><td>±18</td></tr></table>	MÃ NHÔM	ĐỘ DÀY(MM)	T.LƯỢNG	DLT05	±1.8	±18	 <table><tr><th>MÃ NHÔM</th><th>ĐỘ DÀY(MM)</th><th>T.LƯỢNG</th></tr><tr><td>DLT04</td><td>±1.0</td><td>±0.8</td></tr></table>	MÃ NHÔM	ĐỘ DÀY(MM)	T.LƯỢNG	DLT04	±1.0	±0.8
MÃ NHÔM	ĐỘ DÀY(MM)	T.LƯỢNG																									
DTL01	±1.4	±2.34																									
MÃ NHÔM	ĐỘ DÀY(MM)	T.LƯỢNG																									
DTL02	±1.1	±0.84																									
MÃ NHÔM	ĐỘ DÀY(MM)	T.LƯỢNG																									
DLT05	±1.8	±18																									
MÃ NHÔM	ĐỘ DÀY(MM)	T.LƯỢNG																									
DLT04	±1.0	±0.8																									
ĐẾ THỦY LỰC	CÁNH THỦY LỰC	ÓP CÁNH THỦY LỰC	NỆP CÁNH THỦY LỰC																								
 <table><tr><th>MÃ NHÔM</th><th>ĐỘ DÀY(MM)</th><th>T.LƯỢNG</th></tr><tr><td>DLT03</td><td>±1.2</td><td>±2.1</td></tr></table>	MÃ NHÔM	ĐỘ DÀY(MM)	T.LƯỢNG	DLT03	±1.2	±2.1	 <table><tr><th>MÃ NHÔM</th><th>ĐỘ DÀY(MM)</th><th>T.LƯỢNG</th></tr><tr><td>DLT05B</td><td>±1.8</td><td>±16</td></tr></table>	MÃ NHÔM	ĐỘ DÀY(MM)	T.LƯỢNG	DLT05B	±1.8	±16	 <table><tr><th>MÃ NHÔM</th><th>ĐỘ DÀY(MM)</th><th>T.LƯỢNG</th></tr><tr><td>DLT06</td><td>±1.4</td><td>±2.1</td></tr></table>	MÃ NHÔM	ĐỘ DÀY(MM)	T.LƯỢNG	DLT06	±1.4	±2.1	 <table><tr><th>MÃ NHÔM</th><th>ĐỘ DÀY(MM)</th><th>T.LƯỢNG</th></tr><tr><td>DLT07</td><td>±1.0</td><td>±1.5</td></tr></table>	MÃ NHÔM	ĐỘ DÀY(MM)	T.LƯỢNG	DLT07	±1.0	±1.5
MÃ NHÔM	ĐỘ DÀY(MM)	T.LƯỢNG																									
DLT03	±1.2	±2.1																									
MÃ NHÔM	ĐỘ DÀY(MM)	T.LƯỢNG																									
DLT05B	±1.8	±16																									
MÃ NHÔM	ĐỘ DÀY(MM)	T.LƯỢNG																									
DLT06	±1.4	±2.1																									
MÃ NHÔM	ĐỘ DÀY(MM)	T.LƯỢNG																									
DLT07	±1.0	±1.5																									
NỆP CÁNH THỦY LỰC	TX1152 - 50X200	TX1150 - 50X150	TX1105 - 50X100																								
 <table><tr><th>MÃ NHÔM</th><th>ĐỘ DÀY(MM)</th><th>T.LƯỢNG</th></tr><tr><td>DLT08</td><td>±1.0</td><td>±1.6</td></tr></table>	MÃ NHÔM	ĐỘ DÀY(MM)	T.LƯỢNG	DLT08	±1.0	±1.6																					
MÃ NHÔM	ĐỘ DÀY(MM)	T.LƯỢNG																									
DLT08	±1.0	±1.6																									
ĐẾ PHẪO TƯỜNG	PHẪO TƯỜNG	PHẪO TƯỜNG	PHẪO TƯỜNG																								
 <table><tr><th>MÃ NHÔM</th><th>ĐỘ DÀY(MM)</th><th>T.LƯỢNG</th></tr><tr><td>PC04</td><td>±1.2</td><td>±1.6</td></tr></table>	MÃ NHÔM	ĐỘ DÀY(MM)	T.LƯỢNG	PC04	±1.2	±1.6	 <table><tr><th>MÃ NHÔM</th><th>ĐỘ DÀY(MM)</th><th>T.LƯỢNG</th></tr><tr><td>PC02</td><td>±1.1</td><td>±2.0</td></tr></table>	MÃ NHÔM	ĐỘ DÀY(MM)	T.LƯỢNG	PC02	±1.1	±2.0	 <table><tr><th>MÃ NHÔM</th><th>ĐỘ DÀY(MM)</th><th>T.LƯỢNG</th></tr><tr><td>PC01</td><td>±0.9</td><td>±1.7</td></tr></table>	MÃ NHÔM	ĐỘ DÀY(MM)	T.LƯỢNG	PC01	±0.9	±1.7	 <table><tr><th>MÃ NHÔM</th><th>ĐỘ DÀY(MM)</th><th>T.LƯỢNG</th></tr><tr><td>PC03</td><td>±1.1</td><td>±2.6</td></tr></table>	MÃ NHÔM	ĐỘ DÀY(MM)	T.LƯỢNG	PC03	±1.1	±2.6
MÃ NHÔM	ĐỘ DÀY(MM)	T.LƯỢNG																									
PC04	±1.2	±1.6																									
MÃ NHÔM	ĐỘ DÀY(MM)	T.LƯỢNG																									
PC02	±1.1	±2.0																									
MÃ NHÔM	ĐỘ DÀY(MM)	T.LƯỢNG																									
PC01	±0.9	±1.7																									
MÃ NHÔM	ĐỘ DÀY(MM)	T.LƯỢNG																									
PC03	±1.1	±2.6																									

HỆ SLIM

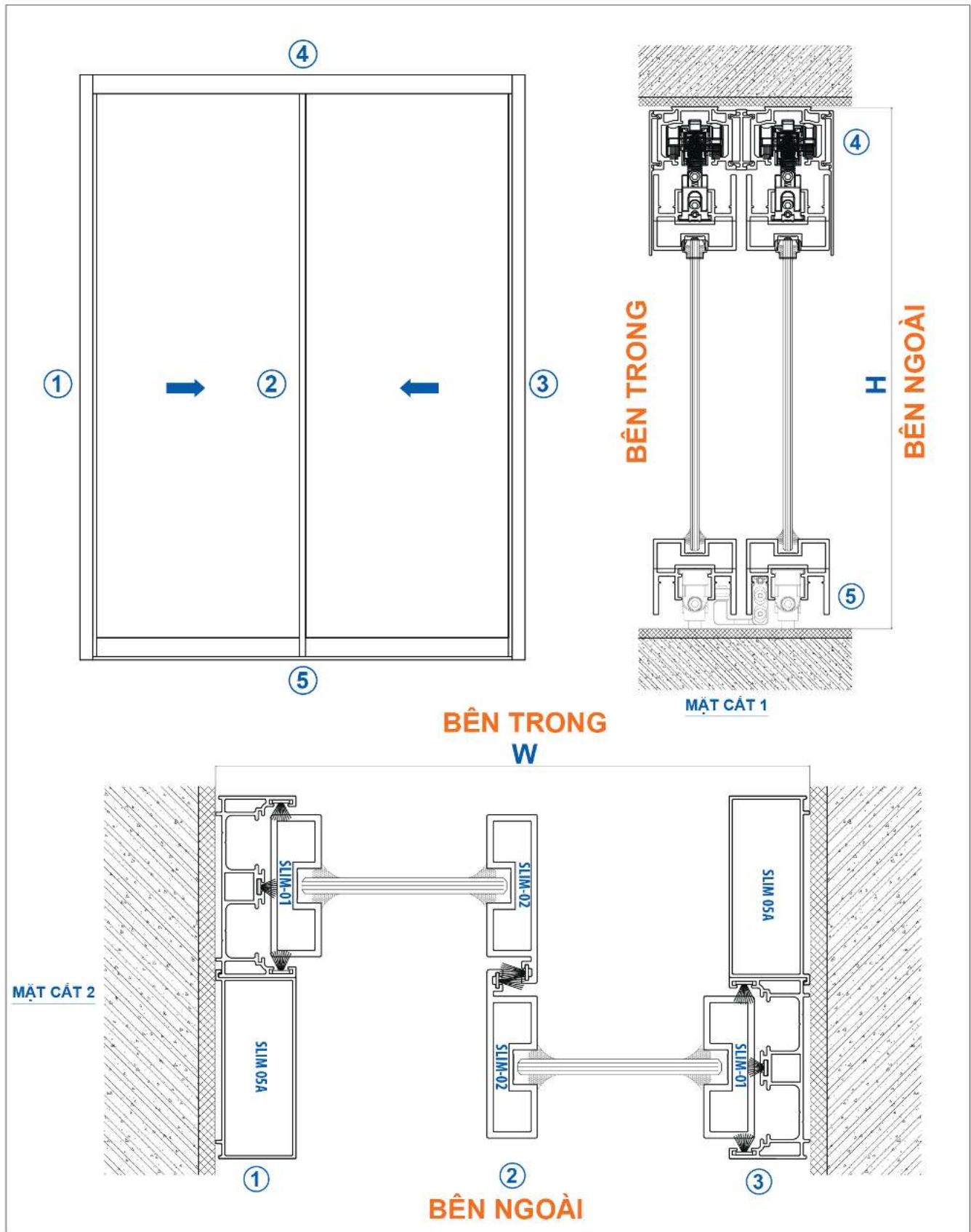
CỬA ĐI

Công nghệ tiên phong

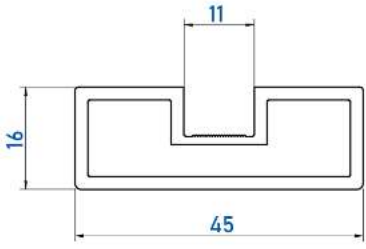
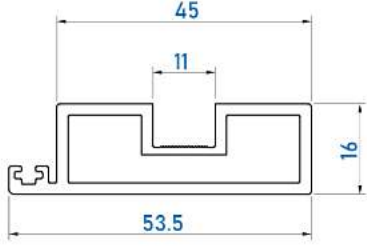
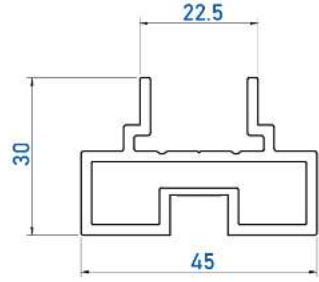
Chất lượng vượt trội

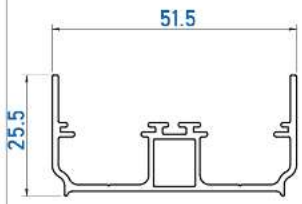
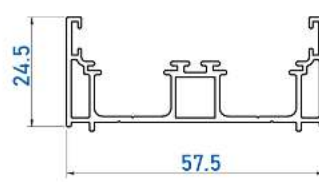
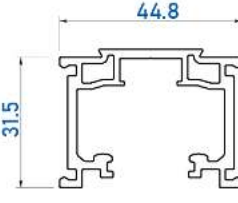
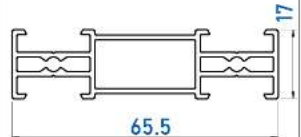


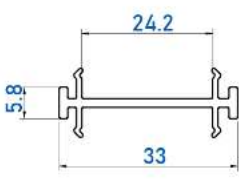
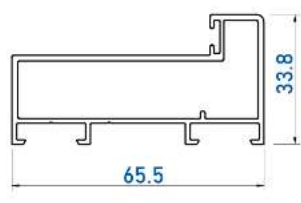
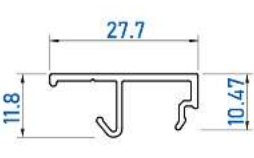
CỬA 2 CÁNH MỞ TRƯỢT HỆ SLIM

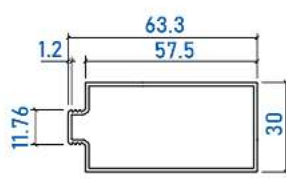
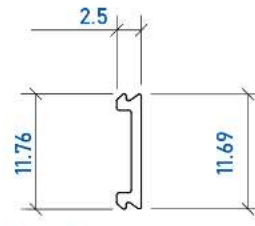
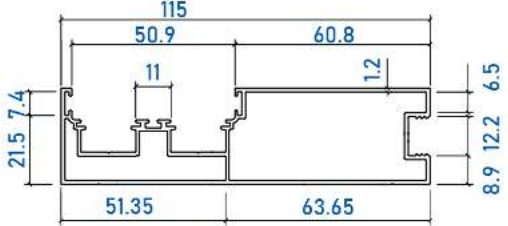


MẶT CẮT THÔNG SỐ KỸ THUẬT HỆ CỬA SLIM

CÁNH TRƠN		CÁNH MÓC		NGANG TRÊN DƯỚI	
					
MÃ SỐ	ĐÀY(MM)	T/LƯỢNG	MÃ SỐ	ĐÀY(MM)	T/LƯỢNG
SLIM-01	±2.0	±4.1	SLIM-02	±2.0	±4.6
MÃ SỐ	ĐÀY(MM)	T/LƯỢNG	MÃ SỐ	ĐÀY(MM)	T/LƯỢNG
SLIM-03	±2.0	±5.2			

TRUNG GIAN ỚP CÁNH		KHUNG BAO ĐỨNG LỬA		MĂNG TREO NG.TRÊN		KH.BAO VÁCH KÍNH	
							
MÃ SỐ	ĐÀY(MM)	T/LƯỢNG	MÃ SỐ	ĐÀY(MM)	T/LƯỢNG	MÃ SỐ	ĐÀY(MM)
SLIM-04	±1.4	±3.1	SLIM-05	±1.3	±3.6	SLIM-06	±1.9
MÃ SỐ	ĐÀY(MM)	T/LƯỢNG	MÃ SỐ	ĐÀY(MM)	T/LƯỢNG	MÃ SỐ	ĐÀY(MM)
						SLIM-10	±1.2

NỐI MĂNG TREO		ỚP CHE MĂNG TREO		KH.BAO MỞ QUAY		NỆP VÁCH	
							
MÃ SỐ	ĐÀY(MM)	T/LƯỢNG	MÃ SỐ	ĐÀY(MM)	T/LƯỢNG	MÃ SỐ	ĐÀY(MM)
SLIM-07	±1.6	±1.5	SLIM-08	±1.3	±1.9	SLIM-09	±1.5
MÃ SỐ	ĐÀY(MM)	T/LƯỢNG	MÃ SỐ	ĐÀY(MM)	T/LƯỢNG	MÃ SỐ	ĐÀY(MM)
						SLIM-11	±1.3

NỐI KHUNG BAO		NẮP KHUNG BAO		KHUNG BAO ĐÔI	
					
MÃ SỐ	ĐÀY(MM)	T/LƯỢNG	MÃ SỐ	ĐÀY(MM)	T/LƯỢNG
SLIM-03C	±1.2	±3.6	SLIM NẮP-05A	±1.0	±0.3
MÃ SỐ	ĐÀY(MM)	T/LƯỢNG	MÃ SỐ	ĐÀY(MM)	T/LƯỢNG
			SLIM-05A	±1.2	±7.3

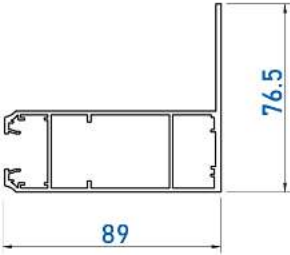
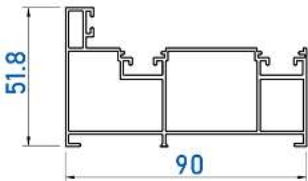
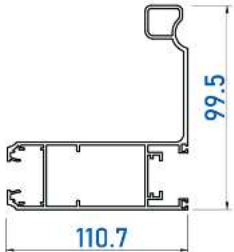
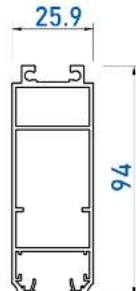
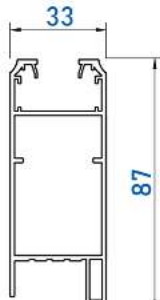
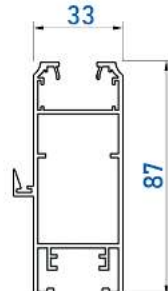
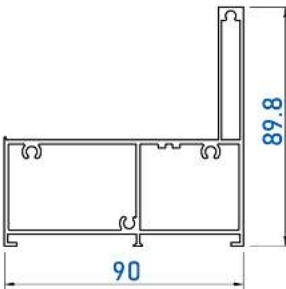
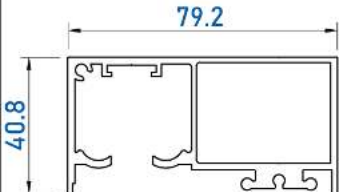
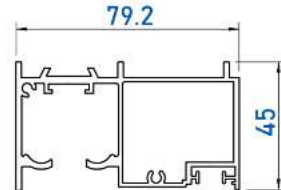
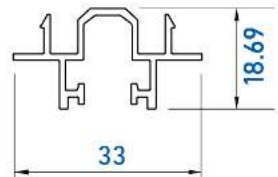
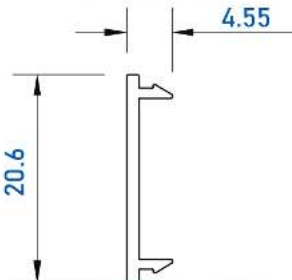
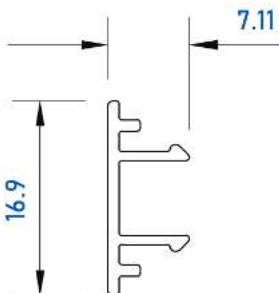
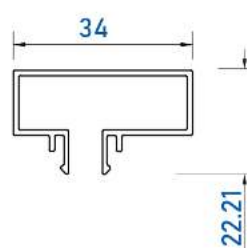
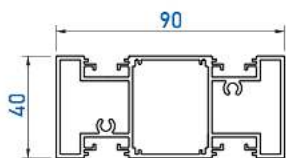


HỆ TRƯỢT MỞ 800

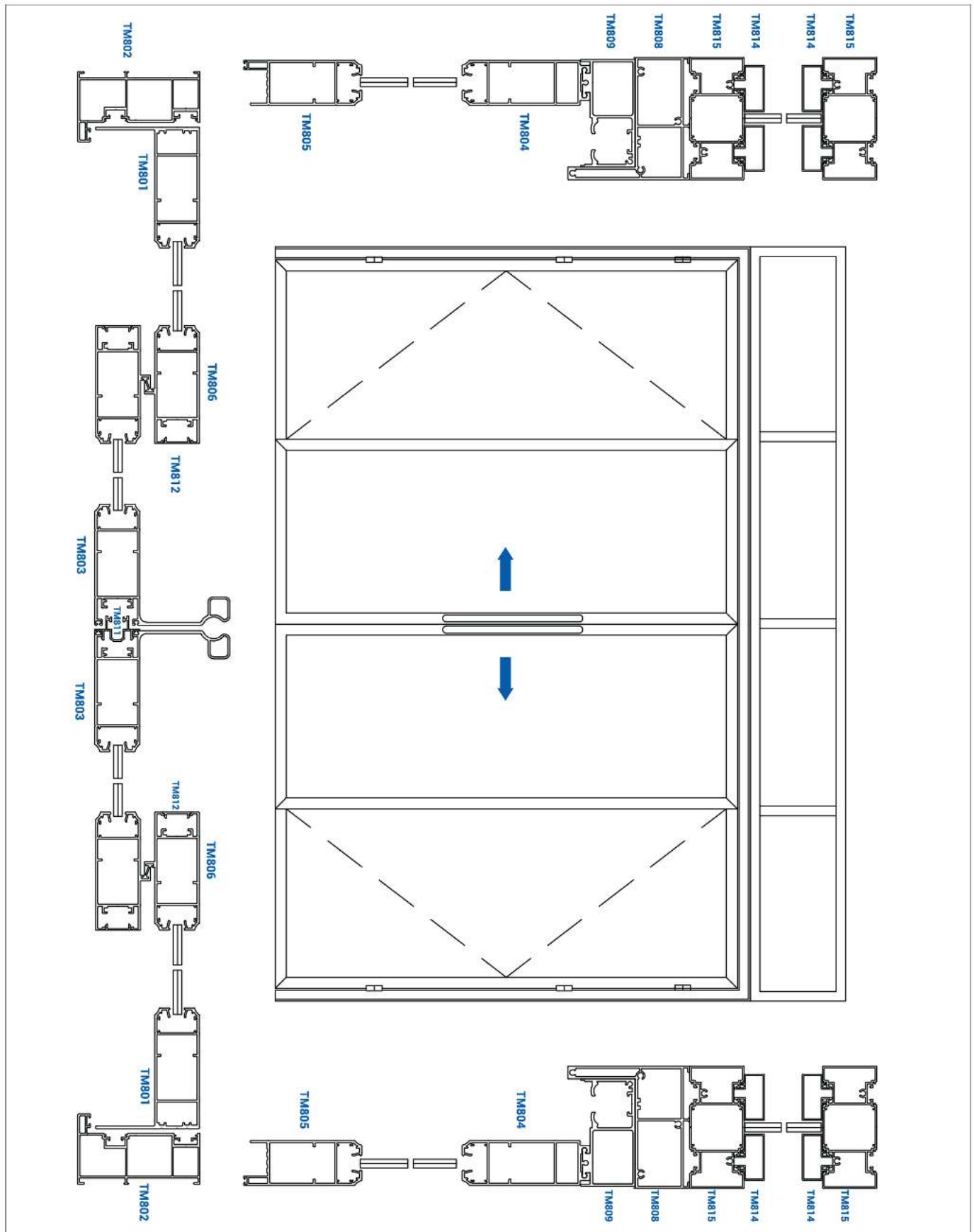
CỬA ĐI



MẶT CẮT THÔNG SỐ KỸ THUẬT HỆ TRƯỢT MỞ 800

CÁNH ĐỨNG BÀN LỀ  <table><tr><th>MÃ NHÔM</th><th>ĐỘ DÀY(MM)</th><th>T.LƯỢNG</th></tr><tr><td>TM801</td><td>±1.6</td><td>±9.8</td></tr></table>	MÃ NHÔM	ĐỘ DÀY(MM)	T.LƯỢNG	TM801	±1.6	±9.8	KHUNG BAO ĐỨNG  <table><tr><th>MÃ NHÔM</th><th>ĐỘ DÀY(MM)</th><th>T.LƯỢNG</th></tr><tr><td>TM802</td><td>±1.4</td><td>±9.1</td></tr></table>	MÃ NHÔM	ĐỘ DÀY(MM)	T.LƯỢNG	TM802	±1.4	±9.1	CÁNH LẤP KHÓA  <table><tr><th>MÃ NHÔM</th><th>ĐỘ DÀY(MM)</th><th>T.LƯỢNG</th></tr><tr><td>TM803</td><td>±1.6</td><td>±11.2</td></tr></table>	MÃ NHÔM	ĐỘ DÀY(MM)	T.LƯỢNG	TM803	±1.6	±11.2							
MÃ NHÔM	ĐỘ DÀY(MM)	T.LƯỢNG																									
TM801	±1.6	±9.8																									
MÃ NHÔM	ĐỘ DÀY(MM)	T.LƯỢNG																									
TM802	±1.4	±9.1																									
MÃ NHÔM	ĐỘ DÀY(MM)	T.LƯỢNG																									
TM803	±1.6	±11.2																									
NGANG TRÊN  <table><tr><th>MÃ NHÔM</th><th>ĐỘ DÀY(MM)</th><th>T.LƯỢNG</th></tr><tr><td>TM804</td><td>±1.6</td><td>±8.7</td></tr></table>	MÃ NHÔM	ĐỘ DÀY(MM)	T.LƯỢNG	TM804	±1.6	±8.7	NGANG DƯỚI  <table><tr><th>MÃ NHÔM</th><th>ĐỘ DÀY(MM)</th><th>T.LƯỢNG</th></tr><tr><td>TM805</td><td>±1.6</td><td>±7.3</td></tr></table>	MÃ NHÔM	ĐỘ DÀY(MM)	T.LƯỢNG	TM805	±1.6	±7.3	CÁNH MÓC  <table><tr><th>MÃ NHÔM</th><th>ĐỘ DÀY(MM)</th><th>T.LƯỢNG</th></tr><tr><td>TM806</td><td>±1.6</td><td>±8.1</td></tr></table>	MÃ NHÔM	ĐỘ DÀY(MM)	T.LƯỢNG	TM806	±1.6	±8.1							
MÃ NHÔM	ĐỘ DÀY(MM)	T.LƯỢNG																									
TM804	±1.6	±8.7																									
MÃ NHÔM	ĐỘ DÀY(MM)	T.LƯỢNG																									
TM805	±1.6	±7.3																									
MÃ NHÔM	ĐỘ DÀY(MM)	T.LƯỢNG																									
TM806	±1.6	±8.1																									
KHUNG BAO NGANG  <table><tr><th>MÃ NHÔM</th><th>ĐỘ DÀY(MM)</th><th>T.LƯỢNG</th></tr><tr><td>TM808</td><td>±1.6</td><td>±11.2</td></tr></table>	MÃ NHÔM	ĐỘ DÀY(MM)	T.LƯỢNG	TM808	±1.6	±11.2	RAY TREO ĐỘNG  <table><tr><th>MÃ NHÔM</th><th>ĐỘ DÀY(MM)</th><th>T.LƯỢNG</th></tr><tr><td>TM809</td><td>±2.2</td><td>±11.1</td></tr></table>	MÃ NHÔM	ĐỘ DÀY(MM)	T.LƯỢNG	TM809	±2.2	±11.1	RAY TĨNH  <table><tr><th>MÃ NHÔM</th><th>ĐỘ DÀY(MM)</th><th>T.LƯỢNG</th></tr><tr><td>TM810</td><td>±1.8</td><td>±9.5</td></tr></table>	MÃ NHÔM	ĐỘ DÀY(MM)	T.LƯỢNG	TM810	±1.8	±9.5	ĐỐI ĐẦU CỬA 4 CÁNH  <table><tr><th>MÃ NHÔM</th><th>ĐỘ DÀY(MM)</th><th>T.LƯỢNG</th></tr><tr><td>TM811</td><td>±1.2</td><td>±1.7</td></tr></table>	MÃ NHÔM	ĐỘ DÀY(MM)	T.LƯỢNG	TM811	±1.2	±1.7
MÃ NHÔM	ĐỘ DÀY(MM)	T.LƯỢNG																									
TM808	±1.6	±11.2																									
MÃ NHÔM	ĐỘ DÀY(MM)	T.LƯỢNG																									
TM809	±2.2	±11.1																									
MÃ NHÔM	ĐỘ DÀY(MM)	T.LƯỢNG																									
TM810	±1.8	±9.5																									
MÃ NHÔM	ĐỘ DÀY(MM)	T.LƯỢNG																									
TM811	±1.2	±1.7																									
ÔP CÁNH MÓC  <table><tr><th>MÃ NHÔM</th><th>ĐỘ DÀY(MM)</th><th>T.LƯỢNG</th></tr><tr><td>TM812</td><td>±1.2</td><td>±0.6</td></tr></table>	MÃ NHÔM	ĐỘ DÀY(MM)	T.LƯỢNG	TM812	±1.2	±0.6	ÔP BAO KHUNG  <table><tr><th>MÃ NHÔM</th><th>ĐỘ DÀY(MM)</th><th>T.LƯỢNG</th></tr><tr><td>TM813</td><td>±1.0</td><td>±0.6</td></tr></table>	MÃ NHÔM	ĐỘ DÀY(MM)	T.LƯỢNG	TM813	±1.0	±0.6	NỆP CHIA VÁCH  <table><tr><th>MÃ NHÔM</th><th>ĐỘ DÀY(MM)</th><th>T.LƯỢNG</th></tr><tr><td>TM814</td><td>±1.0</td><td>±1.8</td></tr></table>	MÃ NHÔM	ĐỘ DÀY(MM)	T.LƯỢNG	TM814	±1.0	±1.8	CHIA VÁCH  <table><tr><th>MÃ NHÔM</th><th>ĐỘ DÀY(MM)</th><th>T.LƯỢNG</th></tr><tr><td>TM815</td><td>±1.2</td><td>±8.3</td></tr></table>	MÃ NHÔM	ĐỘ DÀY(MM)	T.LƯỢNG	TM815	±1.2	±8.3
MÃ NHÔM	ĐỘ DÀY(MM)	T.LƯỢNG																									
TM812	±1.2	±0.6																									
MÃ NHÔM	ĐỘ DÀY(MM)	T.LƯỢNG																									
TM813	±1.0	±0.6																									
MÃ NHÔM	ĐỘ DÀY(MM)	T.LƯỢNG																									
TM814	±1.0	±1.8																									
MÃ NHÔM	ĐỘ DÀY(MM)	T.LƯỢNG																									
TM815	±1.2	±8.3																									

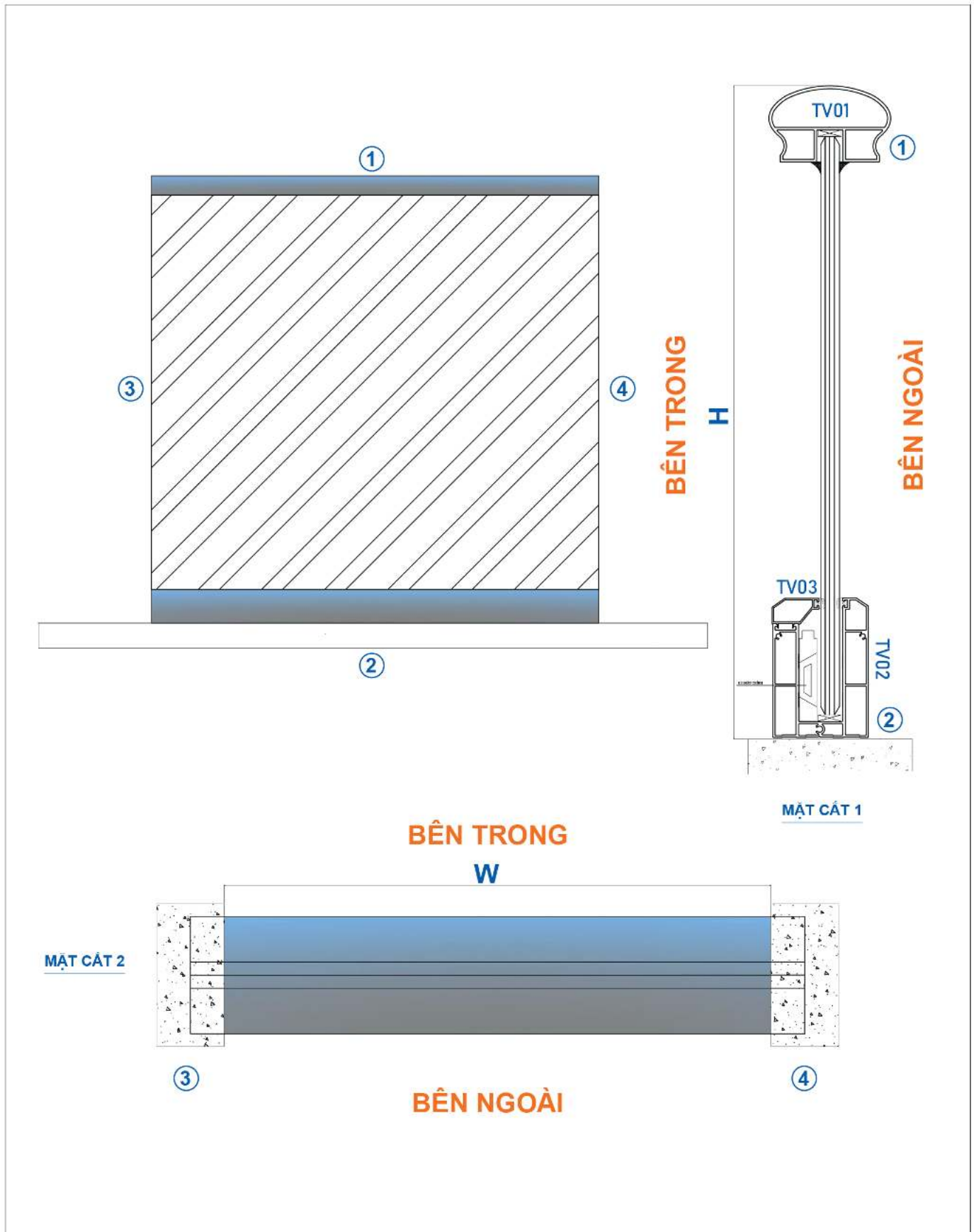
CỬA TRƯỢT MỞ HỆ 800 - 4 CẢNH



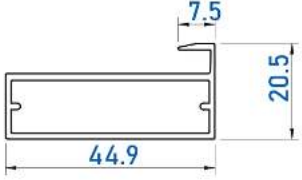
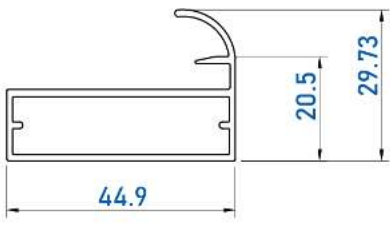
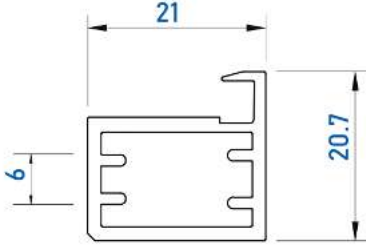
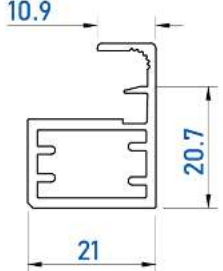
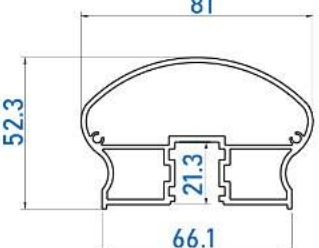
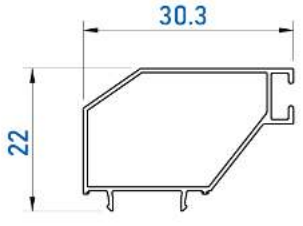
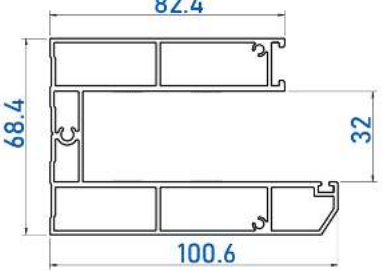
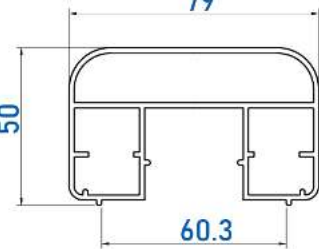
HỆ CÁCH KÍNH + HỆ TAY Vịn



HỆ LAN CAN KÍNH



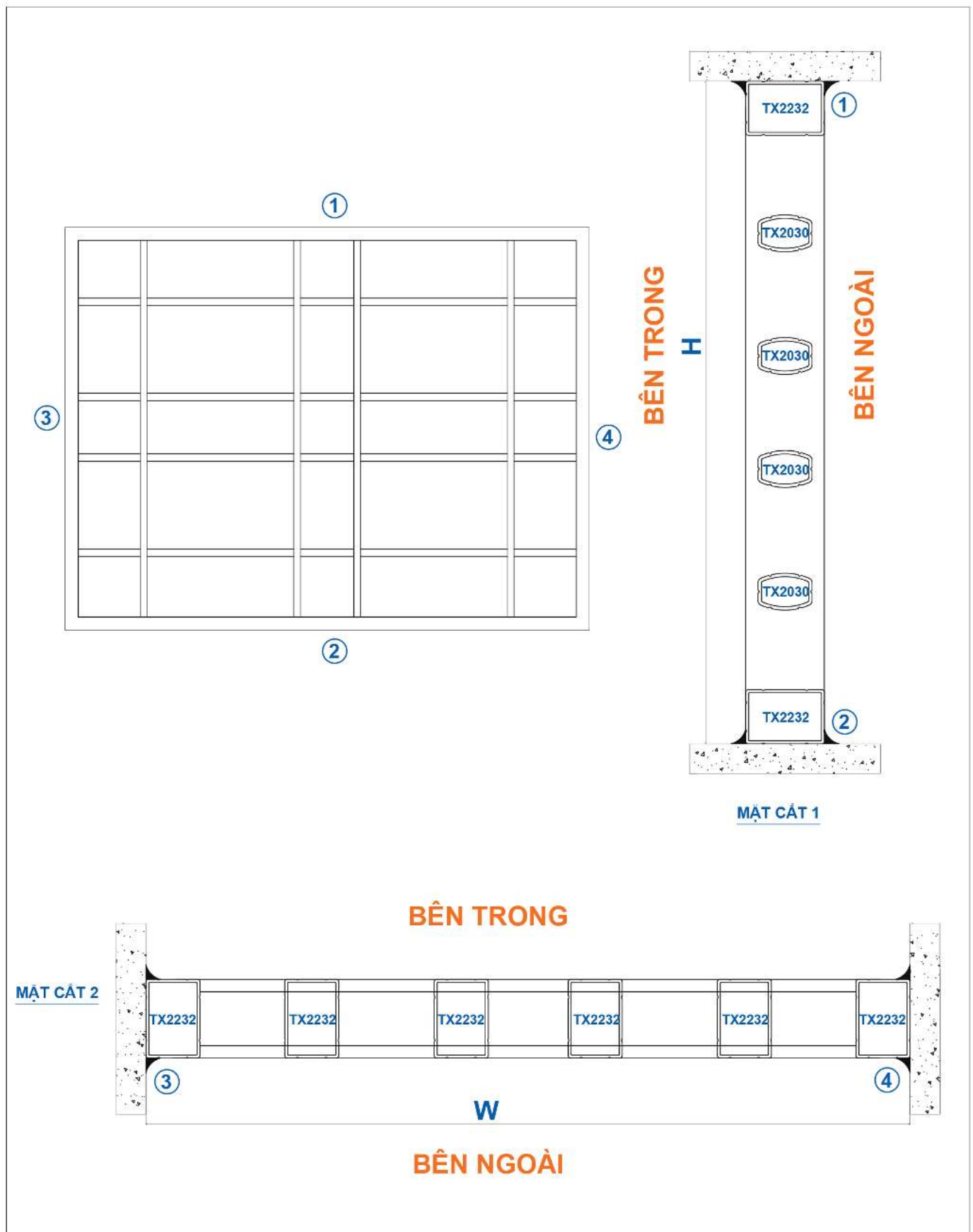
MẶT CẮT THÔNG SỐ KỸ THUẬT HỆ CÁCH KÍNH + HỆ TAY VỊN

CÁCH KÍNH  <table border="1"> <thead> <tr> <th>MÃ NHÔM</th> <th>ĐỘ DÀY(MM)</th> <th>T.LƯỢNG</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>NTE1967</td> <td>±1.0</td> <td>±2.1</td> </tr> </tbody> </table>	MÃ NHÔM	ĐỘ DÀY(MM)	T.LƯỢNG	NTE1967	±1.0	±2.1	CÁCH KÍNH CÓ TAY NẮM  <table border="1"> <thead> <tr> <th>MÃ NHÔM</th> <th>ĐỘ DÀY(MM)</th> <th>T.LƯỢNG</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>NTE1968</td> <td>±1.0</td> <td>±2.4</td> </tr> </tbody> </table>	MÃ NHÔM	ĐỘ DÀY(MM)	T.LƯỢNG	NTE1968	±1.0	±2.4	CÁCH KÍNH  <table border="1"> <thead> <tr> <th>MÃ NHÔM</th> <th>ĐỘ DÀY(MM)</th> <th>T.LƯỢNG</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>NTE4780</td> <td>±1.5</td> <td>±2.1</td> </tr> </tbody> </table>	MÃ NHÔM	ĐỘ DÀY(MM)	T.LƯỢNG	NTE4780	±1.5	±2.1
MÃ NHÔM	ĐỘ DÀY(MM)	T.LƯỢNG																		
NTE1967	±1.0	±2.1																		
MÃ NHÔM	ĐỘ DÀY(MM)	T.LƯỢNG																		
NTE1968	±1.0	±2.4																		
MÃ NHÔM	ĐỘ DÀY(MM)	T.LƯỢNG																		
NTE4780	±1.5	±2.1																		
CÁCH KÍNH CÓ TAY NẮM  <table border="1"> <thead> <tr> <th>MÃ NHÔM</th> <th>ĐỘ DÀY(MM)</th> <th>T.LƯỢNG</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>NTE4781</td> <td>±1.5</td> <td>±2.4</td> </tr> </tbody> </table>	MÃ NHÔM	ĐỘ DÀY(MM)	T.LƯỢNG	NTE4781	±1.5	±2.4	TAY VỊN  <table border="1"> <thead> <tr> <th>MÃ NHÔM</th> <th>ĐỘ DÀY(MM)</th> <th>T.LƯỢNG</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>TV01</td> <td>±1.7</td> <td>±9.3</td> </tr> </tbody> </table>	MÃ NHÔM	ĐỘ DÀY(MM)	T.LƯỢNG	TV01	±1.7	±9.3	NỆP TAY VỊN  <table border="1"> <thead> <tr> <th>MÃ NHÔM</th> <th>ĐỘ DÀY(MM)</th> <th>T.LƯỢNG</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>TV03</td> <td>±1.0</td> <td>±1.6</td> </tr> </tbody> </table>	MÃ NHÔM	ĐỘ DÀY(MM)	T.LƯỢNG	TV03	±1.0	±1.6
MÃ NHÔM	ĐỘ DÀY(MM)	T.LƯỢNG																		
NTE4781	±1.5	±2.4																		
MÃ NHÔM	ĐỘ DÀY(MM)	T.LƯỢNG																		
TV01	±1.7	±9.3																		
MÃ NHÔM	ĐỘ DÀY(MM)	T.LƯỢNG																		
TV03	±1.0	±1.6																		
ĐẾ TAY VỊN  <table border="1"> <thead> <tr> <th>MÃ NHÔM</th> <th>ĐỘ DÀY(MM)</th> <th>T.LƯỢNG</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>TV02</td> <td>±1.3</td> <td>±14.5</td> </tr> </tbody> </table>	MÃ NHÔM	ĐỘ DÀY(MM)	T.LƯỢNG	TV02	±1.3	±14.5	TAY VỊN  <table border="1"> <thead> <tr> <th>MÃ NHÔM</th> <th>ĐỘ DÀY(MM)</th> <th>T.LƯỢNG</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>TV10</td> <td>±2.0</td> <td>±11.5</td> </tr> </tbody> </table>	MÃ NHÔM	ĐỘ DÀY(MM)	T.LƯỢNG	TV10	±2.0	±11.5							
MÃ NHÔM	ĐỘ DÀY(MM)	T.LƯỢNG																		
TV02	±1.3	±14.5																		
MÃ NHÔM	ĐỘ DÀY(MM)	T.LƯỢNG																		
TV10	±2.0	±11.5																		

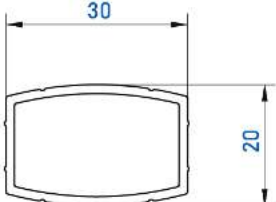
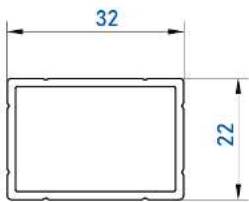
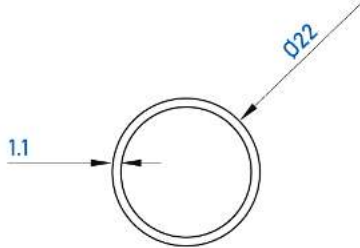
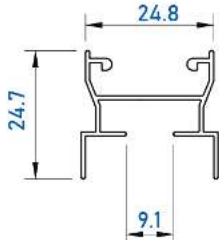
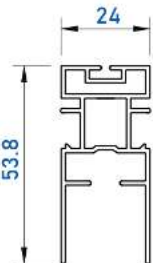
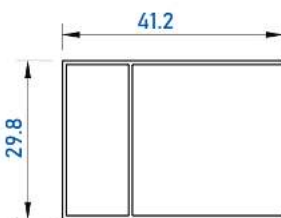
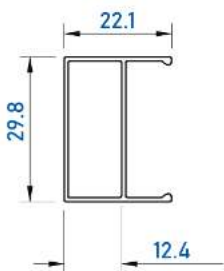
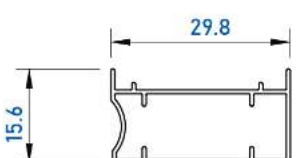
HỆ CHẮN SONG BẢO VỆ



HỆ NHÔM CHẤM SONG



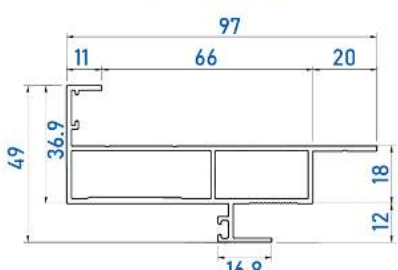
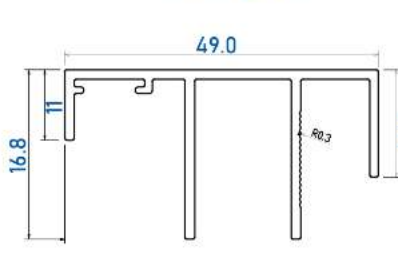
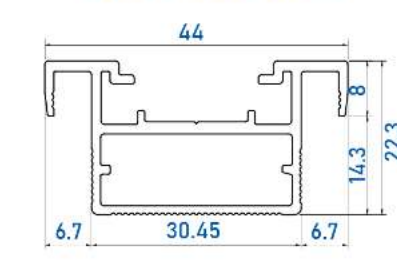
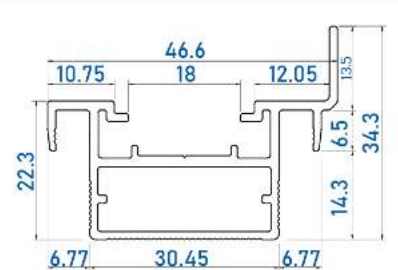
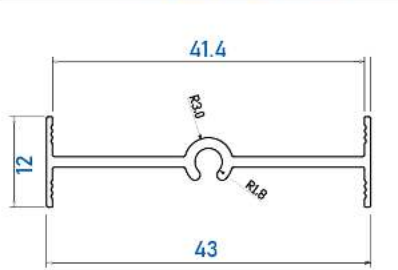
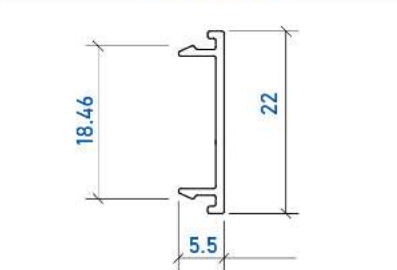
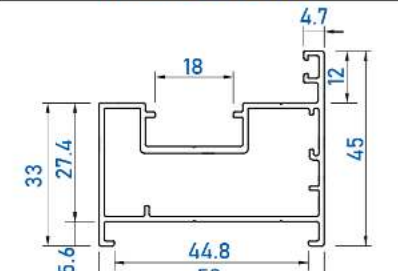
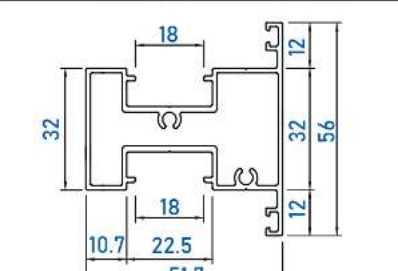
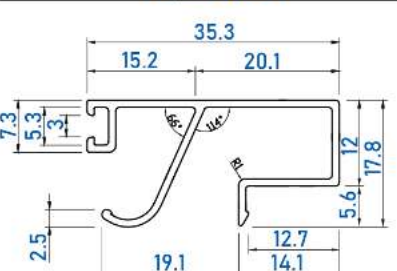
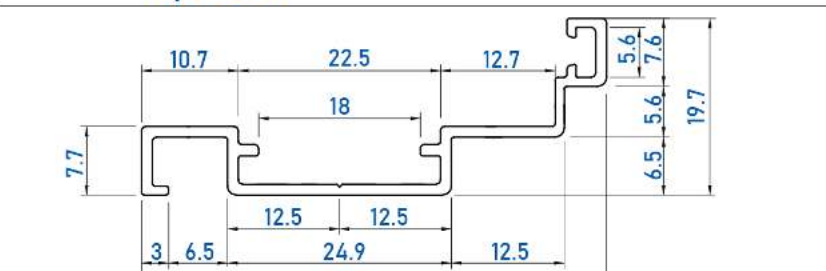
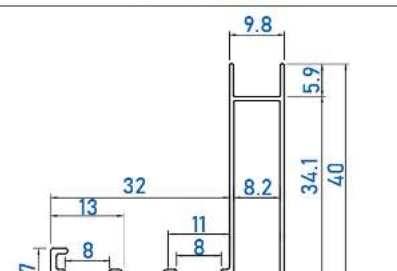
MẶT CẮT THÔNG SỐ KT HỆ CHẮN SONG + HỆ CỬA XẾP LƯỚI

THANH NGANG BẢO VỆ	THANH ĐỨNG BẢO VỆ	SONG BẢO VỆ																		
 <table border="1"> <thead> <tr> <th>MÃ NHÔM</th><th>ĐỘ DÀY(MM)</th><th>T.LƯỢNG</th></tr> </thead> <tbody> <tr> <td>TX2030</td><td>±1.5</td><td>±2.1</td></tr> </tbody> </table>	MÃ NHÔM	ĐỘ DÀY(MM)	T.LƯỢNG	TX2030	±1.5	±2.1	 <table border="1"> <thead> <tr> <th>MÃ NHÔM</th><th>ĐỘ DÀY(MM)</th><th>T.LƯỢNG</th></tr> </thead> <tbody> <tr> <td>TX2232</td><td>±1.5</td><td>±2.5</td></tr> </tbody> </table>	MÃ NHÔM	ĐỘ DÀY(MM)	T.LƯỢNG	TX2232	±1.5	±2.5	 <table border="1"> <thead> <tr> <th>MÃ NHÔM</th><th>ĐỘ DÀY(MM)</th><th>T.LƯỢNG</th></tr> </thead> <tbody> <tr> <td>TX6322</td><td>±1.1</td><td>±1.25</td></tr> </tbody> </table>	MÃ NHÔM	ĐỘ DÀY(MM)	T.LƯỢNG	TX6322	±1.1	±1.25
MÃ NHÔM	ĐỘ DÀY(MM)	T.LƯỢNG																		
TX2030	±1.5	±2.1																		
MÃ NHÔM	ĐỘ DÀY(MM)	T.LƯỢNG																		
TX2232	±1.5	±2.5																		
MÃ NHÔM	ĐỘ DÀY(MM)	T.LƯỢNG																		
TX6322	±1.1	±1.25																		
KHUNG BAO	KHUNG CÁCH	MÀNG DƯỚI CỬA SỔ																		
 <table border="1"> <thead> <tr> <th>MÃ NHÔM</th><th>ĐỘ DÀY(MM)</th><th>T.LƯỢNG</th></tr> </thead> <tbody> <tr> <td>XFLX01</td><td>±0.8</td><td>±1.3</td></tr> </tbody> </table>	MÃ NHÔM	ĐỘ DÀY(MM)	T.LƯỢNG	XFLX01	±0.8	±1.3	 <table border="1"> <thead> <tr> <th>MÃ NHÔM</th><th>ĐỘ DÀY(MM)</th><th>T.LƯỢNG</th></tr> </thead> <tbody> <tr> <td>XFL02</td><td>±0.8</td><td>±2.8</td></tr> </tbody> </table>	MÃ NHÔM	ĐỘ DÀY(MM)	T.LƯỢNG	XFL02	±0.8	±2.8	 <table border="1"> <thead> <tr> <th>MÃ NHÔM</th><th>ĐỘ DÀY(MM)</th><th>T.LƯỢNG</th></tr> </thead> <tbody> <tr> <td>XFLX03</td><td>±0.7</td><td>±1.6</td></tr> </tbody> </table>	MÃ NHÔM	ĐỘ DÀY(MM)	T.LƯỢNG	XFLX03	±0.7	±1.6
MÃ NHÔM	ĐỘ DÀY(MM)	T.LƯỢNG																		
XFLX01	±0.8	±1.3																		
MÃ NHÔM	ĐỘ DÀY(MM)	T.LƯỢNG																		
XFL02	±0.8	±2.8																		
MÃ NHÔM	ĐỘ DÀY(MM)	T.LƯỢNG																		
XFLX03	±0.7	±1.6																		
MÀNG TRÊN	KHUNG BAO NGOÀI																			
 <table border="1"> <thead> <tr> <th>MÃ NHÔM</th><th>ĐỘ DÀY(MM)</th><th>T.LƯỢNG</th></tr> </thead> <tbody> <tr> <td>XFLX04</td><td>±0.7</td><td>±1.2</td></tr> </tbody> </table>	MÃ NHÔM	ĐỘ DÀY(MM)	T.LƯỢNG	XFLX04	±0.7	±1.2	 <table border="1"> <thead> <tr> <th>MÃ NHÔM</th><th>ĐỘ DÀY(MM)</th><th>T.LƯỢNG</th></tr> </thead> <tbody> <tr> <td>XFLX05</td><td>±0.7</td><td>±1.2</td></tr> </tbody> </table>	MÃ NHÔM	ĐỘ DÀY(MM)	T.LƯỢNG	XFLX05	±0.7	±1.2							
MÃ NHÔM	ĐỘ DÀY(MM)	T.LƯỢNG																		
XFLX04	±0.7	±1.2																		
MÃ NHÔM	ĐỘ DÀY(MM)	T.LƯỢNG																		
XFLX05	±0.7	±1.2																		

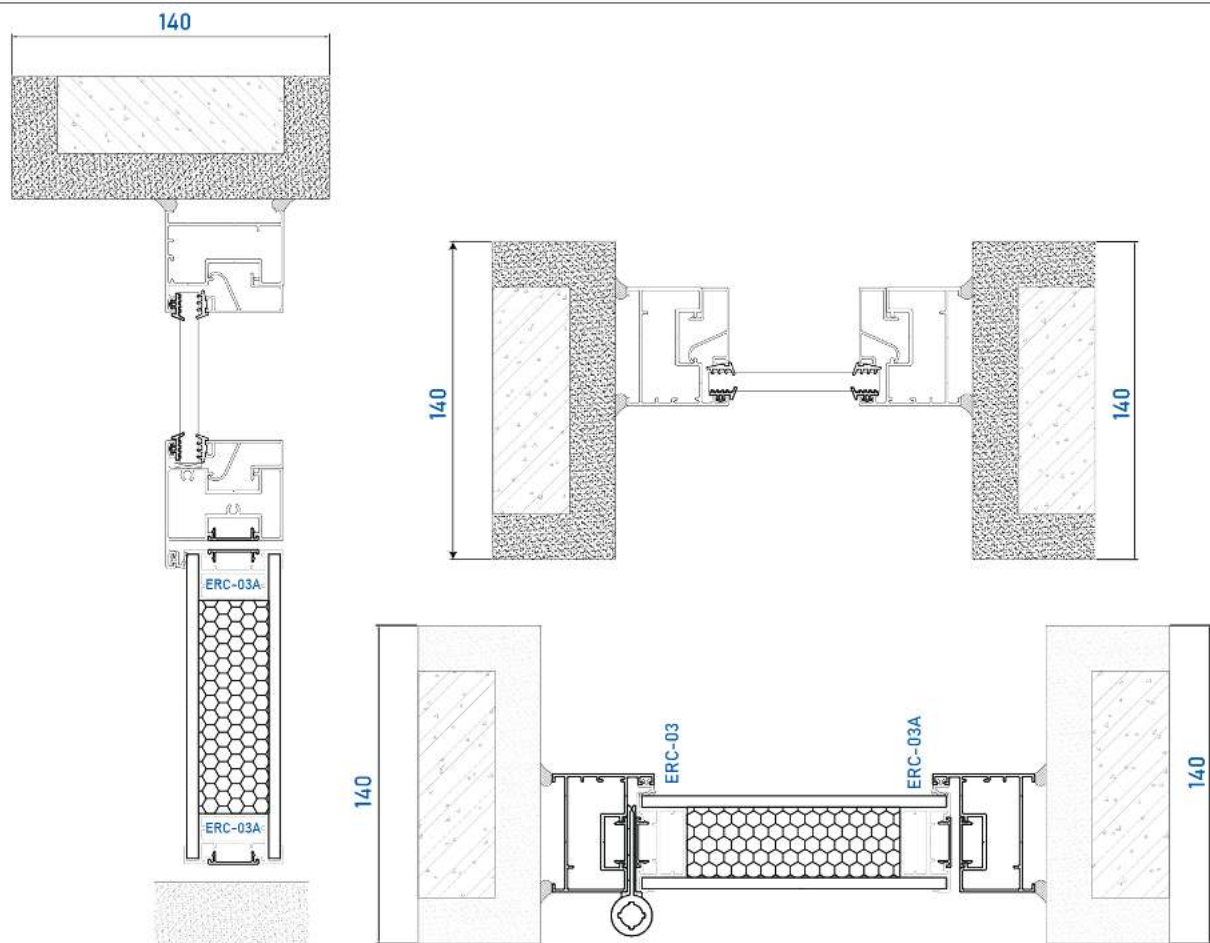
HỆ CỬA LÙA LƯỚI MUỖI



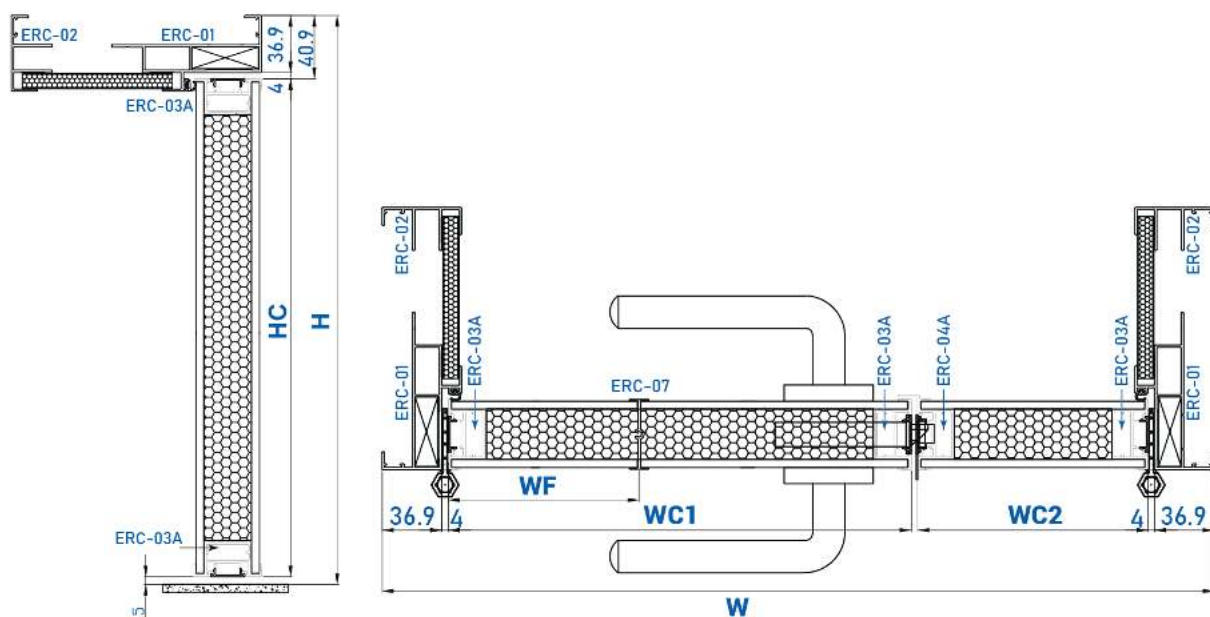
HỆ CỬA ERC - TẦM TỔ ONG VXT

KHUNG BAO LỚN  <table><tr><th>MÃ NHÓM</th><th>ĐỘ DÀY(MM)</th><th>T.LƯỢNG</th></tr><tr><td>XF ERC01</td><td>±1.5</td><td>±7.1</td></tr></table>	MÃ NHÓM	ĐỘ DÀY(MM)	T.LƯỢNG	XF ERC01	±1.5	±7.1	NỔI KB LỚN  <table><tr><th>MÃ NHÓM</th><th>ĐỘ DÀY(MM)</th><th>T.LƯỢNG</th></tr><tr><td>XF ERC02</td><td>±1.5</td><td>±3.1</td></tr></table>	MÃ NHÓM	ĐỘ DÀY(MM)	T.LƯỢNG	XF ERC02	±1.5	±3.1	ĐỨNG CẢNH TRƠN  <table><tr><th>MÃ NHÓM</th><th>ĐỘ DÀY(MM)</th><th>T.LƯỢNG</th></tr><tr><td>XF ERC03A</td><td>±1.4</td><td>±3.3</td></tr></table>	MÃ NHÓM	ĐỘ DÀY(MM)	T.LƯỢNG	XF ERC03A	±1.4	±3.3
MÃ NHÓM	ĐỘ DÀY(MM)	T.LƯỢNG																		
XF ERC01	±1.5	±7.1																		
MÃ NHÓM	ĐỘ DÀY(MM)	T.LƯỢNG																		
XF ERC02	±1.5	±3.1																		
MÃ NHÓM	ĐỘ DÀY(MM)	T.LƯỢNG																		
XF ERC03A	±1.4	±3.3																		
ĐỨNG CẢNH MÓC  <table><tr><th>MÃ NHÓM</th><th>ĐỘ DÀY(MM)</th><th>T.LƯỢNG</th></tr><tr><td>XF ERC04A</td><td>±1.4</td><td>±3.6</td></tr></table>	MÃ NHÓM	ĐỘ DÀY(MM)	T.LƯỢNG	XF ERC04A	±1.4	±3.6	THANH NỔI TẦM  <table><tr><th>MÃ NHÓM</th><th>ĐỘ DÀY(MM)</th><th>T.LƯỢNG</th></tr><tr><td>XF ERC07</td><td>±1.4</td><td>±1.4</td></tr></table>	MÃ NHÓM	ĐỘ DÀY(MM)	T.LƯỢNG	XF ERC07	±1.4	±1.4	ỚP CẢNH  <table><tr><th>MÃ NHÓM</th><th>ĐỘ DÀY(MM)</th><th>T.LƯỢNG</th></tr><tr><td>XF ERC11</td><td>±1.0</td><td>±0.6</td></tr></table>	MÃ NHÓM	ĐỘ DÀY(MM)	T.LƯỢNG	XF ERC11	±1.0	±0.6
MÃ NHÓM	ĐỘ DÀY(MM)	T.LƯỢNG																		
XF ERC04A	±1.4	±3.6																		
MÃ NHÓM	ĐỘ DÀY(MM)	T.LƯỢNG																		
XF ERC07	±1.4	±1.4																		
MÃ NHÓM	ĐỘ DÀY(MM)	T.LƯỢNG																		
XF ERC11	±1.0	±0.6																		
KHUNG BAO ĐƠN  <table><tr><th>MÃ NHÓM</th><th>ĐỘ DÀY(MM)</th><th>T.LƯỢNG</th></tr><tr><td>XF ERC12</td><td>±1.2</td><td>±4.6</td></tr></table>	MÃ NHÓM	ĐỘ DÀY(MM)	T.LƯỢNG	XF ERC12	±1.2	±4.6	KHUNG BAO VÁCH  <table><tr><th>MÃ NHÓM</th><th>ĐỘ DÀY(MM)</th><th>T.LƯỢNG</th></tr><tr><td>XF ERC13</td><td>±1.2</td><td>±5.7</td></tr></table>	MÃ NHÓM	ĐỘ DÀY(MM)	T.LƯỢNG	XF ERC13	±1.2	±5.7	NẾP VÁCH  <table><tr><th>MÃ NHÓM</th><th>ĐỘ DÀY(MM)</th><th>T.LƯỢNG</th></tr><tr><td>XF ERC14</td><td>±1.0</td><td>±1.7</td></tr></table>	MÃ NHÓM	ĐỘ DÀY(MM)	T.LƯỢNG	XF ERC14	±1.0	±1.7
MÃ NHÓM	ĐỘ DÀY(MM)	T.LƯỢNG																		
XF ERC12	±1.2	±4.6																		
MÃ NHÓM	ĐỘ DÀY(MM)	T.LƯỢNG																		
XF ERC13	±1.2	±5.7																		
MÃ NHÓM	ĐỘ DÀY(MM)	T.LƯỢNG																		
XF ERC14	±1.0	±1.7																		
NẾP VÁCH  <table><tr><th>MÃ NHÓM</th><th>ĐỘ DÀY(MM)</th><th>T.LƯỢNG</th></tr><tr><td>XF ERC15</td><td>±1.2</td><td>±1.8</td></tr></table>		MÃ NHÓM	ĐỘ DÀY(MM)	T.LƯỢNG	XF ERC15	±1.2	±1.8	NỔI KB VÁCH  <table><tr><th>MÃ NHÓM</th><th>ĐỘ DÀY(MM)</th><th>T.LƯỢNG</th></tr><tr><td>XF ERC16</td><td>±1.2</td><td>±2.1</td></tr></table>	MÃ NHÓM	ĐỘ DÀY(MM)	T.LƯỢNG	XF ERC16	±1.2	±2.1						
MÃ NHÓM	ĐỘ DÀY(MM)	T.LƯỢNG																		
XF ERC15	±1.2	±1.8																		
MÃ NHÓM	ĐỘ DÀY(MM)	T.LƯỢNG																		
XF ERC16	±1.2	±2.1																		

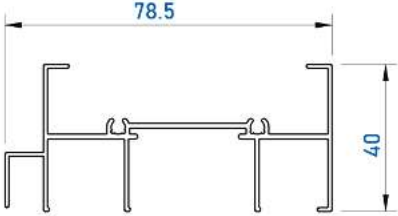
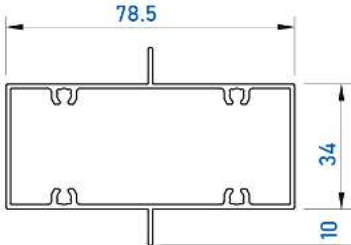
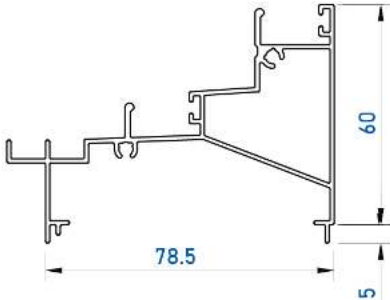
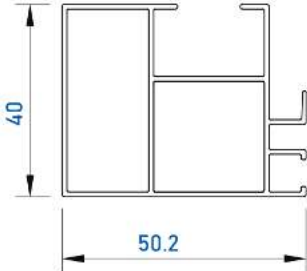
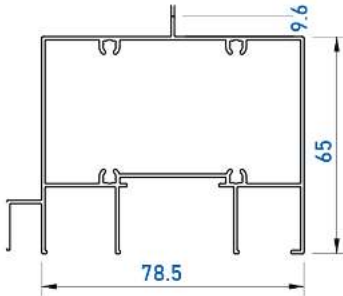
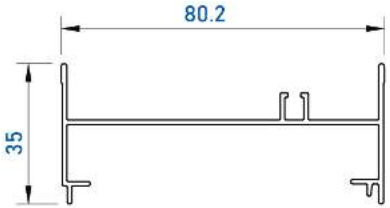
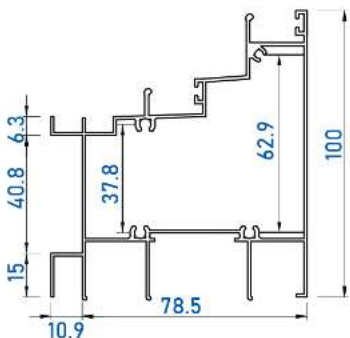
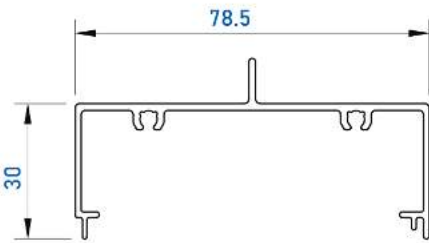
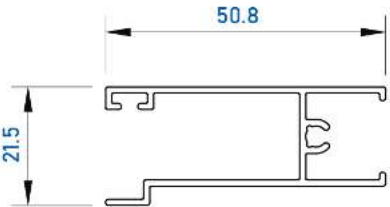
LẮP GHÉP HỆ ERC



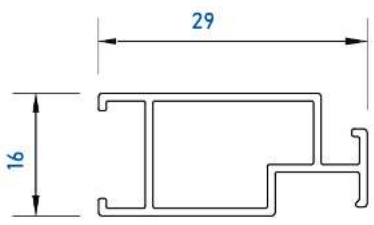
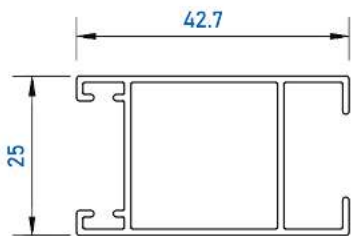
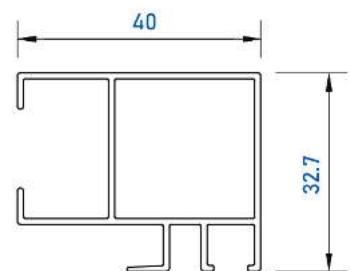
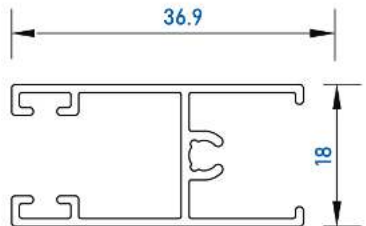
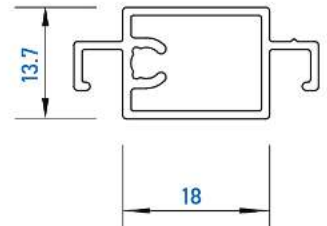
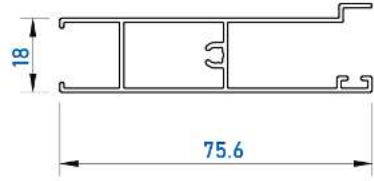
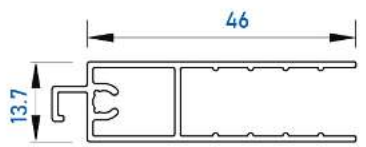
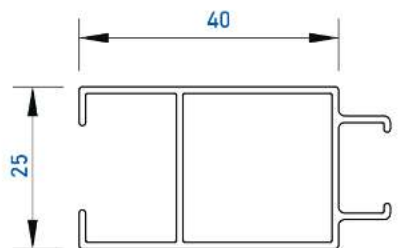
CỬA ĐI MỜ QUAY 2 CÁNH CÓ NỆP TRANG TRÍ



HỆ CỬA SỔ LÙA VTX 888

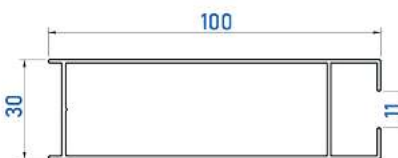
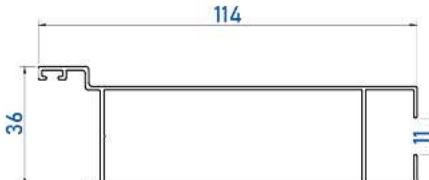
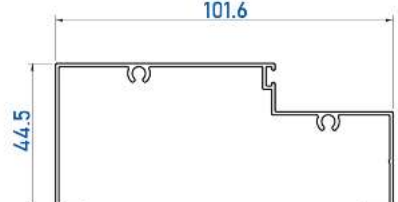
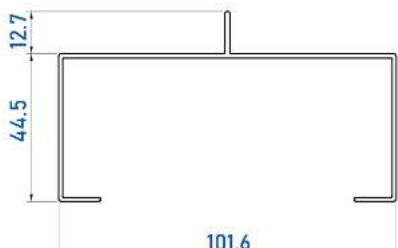
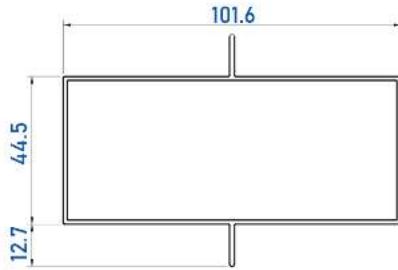
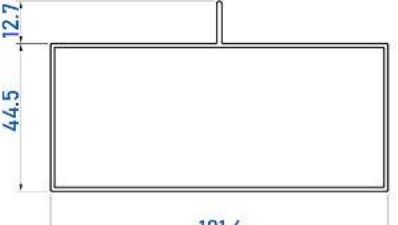
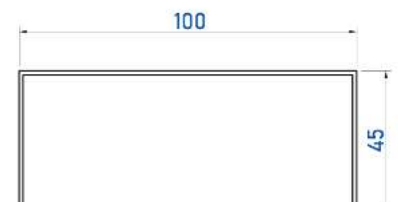
MĂNG TRÊN	ĐỒ GIỮA	NGANG DƯỚI																		
 <table border="1"> <thead> <tr> <th>MÃ NHÔM</th><th>DÀY (MM)</th><th>T/LƯỢNG</th></tr> </thead> <tbody> <tr> <td>HD8801</td><td>±1.0</td><td>±4.4</td></tr> </tbody> </table>	MÃ NHÔM	DÀY (MM)	T/LƯỢNG	HD8801	±1.0	±4.4	 <table border="1"> <thead> <tr> <th>MÃ NHÔM</th><th>DÀY (MM)</th><th>T/LƯỢNG</th></tr> </thead> <tbody> <tr> <td>HD8805</td><td>±1.0</td><td>±5.2</td></tr> </tbody> </table>	MÃ NHÔM	DÀY (MM)	T/LƯỢNG	HD8805	±1.0	±5.2	 <table border="1"> <thead> <tr> <th>MÃ NHÔM</th><th>DÀY (MM)</th><th>T/LƯỢNG</th></tr> </thead> <tbody> <tr> <td>HD8802</td><td>±1.0</td><td>±5.6</td></tr> </tbody> </table>	MÃ NHÔM	DÀY (MM)	T/LƯỢNG	HD8802	±1.0	±5.6
MÃ NHÔM	DÀY (MM)	T/LƯỢNG																		
HD8801	±1.0	±4.4																		
MÃ NHÔM	DÀY (MM)	T/LƯỢNG																		
HD8805	±1.0	±5.2																		
MÃ NHÔM	DÀY (MM)	T/LƯỢNG																		
HD8802	±1.0	±5.6																		
ĐỪNG CÁNH MÓC LỚN	TRÊN CỖ ĐỊNH, DƯỚI LÙA	ĐỪNG KHUNG BAO																		
 <table border="1"> <thead> <tr> <th>MÃ NHÔM</th><th>DÀY (MM)</th><th>T/LƯỢNG</th></tr> </thead> <tbody> <tr> <td>HD8856A</td><td>±0.9</td><td>±3.6</td></tr> </tbody> </table>	MÃ NHÔM	DÀY (MM)	T/LƯỢNG	HD8856A	±0.9	±3.6	 <table border="1"> <thead> <tr> <th>MÃ NHÔM</th><th>DÀY (MM)</th><th>T/LƯỢNG</th></tr> </thead> <tbody> <tr> <td>HD88058B</td><td>±0.9</td><td>±6.4</td></tr> </tbody> </table>	MÃ NHÔM	DÀY (MM)	T/LƯỢNG	HD88058B	±0.9	±6.4	 <table border="1"> <thead> <tr> <th>MÃ NHÔM</th><th>DÀY (MM)</th><th>T/LƯỢNG</th></tr> </thead> <tbody> <tr> <td>HD8803</td><td>±1.0</td><td>±3.1</td></tr> </tbody> </table>	MÃ NHÔM	DÀY (MM)	T/LƯỢNG	HD8803	±1.0	±3.1
MÃ NHÔM	DÀY (MM)	T/LƯỢNG																		
HD8856A	±0.9	±3.6																		
MÃ NHÔM	DÀY (MM)	T/LƯỢNG																		
HD88058B	±0.9	±6.4																		
MÃ NHÔM	DÀY (MM)	T/LƯỢNG																		
HD8803	±1.0	±3.1																		
TRÊN LÙA DƯỚI LÙA	KHUNG BAO CỖ ĐỊNH	NGANG CÁNH DƯỚI NHỎ																		
 <table border="1"> <thead> <tr> <th>MÃ NHÔM</th><th>DÀY (MM)</th><th>T/LƯỢNG</th></tr> </thead> <tbody> <tr> <td>HD8805</td><td>±1.0</td><td>±7.6</td></tr> </tbody> </table>	MÃ NHÔM	DÀY (MM)	T/LƯỢNG	HD8805	±1.0	±7.6	 <table border="1"> <thead> <tr> <th>MÃ NHÔM</th><th>DÀY (MM)</th><th>T/LƯỢNG</th></tr> </thead> <tbody> <tr> <td>HD8401B</td><td>±0.8</td><td>±4.9</td></tr> </tbody> </table>	MÃ NHÔM	DÀY (MM)	T/LƯỢNG	HD8401B	±0.8	±4.9	 <table border="1"> <thead> <tr> <th>MÃ NHÔM</th><th>DÀY (MM)</th><th>T/LƯỢNG</th></tr> </thead> <tbody> <tr> <td>HD8852</td><td>±0.9</td><td>±2.3</td></tr> </tbody> </table>	MÃ NHÔM	DÀY (MM)	T/LƯỢNG	HD8852	±0.9	±2.3
MÃ NHÔM	DÀY (MM)	T/LƯỢNG																		
HD8805	±1.0	±7.6																		
MÃ NHÔM	DÀY (MM)	T/LƯỢNG																		
HD8401B	±0.8	±4.9																		
MÃ NHÔM	DÀY (MM)	T/LƯỢNG																		
HD8852	±0.9	±2.3																		

MẶT CẮT KỸ THUẬT HỆ CỬA SỔ LÙA VXT 888

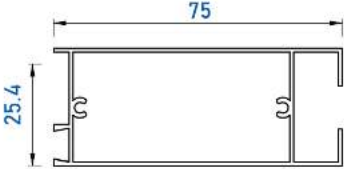
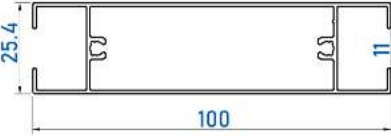
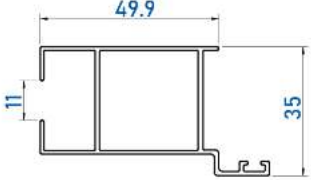
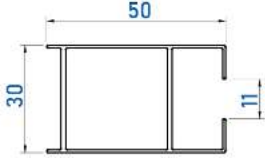
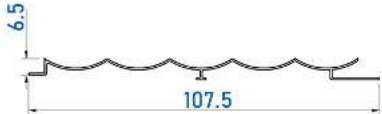
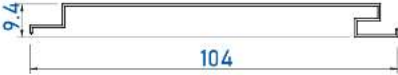
ĐỨNG LƯỚI MUỖI	ĐỨNG TRÊN	ĐỨNG CÁNH MÓC NHỎ																		
 <table border="1"> <thead> <tr> <th>MÃ NHÔM</th><th>DÀY (MM)</th><th>T/LƯỢNG</th></tr> </thead> <tbody> <tr> <td>HD8822</td><td>±1.0</td><td>±1.74</td></tr> </tbody> </table>	MÃ NHÔM	DÀY (MM)	T/LƯỢNG	HD8822	±1.0	±1.74	 <table border="1"> <thead> <tr> <th>MÃ NHÔM</th><th>DÀY (MM)</th><th>T/LƯỢNG</th></tr> </thead> <tbody> <tr> <td>HD8855</td><td>±0.9</td><td>±2.3</td></tr> </tbody> </table>	MÃ NHÔM	DÀY (MM)	T/LƯỢNG	HD8855	±0.9	±2.3	 <table border="1"> <thead> <tr> <th>MÃ NHÔM</th><th>DÀY (MM)</th><th>T/LƯỢNG</th></tr> </thead> <tbody> <tr> <td>HD8856</td><td>±0.85</td><td>±2.4</td></tr> </tbody> </table>	MÃ NHÔM	DÀY (MM)	T/LƯỢNG	HD8856	±0.85	±2.4
MÃ NHÔM	DÀY (MM)	T/LƯỢNG																		
HD8822	±1.0	±1.74																		
MÃ NHÔM	DÀY (MM)	T/LƯỢNG																		
HD8855	±0.9	±2.3																		
MÃ NHÔM	DÀY (MM)	T/LƯỢNG																		
HD8856	±0.85	±2.4																		
NGANG CÁNH TRÊN	NGĂN GIỮA LƯỚI MUỖI	NGANG CÁNH DƯỚI LỚN																		
 <table border="1"> <thead> <tr> <th>MÃ NHÔM</th><th>DÀY (MM)</th><th>T/LƯỢNG</th></tr> </thead> <tbody> <tr> <td>HD8851</td><td>±0.9</td><td>±1.9</td></tr> </tbody> </table>	MÃ NHÔM	DÀY (MM)	T/LƯỢNG	HD8851	±0.9	±1.9	 <table border="1"> <thead> <tr> <th>MÃ NHÔM</th><th>DÀY (MM)</th><th>T/LƯỢNG</th></tr> </thead> <tbody> <tr> <td>HD8823</td><td>±0.9</td><td>±1.5</td></tr> </tbody> </table>	MÃ NHÔM	DÀY (MM)	T/LƯỢNG	HD8823	±0.9	±1.5	 <table border="1"> <thead> <tr> <th>MÃ NHÔM</th><th>DÀY (MM)</th><th>T/LƯỢNG</th></tr> </thead> <tbody> <tr> <td>HD8852A</td><td>±0.9</td><td>±3.2</td></tr> </tbody> </table>	MÃ NHÔM	DÀY (MM)	T/LƯỢNG	HD8852A	±0.9	±3.2
MÃ NHÔM	DÀY (MM)	T/LƯỢNG																		
HD8851	±0.9	±1.9																		
MÃ NHÔM	DÀY (MM)	T/LƯỢNG																		
HD8823	±0.9	±1.5																		
MÃ NHÔM	DÀY (MM)	T/LƯỢNG																		
HD8852A	±0.9	±3.2																		
NGANG LƯỚI MUỖI	ĐỨNG CÁNH NHỎ																			
 <table border="1"> <thead> <tr> <th>MÃ NHÔM</th><th>DÀY (MM)</th><th>T/LƯỢNG</th></tr> </thead> <tbody> <tr> <td>HD8821</td><td>±0.8</td><td>±1.93</td></tr> </tbody> </table>	MÃ NHÔM	DÀY (MM)	T/LƯỢNG	HD8821	±0.8	±1.93	 <table border="1"> <thead> <tr> <th>MÃ NHÔM</th><th>DÀY (MM)</th><th>T/LƯỢNG</th></tr> </thead> <tbody> <tr> <td>HD8813A</td><td>±0.8</td><td>±2.1</td></tr> </tbody> </table>	MÃ NHÔM	DÀY (MM)	T/LƯỢNG	HD8813A	±0.8	±2.1							
MÃ NHÔM	DÀY (MM)	T/LƯỢNG																		
HD8821	±0.8	±1.93																		
MÃ NHÔM	DÀY (MM)	T/LƯỢNG																		
HD8813A	±0.8	±2.1																		



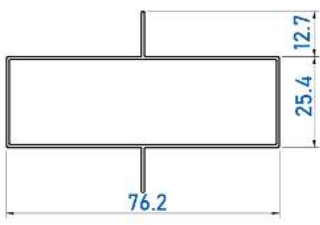
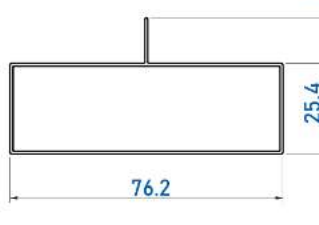
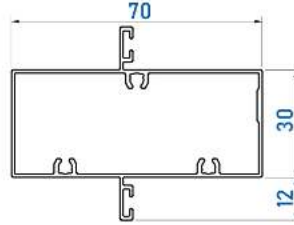
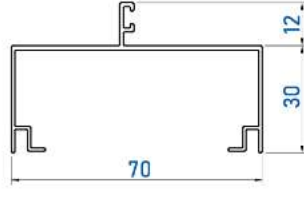
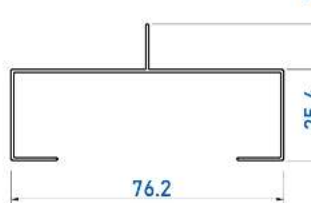
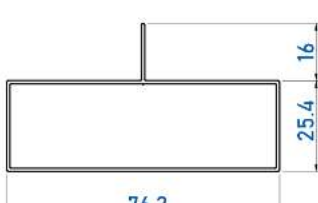
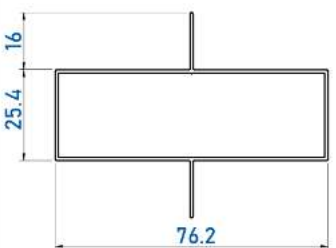
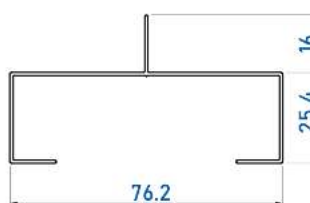
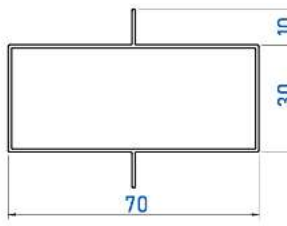
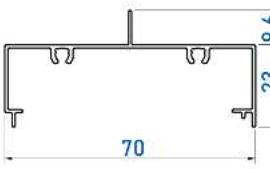
MẶT CẮT KỸ THUẬT CỬA ĐI 1000 - 700 BÀN LỚN

ĐỨNG CÁCH TRƠN	ĐỨNG CÁCH MÓC	KHUNG BAO																																				
 <table border="1"> <thead> <tr> <th>MÃ NHÔM</th><th>ĐÀY (MM)</th><th>T/LƯỢNG</th></tr> </thead> <tbody> <tr> <td>TX7052A</td><td>±1.1</td><td>±4.9</td></tr> <tr> <td>HD7052A</td><td>±0.9</td><td>±4.2</td></tr> <tr> <td>CS7052A</td><td>±0.7</td><td>±3.9</td></tr> </tbody> </table>	MÃ NHÔM	ĐÀY (MM)	T/LƯỢNG	TX7052A	±1.1	±4.9	HD7052A	±0.9	±4.2	CS7052A	±0.7	±3.9	 <table border="1"> <thead> <tr> <th>MÃ NHÔM</th><th>ĐÀY (MM)</th><th>T/LƯỢNG</th></tr> </thead> <tbody> <tr> <td>TX7053A</td><td>±1.1</td><td>±5.3</td></tr> <tr> <td>HD7053A</td><td>±0.9</td><td>±5.0</td></tr> <tr> <td>CS7053A</td><td>±0.7</td><td>±4.2</td></tr> </tbody> </table>	MÃ NHÔM	ĐÀY (MM)	T/LƯỢNG	TX7053A	±1.1	±5.3	HD7053A	±0.9	±5.0	CS7053A	±0.7	±4.2	 <table border="1"> <thead> <tr> <th>MÃ NHÔM</th><th>ĐÀY (MM)</th><th>T/LƯỢNG</th></tr> </thead> <tbody> <tr> <td>TXK141</td><td>±1.1</td><td>±4.2</td></tr> <tr> <td>HDK141</td><td>±1.0</td><td>±4.0</td></tr> <tr> <td>CSK141</td><td>±0.7</td><td>±3.4</td></tr> </tbody> </table>	MÃ NHÔM	ĐÀY (MM)	T/LƯỢNG	TXK141	±1.1	±4.2	HDK141	±1.0	±4.0	CSK141	±0.7	±3.4
MÃ NHÔM	ĐÀY (MM)	T/LƯỢNG																																				
TX7052A	±1.1	±4.9																																				
HD7052A	±0.9	±4.2																																				
CS7052A	±0.7	±3.9																																				
MÃ NHÔM	ĐÀY (MM)	T/LƯỢNG																																				
TX7053A	±1.1	±5.3																																				
HD7053A	±0.9	±5.0																																				
CS7053A	±0.7	±4.2																																				
MÃ NHÔM	ĐÀY (MM)	T/LƯỢNG																																				
TXK141	±1.1	±4.2																																				
HDK141	±1.0	±4.0																																				
CSK141	±0.7	±3.4																																				
ĐỨNG HỖ	ĐỨNG HỖ KHÔNG GỜ	NGANG GIỮA																																				
 <table border="1"> <thead> <tr> <th>MÃ NHÔM</th><th>ĐÀY (MM)</th><th>T/LƯỢNG</th></tr> </thead> <tbody> <tr> <td>TX1009</td><td>±1.3</td><td>±4.2</td></tr> <tr> <td>HD1009</td><td>±0.9</td><td>±3.7</td></tr> </tbody> </table>	MÃ NHÔM	ĐÀY (MM)	T/LƯỢNG	TX1009	±1.3	±4.2	HD1009	±0.9	±3.7	 <table border="1"> <thead> <tr> <th>MÃ NHÔM</th><th>ĐÀY (MM)</th><th>T/LƯỢNG</th></tr> </thead> <tbody> <tr> <td>TX1010</td><td>±1.2</td><td>±4.1</td></tr> </tbody> </table>	MÃ NHÔM	ĐÀY (MM)	T/LƯỢNG	TX1010	±1.2	±4.1	 <table border="1"> <thead> <tr> <th>MÃ NHÔM</th><th>ĐÀY (MM)</th><th>T/LƯỢNG</th></tr> </thead> <tbody> <tr> <td>TX1001</td><td>±1.3</td><td>±5.9</td></tr> <tr> <td>HD1001</td><td>±0.9</td><td>±4.8</td></tr> </tbody> </table>	MÃ NHÔM	ĐÀY (MM)	T/LƯỢNG	TX1001	±1.3	±5.9	HD1001	±0.9	±4.8												
MÃ NHÔM	ĐÀY (MM)	T/LƯỢNG																																				
TX1009	±1.3	±4.2																																				
HD1009	±0.9	±3.7																																				
MÃ NHÔM	ĐÀY (MM)	T/LƯỢNG																																				
TX1010	±1.2	±4.1																																				
MÃ NHÔM	ĐÀY (MM)	T/LƯỢNG																																				
TX1001	±1.3	±5.9																																				
HD1001	±0.9	±4.8																																				
HỘP MỘT GỜ	KHUNG BAO																																					
 <table border="1"> <thead> <tr> <th>MÃ NHÔM</th><th>ĐÀY (MM)</th><th>T/LƯỢNG</th></tr> </thead> <tbody> <tr> <td>TX1002</td><td>±1.3</td><td>±5.9</td></tr> <tr> <td>HD1002</td><td>±1.0</td><td>±4.7</td></tr> </tbody> </table>	MÃ NHÔM	ĐÀY (MM)	T/LƯỢNG	TX1002	±1.3	±5.9	HD1002	±1.0	±4.7	 <table border="1"> <thead> <tr> <th>MÃ NHÔM</th><th>ĐÀY (MM)</th><th>T/LƯỢNG</th></tr> </thead> <tbody> <tr> <td>TX1003</td><td>±1.3</td><td>±5.9</td></tr> <tr> <td>HD1003</td><td>±0.9</td><td>±4.5</td></tr> </tbody> </table>	MÃ NHÔM	ĐÀY (MM)	T/LƯỢNG	TX1003	±1.3	±5.9	HD1003	±0.9	±4.5																			
MÃ NHÔM	ĐÀY (MM)	T/LƯỢNG																																				
TX1002	±1.3	±5.9																																				
HD1002	±1.0	±4.7																																				
MÃ NHÔM	ĐÀY (MM)	T/LƯỢNG																																				
TX1003	±1.3	±5.9																																				
HD1003	±0.9	±4.5																																				

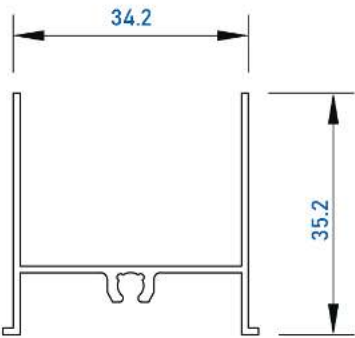
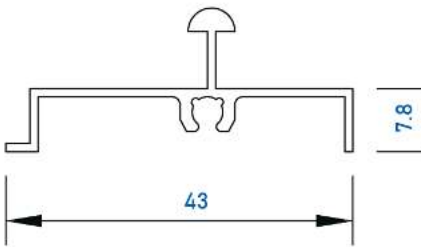
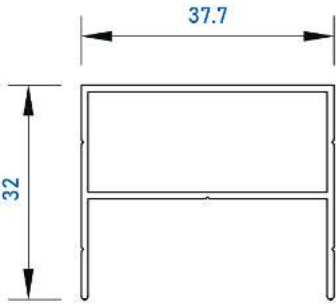
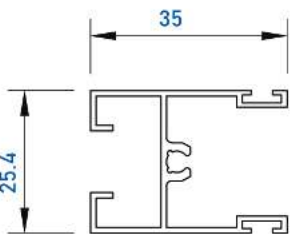
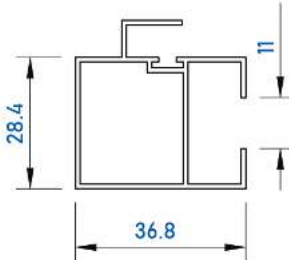
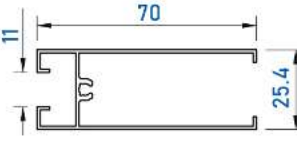
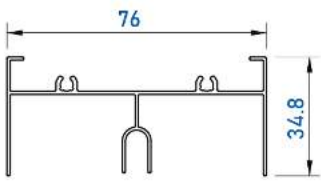
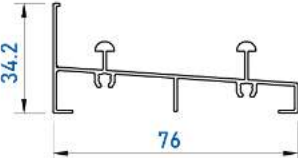
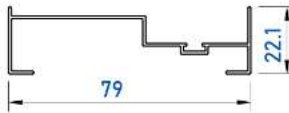
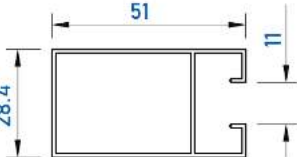
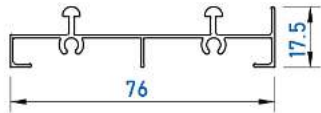
MẶT CẮT KỸ THUẬT CỬA 700 LAMRI

NGANG CÁCH	NGANG GIỮA	ĐỨNG CÁCH MÓC																																				
 <table border="1"> <thead> <tr> <th>MÃ NHÔM</th><th>ĐÀY (MM)</th><th>T/LƯỢNG</th></tr> </thead> <tbody> <tr> <td>TX7051</td><td>±1.0</td><td>±3.5</td></tr> <tr> <td>HD7051</td><td>±0.7</td><td>±3.2</td></tr> <tr> <td>CS7051</td><td>±0.5</td><td>±2.3</td></tr> </tbody> </table>	MÃ NHÔM	ĐÀY (MM)	T/LƯỢNG	TX7051	±1.0	±3.5	HD7051	±0.7	±3.2	CS7051	±0.5	±2.3	 <table border="1"> <thead> <tr> <th>MÃ NHÔM</th><th>ĐÀY (MM)</th><th>T/LƯỢNG</th></tr> </thead> <tbody> <tr> <td>TX7054</td><td>±1.0</td><td>±4.7</td></tr> <tr> <td>HD7054</td><td>±0.7</td><td>±3.7</td></tr> <tr> <td>CS7054</td><td>±0.6</td><td>±2.9</td></tr> </tbody> </table>	MÃ NHÔM	ĐÀY (MM)	T/LƯỢNG	TX7054	±1.0	±4.7	HD7054	±0.7	±3.7	CS7054	±0.6	±2.9	 <table border="1"> <thead> <tr> <th>MÃ NHÔM</th><th>ĐÀY (MM)</th><th>T/LƯỢNG</th></tr> </thead> <tbody> <tr> <td>TX7053</td><td>±1.1</td><td>±3.4</td></tr> <tr> <td>HD7053</td><td>±0.7</td><td>±2.6</td></tr> <tr> <td>CS7053</td><td>±0.5</td><td>±1.9</td></tr> </tbody> </table>	MÃ NHÔM	ĐÀY (MM)	T/LƯỢNG	TX7053	±1.1	±3.4	HD7053	±0.7	±2.6	CS7053	±0.5	±1.9
MÃ NHÔM	ĐÀY (MM)	T/LƯỢNG																																				
TX7051	±1.0	±3.5																																				
HD7051	±0.7	±3.2																																				
CS7051	±0.5	±2.3																																				
MÃ NHÔM	ĐÀY (MM)	T/LƯỢNG																																				
TX7054	±1.0	±4.7																																				
HD7054	±0.7	±3.7																																				
CS7054	±0.6	±2.9																																				
MÃ NHÔM	ĐÀY (MM)	T/LƯỢNG																																				
TX7053	±1.1	±3.4																																				
HD7053	±0.7	±2.6																																				
CS7053	±0.5	±1.9																																				
ĐỨNG CÁCH TRƠN	LAMRI HỘP PHẪNG	LAMRI SÓNG																																				
 <table border="1"> <thead> <tr> <th>MÃ NHÔM</th><th>ĐÀY (MM)</th><th>T/LƯỢNG</th></tr> </thead> <tbody> <tr> <td>TX7052</td><td>±1.0</td><td>±2.8</td></tr> <tr> <td>HD7052</td><td>±0.7</td><td>±2.2</td></tr> <tr> <td>CS7052</td><td>±0.5</td><td>±1.8</td></tr> </tbody> </table>	MÃ NHÔM	ĐÀY (MM)	T/LƯỢNG	TX7052	±1.0	±2.8	HD7052	±0.7	±2.2	CS7052	±0.5	±1.8	 <table border="1"> <thead> <tr> <th>MÃ NHÔM</th><th>ĐÀY (MM)</th><th>T/LƯỢNG</th></tr> </thead> <tbody> <tr> <td>CS4333</td><td>±0.5</td><td>±2.1</td></tr> </tbody> </table>	MÃ NHÔM	ĐÀY (MM)	T/LƯỢNG	CS4333	±0.5	±2.1	 <table border="1"> <thead> <tr> <th>MÃ NHÔM</th><th>ĐÀY (MM)</th><th>T/LƯỢNG</th></tr> </thead> <tbody> <tr> <td>CS4221</td><td>±0.5</td><td>±1.0</td></tr> </tbody> </table>	MÃ NHÔM	ĐÀY (MM)	T/LƯỢNG	CS4221	±0.5	±1.0												
MÃ NHÔM	ĐÀY (MM)	T/LƯỢNG																																				
TX7052	±1.0	±2.8																																				
HD7052	±0.7	±2.2																																				
CS7052	±0.5	±1.8																																				
MÃ NHÔM	ĐÀY (MM)	T/LƯỢNG																																				
CS4333	±0.5	±2.1																																				
MÃ NHÔM	ĐÀY (MM)	T/LƯỢNG																																				
CS4221	±0.5	±1.0																																				
LAMRI SÓNG	LAMRI PHẪNG	LAMRI HỘP																																				
 <table border="1"> <thead> <tr> <th>MÃ NHÔM</th><th>ĐÀY (MM)</th><th>T/LƯỢNG</th></tr> </thead> <tbody> <tr> <td>CS4222</td><td>±0.5</td><td>±1.0</td></tr> </tbody> </table>	MÃ NHÔM	ĐÀY (MM)	T/LƯỢNG	CS4222	±0.5	±1.0	 <table border="1"> <thead> <tr> <th>MÃ NHÔM</th><th>ĐÀY (MM)</th><th>T/LƯỢNG</th></tr> </thead> <tbody> <tr> <td>CS4223</td><td>±0.6</td><td>±1.2</td></tr> </tbody> </table>	MÃ NHÔM	ĐÀY (MM)	T/LƯỢNG	CS4223	±0.6	±1.2	 <table border="1"> <thead> <tr> <th>MÃ NHÔM</th><th>ĐÀY (MM)</th><th>T/LƯỢNG</th></tr> </thead> <tbody> <tr> <td>TX4332</td><td>±0.7</td><td>±2.0</td></tr> <tr> <td>HD4332</td><td>±0.5</td><td>±1.85</td></tr> <tr> <td>CS4332</td><td>±0.4</td><td>±1.6</td></tr> </tbody> </table>	MÃ NHÔM	ĐÀY (MM)	T/LƯỢNG	TX4332	±0.7	±2.0	HD4332	±0.5	±1.85	CS4332	±0.4	±1.6												
MÃ NHÔM	ĐÀY (MM)	T/LƯỢNG																																				
CS4222	±0.5	±1.0																																				
MÃ NHÔM	ĐÀY (MM)	T/LƯỢNG																																				
CS4223	±0.6	±1.2																																				
MÃ NHÔM	ĐÀY (MM)	T/LƯỢNG																																				
TX4332	±0.7	±2.0																																				
HD4332	±0.5	±1.85																																				
CS4332	±0.4	±1.6																																				

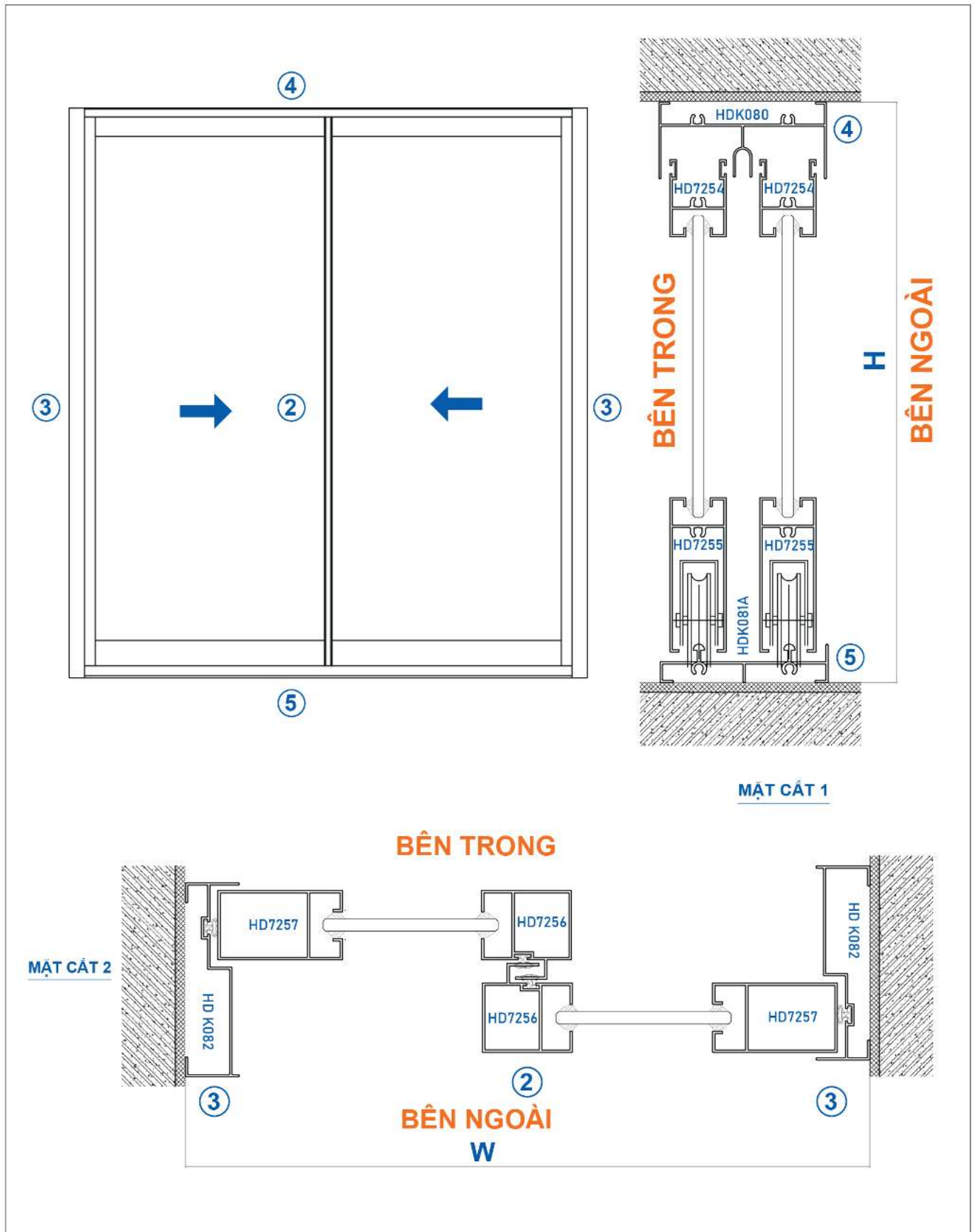
MẶT CẮT KỸ THUẬT CỬA 700

HỘP HAI GỜ  <table><tr><th>MÃ NHÔM</th><th>DÀY (MM)</th><th>T/LƯỢNG</th></tr><tr><td>HD7011</td><td>±0.7</td><td>±2.3</td></tr><tr><td>CS7011</td><td>±0.5</td><td>±1.9</td></tr></table>	MÃ NHÔM	DÀY (MM)	T/LƯỢNG	HD7011	±0.7	±2.3	CS7011	±0.5	±1.9	HỘP MỘT GỜ  <table><tr><th>MÃ NHÔM</th><th>DÀY (MM)</th><th>T/LƯỢNG</th></tr><tr><td>HD7012</td><td>±0.7</td><td>±2.3</td></tr><tr><td>CS7012</td><td>±0.6</td><td>±1.9</td></tr></table>	MÃ NHÔM	DÀY (MM)	T/LƯỢNG	HD7012	±0.7	±2.3	CS7012	±0.6	±1.9	NGANG GIỮA  <table><tr><th>MÃ NHÔM</th><th>DÀY (MM)</th><th>T/LƯỢNG</th></tr><tr><td>TX7006</td><td>±0.85</td><td>±3.3</td></tr></table>	MÃ NHÔM	DÀY (MM)	T/LƯỢNG	TX7006	±0.85	±3.3													
MÃ NHÔM	DÀY (MM)	T/LƯỢNG																																					
HD7011	±0.7	±2.3																																					
CS7011	±0.5	±1.9																																					
MÃ NHÔM	DÀY (MM)	T/LƯỢNG																																					
HD7012	±0.7	±2.3																																					
CS7012	±0.6	±1.9																																					
MÃ NHÔM	DÀY (MM)	T/LƯỢNG																																					
TX7006	±0.85	±3.3																																					
KHUNG BAO  <table><tr><th>MÃ NHÔM</th><th>DÀY (MM)</th><th>T/LƯỢNG</th></tr><tr><td>TX7002</td><td>±0.9-1.1</td><td>±2.76</td></tr><tr><td>HD7002</td><td>±0.7</td><td>±2.3</td></tr><tr><td>CS7002</td><td>±0.6</td><td>±1.8</td></tr></table>	MÃ NHÔM	DÀY (MM)	T/LƯỢNG	TX7002	±0.9-1.1	±2.76	HD7002	±0.7	±2.3	CS7002	±0.6	±1.8	KHUNG BAO  <table><tr><th>MÃ NHÔM</th><th>DÀY (MM)</th><th>T/LƯỢNG</th></tr><tr><td>HD7019</td><td>±0.65</td><td>±1.8</td></tr><tr><td>CS7019</td><td>±0.55</td><td>±1.4</td></tr></table>	MÃ NHÔM	DÀY (MM)	T/LƯỢNG	HD7019	±0.65	±1.8	CS7019	±0.55	±1.4	HỘP MỘT GỜ  <table><tr><th>MÃ NHÔM</th><th>DÀY (MM)</th><th>T/LƯỢNG</th></tr><tr><td>TX7012</td><td>±0.9</td><td>±3.0</td></tr></table>	MÃ NHÔM	DÀY (MM)	T/LƯỢNG	TX7012	±0.9	±3.0										
MÃ NHÔM	DÀY (MM)	T/LƯỢNG																																					
TX7002	±0.9-1.1	±2.76																																					
HD7002	±0.7	±2.3																																					
CS7002	±0.6	±1.8																																					
MÃ NHÔM	DÀY (MM)	T/LƯỢNG																																					
HD7019	±0.65	±1.8																																					
CS7019	±0.55	±1.4																																					
MÃ NHÔM	DÀY (MM)	T/LƯỢNG																																					
TX7012	±0.9	±3.0																																					
HỘP HAI GỜ  <table><tr><th>MÃ NHÔM</th><th>DÀY (MM)</th><th>T/LƯỢNG</th></tr><tr><td>TX7011</td><td>±0.9</td><td>±3.1</td></tr></table>	MÃ NHÔM	DÀY (MM)	T/LƯỢNG	TX7011	±0.9	±3.1	KHUNG BAO  <table><tr><th>MÃ NHÔM</th><th>DÀY (MM)</th><th>T/LƯỢNG</th></tr><tr><td>TX7019</td><td>±0.9</td><td>±2.1</td></tr></table>	MÃ NHÔM	DÀY (MM)	T/LƯỢNG	TX7019	±0.9	±2.1	ĐỖ GIỮA  <table><tr><th>MÃ NHÔM</th><th>DÀY (MM)</th><th>T/LƯỢNG</th></tr><tr><td>TX7008</td><td>±0.9</td><td>±3.14</td></tr><tr><td>HD7008</td><td>±0.7</td><td>±2.3</td></tr><tr><td>CS7008</td><td>±0.6</td><td>±2.0</td></tr></table>	MÃ NHÔM	DÀY (MM)	T/LƯỢNG	TX7008	±0.9	±3.14	HD7008	±0.7	±2.3	CS7008	±0.6	±2.0	KHUNG BAO  <table><tr><th>MÃ NHÔM</th><th>DÀY (MM)</th><th>T/LƯỢNG</th></tr><tr><td>TX7109</td><td>±0.9</td><td>±2.3</td></tr><tr><td>HD7109</td><td>±0.7</td><td>±1.7</td></tr><tr><td>CS7109</td><td>±0.5</td><td>±1.5</td></tr></table>	MÃ NHÔM	DÀY (MM)	T/LƯỢNG	TX7109	±0.9	±2.3	HD7109	±0.7	±1.7	CS7109	±0.5	±1.5
MÃ NHÔM	DÀY (MM)	T/LƯỢNG																																					
TX7011	±0.9	±3.1																																					
MÃ NHÔM	DÀY (MM)	T/LƯỢNG																																					
TX7019	±0.9	±2.1																																					
MÃ NHÔM	DÀY (MM)	T/LƯỢNG																																					
TX7008	±0.9	±3.14																																					
HD7008	±0.7	±2.3																																					
CS7008	±0.6	±2.0																																					
MÃ NHÔM	DÀY (MM)	T/LƯỢNG																																					
TX7109	±0.9	±2.3																																					
HD7109	±0.7	±1.7																																					
CS7109	±0.5	±1.5																																					

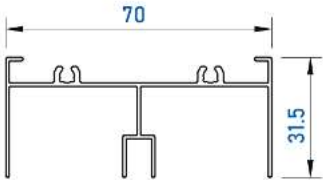
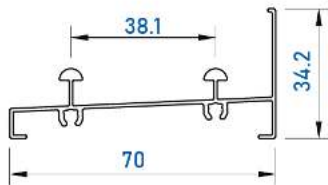
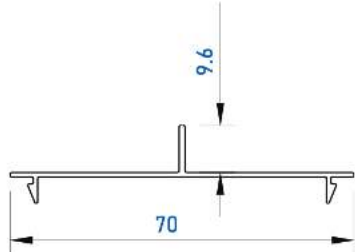
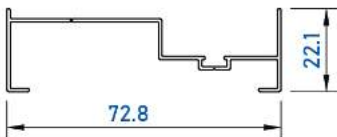
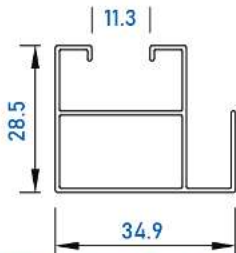
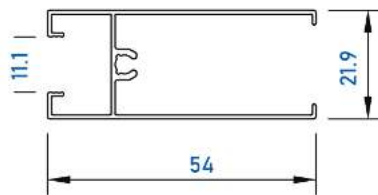
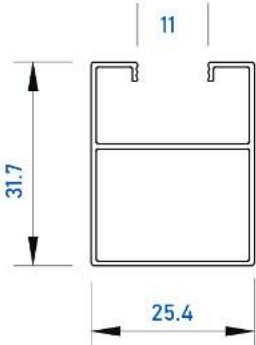
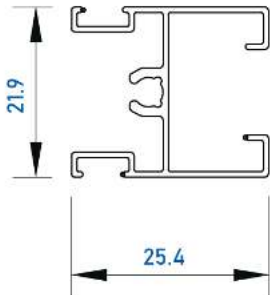
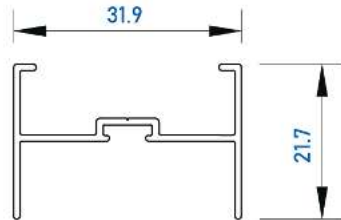
MẶT CẮT KỸ THUẬT CỬA LỬA 76

MĂNG TRÊN  <table><tr><th>MÃ NHÔM</th><th>DÀY (MM)</th><th>T/LƯỢNG</th></tr><tr><td>HD7251</td><td>±0.9</td><td>±1.84</td></tr></table>	MÃ NHÔM	DÀY (MM)	T/LƯỢNG	HD7251	±0.9	±1.84	MĂNG DƯỚI  <table><tr><th>MÃ NHÔM</th><th>DÀY (MM)</th><th>T/LƯỢNG</th></tr><tr><td>HD7252</td><td>±0.9</td><td>±1.2</td></tr></table>	MÃ NHÔM	DÀY (MM)	T/LƯỢNG	HD7252	±0.9	±1.2	ĐỨNG BÊN  <table><tr><th>MÃ NHÔM</th><th>DÀY (MM)</th><th>T/LƯỢNG</th></tr><tr><td>HD7259</td><td>±0.6</td><td>±1.4</td></tr></table>	MÃ NHÔM	DÀY (MM)	T/LƯỢNG	HD7259	±0.6	±1.4							
MÃ NHÔM	DÀY (MM)	T/LƯỢNG																									
HD7251	±0.9	±1.84																									
MÃ NHÔM	DÀY (MM)	T/LƯỢNG																									
HD7252	±0.9	±1.2																									
MÃ NHÔM	DÀY (MM)	T/LƯỢNG																									
HD7259	±0.6	±1.4																									
MĂNG TRÊN  <table><tr><th>MÃ NHÔM</th><th>DÀY (MM)</th><th>T/LƯỢNG</th></tr><tr><td>HD7254</td><td>±0.8</td><td>±1.7</td></tr></table>	MÃ NHÔM	DÀY (MM)	T/LƯỢNG	HD7254	±0.8	±1.7	ĐỨNG CÁCH MÓC  <table><tr><th>MÃ NHÔM</th><th>DÀY (MM)</th><th>T/LƯỢNG</th></tr><tr><td>HD7256</td><td>±0.8</td><td>±2.1</td></tr></table>	MÃ NHÔM	DÀY (MM)	T/LƯỢNG	HD7256	±0.8	±2.1	NGANG CÁCH DƯỚI  <table><tr><th>MÃ NHÔM</th><th>DÀY (MM)</th><th>T/LƯỢNG</th></tr><tr><td>HD7255</td><td>±0.8</td><td>±2.6</td></tr></table>	MÃ NHÔM	DÀY (MM)	T/LƯỢNG	HD7255	±0.8	±2.6	MĂNG TRÊN  <table><tr><th>MÃ NHÔM</th><th>DÀY (MM)</th><th>T/LƯỢNG</th></tr><tr><td>HDK080</td><td>±0.9</td><td>±3.5</td></tr></table>	MÃ NHÔM	DÀY (MM)	T/LƯỢNG	HDK080	±0.9	±3.5
MÃ NHÔM	DÀY (MM)	T/LƯỢNG																									
HD7254	±0.8	±1.7																									
MÃ NHÔM	DÀY (MM)	T/LƯỢNG																									
HD7256	±0.8	±2.1																									
MÃ NHÔM	DÀY (MM)	T/LƯỢNG																									
HD7255	±0.8	±2.6																									
MÃ NHÔM	DÀY (MM)	T/LƯỢNG																									
HDK080	±0.9	±3.5																									
MĂNG DƯỚI  <table><tr><th>MÃ NHÔM</th><th>DÀY (MM)</th><th>T/LƯỢNG</th></tr><tr><td>HDK081</td><td>±0.9</td><td>±3.4</td></tr></table>	MÃ NHÔM	DÀY (MM)	T/LƯỢNG	HDK081	±0.9	±3.4	ĐỨNG KHUNG BAO  <table><tr><th>MÃ NHÔM</th><th>DÀY (MM)</th><th>T/LƯỢNG</th></tr><tr><td>HDK082</td><td>±0.8</td><td>±2.2</td></tr></table>	MÃ NHÔM	DÀY (MM)	T/LƯỢNG	HDK082	±0.8	±2.2	ĐỨNG CÁCH TRƠN  <table><tr><th>MÃ NHÔM</th><th>DÀY (MM)</th><th>T/LƯỢNG</th></tr><tr><td>HD7257</td><td>±0.8</td><td>±2.5</td></tr></table>	MÃ NHÔM	DÀY (MM)	T/LƯỢNG	HD7257	±0.8	±2.5	MĂNG DƯỚI  <table><tr><th>MÃ NHÔM</th><th>DÀY (MM)</th><th>T/LƯỢNG</th></tr><tr><td>HDK018A</td><td>±1.1</td><td>±3.2</td></tr></table>	MÃ NHÔM	DÀY (MM)	T/LƯỢNG	HDK018A	±1.1	±3.2
MÃ NHÔM	DÀY (MM)	T/LƯỢNG																									
HDK081	±0.9	±3.4																									
MÃ NHÔM	DÀY (MM)	T/LƯỢNG																									
HDK082	±0.8	±2.2																									
MÃ NHÔM	DÀY (MM)	T/LƯỢNG																									
HD7257	±0.8	±2.5																									
MÃ NHÔM	DÀY (MM)	T/LƯỢNG																									
HDK018A	±1.1	±3.2																									

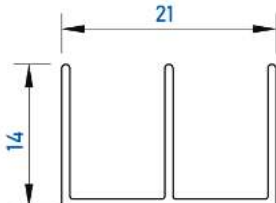
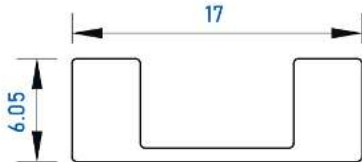
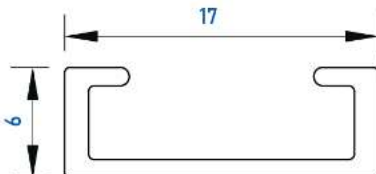
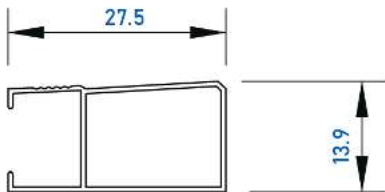
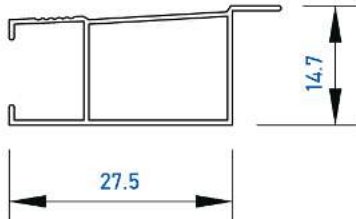
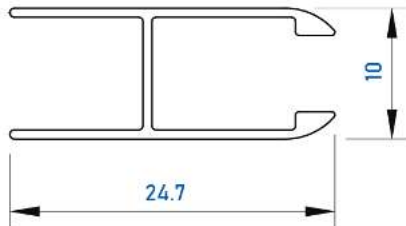
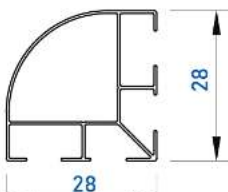
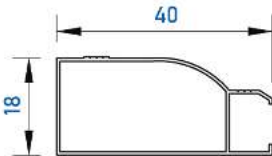
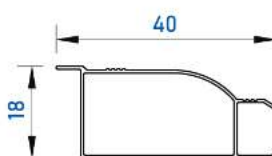
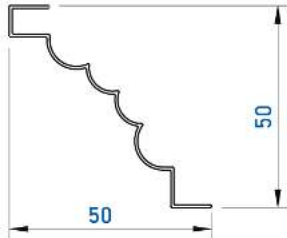
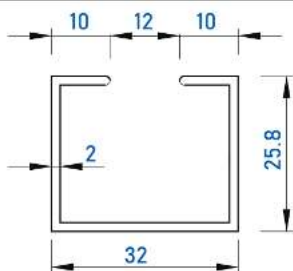
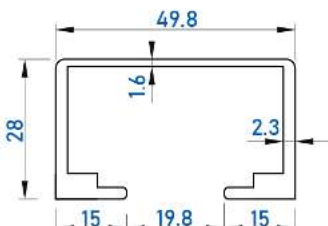
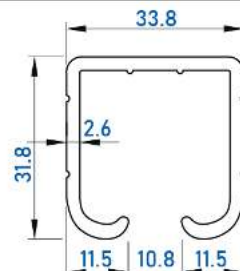
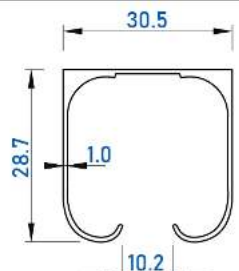
CỬA SỔ 2 CÁNH LÙA 76



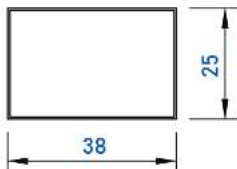
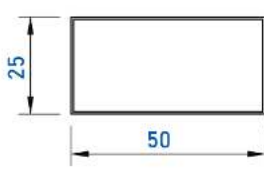
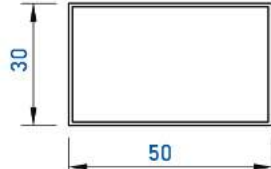
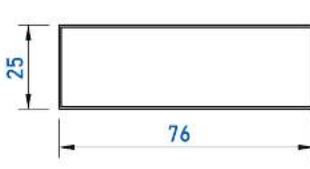
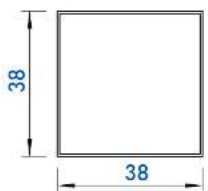
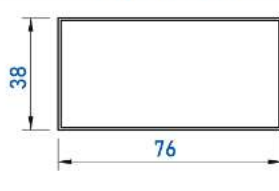
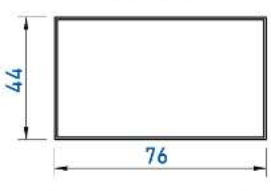
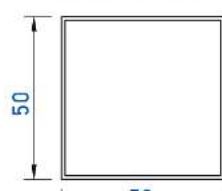
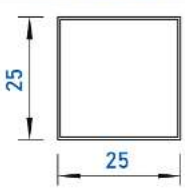
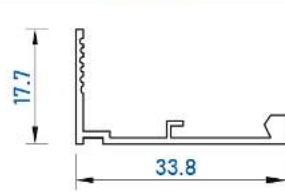
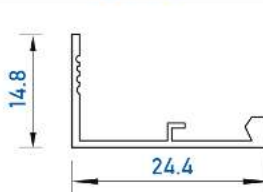
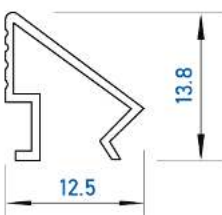
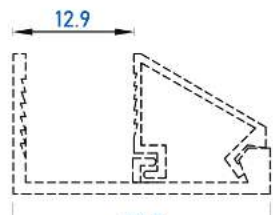
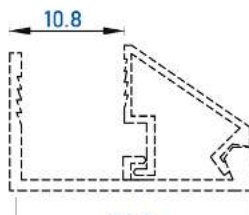
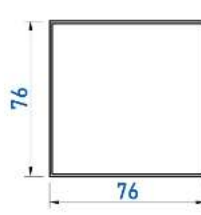
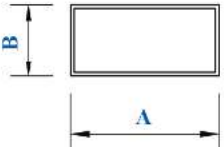
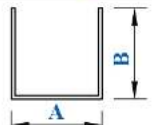
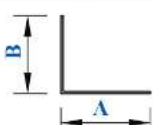
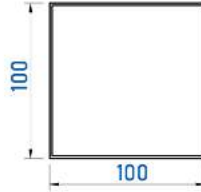
MẶT CẮT KỸ THUẬT CỬA SỔ LÙA 500

NGANG TRÊN KHUNG BAO	NGANG DƯỚI KHUNG BAO	GHÉP MẮNG																																				
 <table border="1"> <thead> <tr> <th>MÃ NHÔM</th><th>ĐỘ DÀY(MM)</th><th>T.LƯỢNG</th></tr> </thead> <tbody> <tr> <td>TX5051</td><td>±0.9</td><td>±2.9</td></tr> <tr> <td>HD5051</td><td>±0.7</td><td>±2.35</td></tr> <tr> <td>CS5051</td><td>±0.5</td><td>±1.84</td></tr> </tbody> </table>	MÃ NHÔM	ĐỘ DÀY(MM)	T.LƯỢNG	TX5051	±0.9	±2.9	HD5051	±0.7	±2.35	CS5051	±0.5	±1.84	 <table border="1"> <thead> <tr> <th>MÃ NHÔM</th><th>ĐỘ DÀY(MM)</th><th>T.LƯỢNG</th></tr> </thead> <tbody> <tr> <td>TX5052</td><td>±0.9</td><td>±2.7</td></tr> <tr> <td>HD5052</td><td>±0.8</td><td>±2.2</td></tr> <tr> <td>CS5052</td><td>±0.5</td><td>±1.7</td></tr> </tbody> </table>	MÃ NHÔM	ĐỘ DÀY(MM)	T.LƯỢNG	TX5052	±0.9	±2.7	HD5052	±0.8	±2.2	CS5052	±0.5	±1.7	 <table border="1"> <thead> <tr> <th>MÃ NHÔM</th><th>ĐỘ DÀY(MM)</th><th>T.LƯỢNG</th></tr> </thead> <tbody> <tr> <td>HD5058</td><td>±0.8</td><td>±1.3</td></tr> </tbody> </table>	MÃ NHÔM	ĐỘ DÀY(MM)	T.LƯỢNG	HD5058	±0.8	±1.3						
MÃ NHÔM	ĐỘ DÀY(MM)	T.LƯỢNG																																				
TX5051	±0.9	±2.9																																				
HD5051	±0.7	±2.35																																				
CS5051	±0.5	±1.84																																				
MÃ NHÔM	ĐỘ DÀY(MM)	T.LƯỢNG																																				
TX5052	±0.9	±2.7																																				
HD5052	±0.8	±2.2																																				
CS5052	±0.5	±1.7																																				
MÃ NHÔM	ĐỘ DÀY(MM)	T.LƯỢNG																																				
HD5058	±0.8	±1.3																																				
NỔI KHUNG BAO	NỔI CÁCH MÓC	NGANG DƯỚI CÁCH																																				
 <table border="1"> <thead> <tr> <th>MÃ NHÔM</th><th>ĐỘ DÀY(MM)</th><th>T.LƯỢNG</th></tr> </thead> <tbody> <tr> <td>TX5053</td><td>±0.9</td><td>±1.95</td></tr> <tr> <td>HD5053</td><td>±0.7</td><td>±1.6</td></tr> <tr> <td>CS5053</td><td>±0.5</td><td>±1.3</td></tr> </tbody> </table>	MÃ NHÔM	ĐỘ DÀY(MM)	T.LƯỢNG	TX5053	±0.9	±1.95	HD5053	±0.7	±1.6	CS5053	±0.5	±1.3	 <table border="1"> <thead> <tr> <th>MÃ NHÔM</th><th>ĐỘ DÀY(MM)</th><th>T.LƯỢNG</th></tr> </thead> <tbody> <tr> <td>TX5056</td><td>±0.8</td><td>±1.95</td></tr> <tr> <td>HD5056</td><td>±0.7</td><td>±1.6</td></tr> <tr> <td>CS5056</td><td>±0.5</td><td>±1.3</td></tr> </tbody> </table>	MÃ NHÔM	ĐỘ DÀY(MM)	T.LƯỢNG	TX5056	±0.8	±1.95	HD5056	±0.7	±1.6	CS5056	±0.5	±1.3	 <table border="1"> <thead> <tr> <th>MÃ NHÔM</th><th>ĐỘ DÀY(MM)</th><th>T.LƯỢNG</th></tr> </thead> <tbody> <tr> <td>TX5055</td><td>±0.8</td><td>±1.95</td></tr> <tr> <td>HD5055</td><td>±0.7</td><td>±1.8</td></tr> <tr> <td>CS5055</td><td>±0.5</td><td>±1.35</td></tr> </tbody> </table>	MÃ NHÔM	ĐỘ DÀY(MM)	T.LƯỢNG	TX5055	±0.8	±1.95	HD5055	±0.7	±1.8	CS5055	±0.5	±1.35
MÃ NHÔM	ĐỘ DÀY(MM)	T.LƯỢNG																																				
TX5053	±0.9	±1.95																																				
HD5053	±0.7	±1.6																																				
CS5053	±0.5	±1.3																																				
MÃ NHÔM	ĐỘ DÀY(MM)	T.LƯỢNG																																				
TX5056	±0.8	±1.95																																				
HD5056	±0.7	±1.6																																				
CS5056	±0.5	±1.3																																				
MÃ NHÔM	ĐỘ DÀY(MM)	T.LƯỢNG																																				
TX5055	±0.8	±1.95																																				
HD5055	±0.7	±1.8																																				
CS5055	±0.5	±1.35																																				
ĐỨNG CÁCH TRƠN	NGANG TRÊN CÁCH	ĐỨNG TRUNG GIAN																																				
 <table border="1"> <thead> <tr> <th>MÃ NHÔM</th><th>ĐỘ DÀY(MM)</th><th>T.LƯỢNG</th></tr> </thead> <tbody> <tr> <td>TX5057</td><td>±0.8</td><td>±1.65</td></tr> <tr> <td>HD5057</td><td>±0.7</td><td>±1.35</td></tr> <tr> <td>CS5057</td><td>±0.5</td><td>±1.1</td></tr> </tbody> </table>	MÃ NHÔM	ĐỘ DÀY(MM)	T.LƯỢNG	TX5057	±0.8	±1.65	HD5057	±0.7	±1.35	CS5057	±0.5	±1.1	 <table border="1"> <thead> <tr> <th>MÃ NHÔM</th><th>ĐỘ DÀY(MM)</th><th>T.LƯỢNG</th></tr> </thead> <tbody> <tr> <td>TX5054</td><td>±0.8</td><td>±1.5</td></tr> <tr> <td>HD5054</td><td>±0.6</td><td>±1.2</td></tr> <tr> <td>CS5054</td><td>±0.5</td><td>±0.95</td></tr> </tbody> </table>	MÃ NHÔM	ĐỘ DÀY(MM)	T.LƯỢNG	TX5054	±0.8	±1.5	HD5054	±0.6	±1.2	CS5054	±0.5	±0.95	 <table border="1"> <thead> <tr> <th>MÃ NHÔM</th><th>ĐỘ DÀY(MM)</th><th>T.LƯỢNG</th></tr> </thead> <tbody> <tr> <td>HD5126</td><td>±0.7</td><td>±0.9</td></tr> </tbody> </table>	MÃ NHÔM	ĐỘ DÀY(MM)	T.LƯỢNG	HD5126	±0.7	±0.9						
MÃ NHÔM	ĐỘ DÀY(MM)	T.LƯỢNG																																				
TX5057	±0.8	±1.65																																				
HD5057	±0.7	±1.35																																				
CS5057	±0.5	±1.1																																				
MÃ NHÔM	ĐỘ DÀY(MM)	T.LƯỢNG																																				
TX5054	±0.8	±1.5																																				
HD5054	±0.6	±1.2																																				
CS5054	±0.5	±0.95																																				
MÃ NHÔM	ĐỘ DÀY(MM)	T.LƯỢNG																																				
HD5126	±0.7	±0.9																																				

MẶT CẮT KỸ THUẬT HỆ TỦ KỆ

CHỮ E  <table><tr><th>MÃ NHÔM</th><th>ĐỘ DÀY(MM)</th><th>T.LƯỢNG</th></tr><tr><td>TX9742</td><td>±0.8</td><td>±0.8</td></tr><tr><td>CS9742</td><td>±0.5</td><td>±0.43</td></tr></table>	MÃ NHÔM	ĐỘ DÀY(MM)	T.LƯỢNG	TX9742	±0.8	±0.8	CS9742	±0.5	±0.43	RAY DÀY  <table><tr><th>MÃ NHÔM</th><th>ĐỘ DÀY(MM)</th><th>T.LƯỢNG</th></tr><tr><td>CS9743</td><td>±0.8</td><td>±0.7</td></tr></table>	MÃ NHÔM	ĐỘ DÀY(MM)	T.LƯỢNG	CS9743	±0.8	±0.7	RAY MỎNG  <table><tr><th>MÃ NHÔM</th><th>ĐỘ DÀY(MM)</th><th>T.LƯỢNG</th></tr><tr><td>CS9744</td><td>±0.6</td><td>±0.4</td></tr></table>	MÃ NHÔM	ĐỘ DÀY(MM)	T.LƯỢNG	CS9744	±0.6	±0.4																
MÃ NHÔM	ĐỘ DÀY(MM)	T.LƯỢNG																																					
TX9742	±0.8	±0.8																																					
CS9742	±0.5	±0.43																																					
MÃ NHÔM	ĐỘ DÀY(MM)	T.LƯỢNG																																					
CS9743	±0.8	±0.7																																					
MÃ NHÔM	ĐỘ DÀY(MM)	T.LƯỢNG																																					
CS9744	±0.6	±0.4																																					
CÁNH TỦ  <table><tr><th>MÃ NHÔM</th><th>ĐỘ DÀY(MM)</th><th>T.LƯỢNG</th></tr><tr><td>CS9753A</td><td>±0.4</td><td>±0.55</td></tr></table>	MÃ NHÔM	ĐỘ DÀY(MM)	T.LƯỢNG	CS9753A	±0.4	±0.55	CÁNH TỦ GỜ  <table><tr><th>MÃ NHÔM</th><th>ĐỘ DÀY(MM)</th><th>T.LƯỢNG</th></tr><tr><td>CS9754A</td><td>±0.4</td><td>±0.6</td></tr></table>	MÃ NHÔM	ĐỘ DÀY(MM)	T.LƯỢNG	CS9754A	±0.4	±0.6	KẸP KÍNH  <table><tr><th>MÃ NHÔM</th><th>ĐỘ DÀY(MM)</th><th>T.LƯỢNG</th></tr><tr><td>CS9745A</td><td>±0.5</td><td>±0.55</td></tr></table>	MÃ NHÔM	ĐỘ DÀY(MM)	T.LƯỢNG	CS9745A	±0.5	±0.55																			
MÃ NHÔM	ĐỘ DÀY(MM)	T.LƯỢNG																																					
CS9753A	±0.4	±0.55																																					
MÃ NHÔM	ĐỘ DÀY(MM)	T.LƯỢNG																																					
CS9754A	±0.4	±0.6																																					
MÃ NHÔM	ĐỘ DÀY(MM)	T.LƯỢNG																																					
CS9745A	±0.5	±0.55																																					
BO 2 RÃNH  <table><tr><th>MÃ NHÔM</th><th>ĐỘ DÀY(MM)</th><th>T.LƯỢNG</th></tr><tr><td>TX9759</td><td>±0.6</td><td>±1.27</td></tr><tr><td>HD9759</td><td>±0.5</td><td>±1.0</td></tr><tr><td>CS9759</td><td>±0.4</td><td>±0.75</td></tr></table>	MÃ NHÔM	ĐỘ DÀY(MM)	T.LƯỢNG	TX9759	±0.6	±1.27	HD9759	±0.5	±1.0	CS9759	±0.4	±0.75	CÁNH TỦ ÁO  <table><tr><th>MÃ NHÔM</th><th>ĐỘ DÀY(MM)</th><th>T.LƯỢNG</th></tr><tr><td>TX9761</td><td>±0.6</td><td>±1.07</td></tr><tr><td>CS9761</td><td>±0.4</td><td>±0.9</td></tr></table>	MÃ NHÔM	ĐỘ DÀY(MM)	T.LƯỢNG	TX9761	±0.6	±1.07	CS9761	±0.4	±0.9	CÁNH TỦ ÁO GỜ  <table><tr><th>MÃ NHÔM</th><th>ĐỘ DÀY(MM)</th><th>T.LƯỢNG</th></tr><tr><td>TX9761A</td><td>±0.6</td><td>±1.1</td></tr><tr><td>CS9761A</td><td>±0.4</td><td>±0.85</td></tr></table>	MÃ NHÔM	ĐỘ DÀY(MM)	T.LƯỢNG	TX9761A	±0.6	±1.1	CS9761A	±0.4	±0.85	LÁ ĐẦU TỦ  <table><tr><th>MÃ NHÔM</th><th>ĐỘ DÀY(MM)</th><th>T.LƯỢNG</th></tr><tr><td>CS9762</td><td>±0.6</td><td>±0.75</td></tr></table>	MÃ NHÔM	ĐỘ DÀY(MM)	T.LƯỢNG	CS9762	±0.6	±0.75
MÃ NHÔM	ĐỘ DÀY(MM)	T.LƯỢNG																																					
TX9759	±0.6	±1.27																																					
HD9759	±0.5	±1.0																																					
CS9759	±0.4	±0.75																																					
MÃ NHÔM	ĐỘ DÀY(MM)	T.LƯỢNG																																					
TX9761	±0.6	±1.07																																					
CS9761	±0.4	±0.9																																					
MÃ NHÔM	ĐỘ DÀY(MM)	T.LƯỢNG																																					
TX9761A	±0.6	±1.1																																					
CS9761A	±0.4	±0.85																																					
MÃ NHÔM	ĐỘ DÀY(MM)	T.LƯỢNG																																					
CS9762	±0.6	±0.75																																					
 <table><tr><th>MÃ NHÔM</th><th>ĐỘ DÀY(MM)</th><th>T.LƯỢNG</th></tr><tr><td>Máng in lựa</td><td>±2.0</td><td>±3</td></tr></table>	MÃ NHÔM	ĐỘ DÀY(MM)	T.LƯỢNG	Máng in lựa	±2.0	±3	 <table><tr><th>MÃ NHÔM</th><th>ĐỘ DÀY(MM)</th><th>T.LƯỢNG</th></tr><tr><td>Máng in lớn</td><td></td><td>±5</td></tr></table>	MÃ NHÔM	ĐỘ DÀY(MM)	T.LƯỢNG	Máng in lớn		±5	 <table><tr><th>MÃ NHÔM</th><th>ĐỘ DÀY(MM)</th><th>T.LƯỢNG</th></tr><tr><td>Máng treo dày</td><td>±2.8</td><td>±4.7</td></tr></table>	MÃ NHÔM	ĐỘ DÀY(MM)	T.LƯỢNG	Máng treo dày	±2.8	±4.7	 <table><tr><th>MÃ NHÔM</th><th>ĐỘ DÀY(MM)</th><th>T.LƯỢNG</th></tr><tr><td>Máng treo mỏng</td><td>±1.2</td><td>±2.2</td></tr></table>	MÃ NHÔM	ĐỘ DÀY(MM)	T.LƯỢNG	Máng treo mỏng	±1.2	±2.2												
MÃ NHÔM	ĐỘ DÀY(MM)	T.LƯỢNG																																					
Máng in lựa	±2.0	±3																																					
MÃ NHÔM	ĐỘ DÀY(MM)	T.LƯỢNG																																					
Máng in lớn		±5																																					
MÃ NHÔM	ĐỘ DÀY(MM)	T.LƯỢNG																																					
Máng treo dày	±2.8	±4.7																																					
MÃ NHÔM	ĐỘ DÀY(MM)	T.LƯỢNG																																					
Máng treo mỏng	±1.2	±2.2																																					

MẶT CẮT NHÔM THÔNG DỤNG

HỘP 25*38  <table><tr><th>MÃ NHÔM</th><th>ĐỘ DÀY(MM)</th><th>T.LƯỢNG</th></tr><tr><td>TX6102</td><td>±0.7</td><td>±1.7</td></tr><tr><td>HD6102</td><td>±0.6</td><td>±1.2</td></tr><tr><td>CS6102</td><td>±0.4</td><td>±1.0</td></tr></table>	MÃ NHÔM	ĐỘ DÀY(MM)	T.LƯỢNG	TX6102	±0.7	±1.7	HD6102	±0.6	±1.2	CS6102	±0.4	±1.0	HỘP 25*50  <table><tr><th>MÃ NHÔM</th><th>ĐỘ DÀY(MM)</th><th>T.LƯỢNG</th></tr><tr><td>TX6103</td><td>±0.7</td><td>±1.7</td></tr><tr><td>HD6103</td><td>±0.6</td><td>±1.2</td></tr><tr><td>CS6103</td><td>±0.5</td><td>±1.0</td></tr></table>	MÃ NHÔM	ĐỘ DÀY(MM)	T.LƯỢNG	TX6103	±0.7	±1.7	HD6103	±0.6	±1.2	CS6103	±0.5	±1.0	HỘP 30*50  <table><tr><th>MÃ NHÔM</th><th>ĐỘ DÀY(MM)</th><th>T.LƯỢNG</th></tr><tr><td>TXK150</td><td>±0.7</td><td>±1.95</td></tr></table>	MÃ NHÔM	ĐỘ DÀY(MM)	T.LƯỢNG	TXK150	±0.7	±1.95	HỘP 25*76  <table><tr><th>MÃ NHÔM</th><th>ĐỘ DÀY(MM)</th><th>T.LƯỢNG</th></tr><tr><td>TX7013</td><td>±0.8</td><td>±2.2</td></tr><tr><td>HD7013</td><td>±0.6</td><td>±1.97</td></tr></table>	MÃ NHÔM	ĐỘ DÀY(MM)	T.LƯỢNG	TX7013	±0.8	±2.2	HD7013	±0.6	±1.97																					
MÃ NHÔM	ĐỘ DÀY(MM)	T.LƯỢNG																																																													
TX6102	±0.7	±1.7																																																													
HD6102	±0.6	±1.2																																																													
CS6102	±0.4	±1.0																																																													
MÃ NHÔM	ĐỘ DÀY(MM)	T.LƯỢNG																																																													
TX6103	±0.7	±1.7																																																													
HD6103	±0.6	±1.2																																																													
CS6103	±0.5	±1.0																																																													
MÃ NHÔM	ĐỘ DÀY(MM)	T.LƯỢNG																																																													
TXK150	±0.7	±1.95																																																													
MÃ NHÔM	ĐỘ DÀY(MM)	T.LƯỢNG																																																													
TX7013	±0.8	±2.2																																																													
HD7013	±0.6	±1.97																																																													
HỘP 38*38  <table><tr><th>MÃ NHÔM</th><th>ĐỘ DÀY(MM)</th><th>T.LƯỢNG</th></tr><tr><td>TX6114</td><td>±0.7</td><td>±1.69</td></tr><tr><td>HD6114</td><td>±0.6</td><td>±1.5</td></tr></table>	MÃ NHÔM	ĐỘ DÀY(MM)	T.LƯỢNG	TX6114	±0.7	±1.69	HD6114	±0.6	±1.5	HỘP 38*76  <table><tr><th>MÃ NHÔM</th><th>ĐỘ DÀY(MM)</th><th>T.LƯỢNG</th></tr><tr><td>TX6110</td><td>±0.9</td><td>±3.7</td></tr><tr><td>HD6110</td><td>±0.6</td><td>±2.3</td></tr></table>	MÃ NHÔM	ĐỘ DÀY(MM)	T.LƯỢNG	TX6110	±0.9	±3.7	HD6110	±0.6	±2.3	HỘP 76*44  <table><tr><th>MÃ NHÔM</th><th>ĐỘ DÀY(MM)</th><th>T.LƯỢNG</th></tr><tr><td>TX7004</td><td>±0.9</td><td>±3.5</td></tr><tr><td>HD7004</td><td>±0.6</td><td>±3.0</td></tr></table>	MÃ NHÔM	ĐỘ DÀY(MM)	T.LƯỢNG	TX7004	±0.9	±3.5	HD7004	±0.6	±3.0	HỘP 50*50  <table><tr><th>MÃ NHÔM</th><th>ĐỘ DÀY(MM)</th><th>T.LƯỢNG (KG/M)</th></tr><tr><td>XFA-50*50</td><td>1.1</td><td>3.1</td></tr></table>	MÃ NHÔM	ĐỘ DÀY(MM)	T.LƯỢNG (KG/M)	XFA-50*50	1.1	3.1																											
MÃ NHÔM	ĐỘ DÀY(MM)	T.LƯỢNG																																																													
TX6114	±0.7	±1.69																																																													
HD6114	±0.6	±1.5																																																													
MÃ NHÔM	ĐỘ DÀY(MM)	T.LƯỢNG																																																													
TX6110	±0.9	±3.7																																																													
HD6110	±0.6	±2.3																																																													
MÃ NHÔM	ĐỘ DÀY(MM)	T.LƯỢNG																																																													
TX7004	±0.9	±3.5																																																													
HD7004	±0.6	±3.0																																																													
MÃ NHÔM	ĐỘ DÀY(MM)	T.LƯỢNG (KG/M)																																																													
XFA-50*50	1.1	3.1																																																													
HỘP 25*25  <table><tr><th>MÃ NHÔM</th><th>ĐỘ DÀY(MM)</th><th>T.LƯỢNG</th></tr><tr><td>TX6101</td><td>±0.6</td><td>±1.0</td></tr><tr><td>HD6101</td><td>±0.5</td><td>±0.8</td></tr><tr><td>CS6101</td><td>±0.4</td><td>±0.6</td></tr></table>	MÃ NHÔM	ĐỘ DÀY(MM)	T.LƯỢNG	TX6101	±0.6	±1.0	HD6101	±0.5	±0.8	CS6101	±0.4	±0.6	ĐẾ 10 LY  <table><tr><th>MÃ NHÔM</th><th>ĐỘ DÀY(MM)</th><th>T.LƯỢNG</th></tr><tr><td>HD3243</td><td>±0.55</td><td>±0.7</td></tr><tr><td>TX3243</td><td>±0.5</td><td>±0.9</td></tr></table>	MÃ NHÔM	ĐỘ DÀY(MM)	T.LƯỢNG	HD3243	±0.55	±0.7	TX3243	±0.5	±0.9	NỆP 10 LY  <table><tr><th>MÃ NHÔM</th><th>ĐỘ DÀY(MM)</th><th>T.LƯỢNG</th></tr><tr><td>HD3242</td><td>±0.5</td><td>±0.4</td></tr><tr><td>TX3242</td><td>±0.7</td><td>±0.6</td></tr></table>	MÃ NHÔM	ĐỘ DÀY(MM)	T.LƯỢNG	HD3242	±0.5	±0.4	TX3242	±0.7	±0.6	ĐẾ 5 LY  <table><tr><th>MÃ NHÔM</th><th>ĐỘ DÀY(MM)</th><th>T.LƯỢNG (KG/M)</th></tr><tr><td>CS9841</td><td>±0.5</td><td>±0.55</td></tr></table>	MÃ NHÔM	ĐỘ DÀY(MM)	T.LƯỢNG (KG/M)	CS9841	±0.5	±0.55																								
MÃ NHÔM	ĐỘ DÀY(MM)	T.LƯỢNG																																																													
TX6101	±0.6	±1.0																																																													
HD6101	±0.5	±0.8																																																													
CS6101	±0.4	±0.6																																																													
MÃ NHÔM	ĐỘ DÀY(MM)	T.LƯỢNG																																																													
HD3243	±0.55	±0.7																																																													
TX3243	±0.5	±0.9																																																													
MÃ NHÔM	ĐỘ DÀY(MM)	T.LƯỢNG																																																													
HD3242	±0.5	±0.4																																																													
TX3242	±0.7	±0.6																																																													
MÃ NHÔM	ĐỘ DÀY(MM)	T.LƯỢNG (KG/M)																																																													
CS9841	±0.5	±0.55																																																													
NỆP 5 LY  <table><tr><th>MÃ NHÔM</th><th>ĐỘ DÀY(MM)</th><th>T.LƯỢNG (KG/M)</th></tr><tr><td>CS9842</td><td>±0.5</td><td>±0.35</td></tr></table>	MÃ NHÔM	ĐỘ DÀY(MM)	T.LƯỢNG (KG/M)	CS9842	±0.5	±0.35	HỘP 12.9 	HỘP 10.8 	HỘP 76*76  <table><tr><th>MÃ NHÔM</th><th>ĐỘ DÀY(MM)</th><th>T.LƯỢNG</th></tr><tr><td>HD6119</td><td>±1.1</td><td>±5.5</td></tr></table>	MÃ NHÔM	ĐỘ DÀY(MM)	T.LƯỢNG	HD6119	±1.1	±5.5																																																
MÃ NHÔM	ĐỘ DÀY(MM)	T.LƯỢNG (KG/M)																																																													
CS9842	±0.5	±0.35																																																													
MÃ NHÔM	ĐỘ DÀY(MM)	T.LƯỢNG																																																													
HD6119	±1.1	±5.5																																																													
HỘP  <table><tr><th>DIE No.</th><th>THK.(mm)</th><th>AxB(mm)</th></tr><tr><td>T6108</td><td>0.7</td><td>25X12</td></tr><tr><td>T6105</td><td>0.7</td><td>19.8X12.8</td></tr><tr><td>T6116</td><td>0.6</td><td>20X10</td></tr></table>	DIE No.	THK.(mm)	AxB(mm)	T6108	0.7	25X12	T6105	0.7	19.8X12.8	T6116	0.6	20X10	U  <table><tr><th>DIE No.</th><th>THK.(mm)</th><th>AxB(mm)</th></tr><tr><td>TX6001</td><td>0.7</td><td>9.5X9.5</td></tr><tr><td>TX6002</td><td>0.7</td><td>12.7X12.7</td></tr><tr><td>TX6003</td><td>0.7</td><td>7X12</td></tr><tr><td>CS6001</td><td>0.41</td><td>9.5X9.5</td></tr><tr><td>CS6002</td><td>0.4</td><td>12.7X12.7</td></tr><tr><td>CS6003</td><td>0.4</td><td>7X12</td></tr></table>	DIE No.	THK.(mm)	AxB(mm)	TX6001	0.7	9.5X9.5	TX6002	0.7	12.7X12.7	TX6003	0.7	7X12	CS6001	0.41	9.5X9.5	CS6002	0.4	12.7X12.7	CS6003	0.4	7X12	V  <table><tr><th>DIE No.</th><th>THK.(mm)</th><th>AxB(mm)</th></tr><tr><td>TX6201</td><td>0.7</td><td>12.7X12.7</td></tr><tr><td>TX6202</td><td>0.7</td><td>19.1X19.1</td></tr><tr><td>TX6203</td><td>0.7</td><td>25.4X25.4</td></tr><tr><td>CS6201</td><td>0.45</td><td>12.7X12.7</td></tr><tr><td>CS6202</td><td>0.48</td><td>19.1X19.1</td></tr><tr><td>CS6203</td><td>0.44</td><td>25.4X25.4</td></tr></table>	DIE No.	THK.(mm)	AxB(mm)	TX6201	0.7	12.7X12.7	TX6202	0.7	19.1X19.1	TX6203	0.7	25.4X25.4	CS6201	0.45	12.7X12.7	CS6202	0.48	19.1X19.1	CS6203	0.44	25.4X25.4	HỘP 100*100  <table><tr><th>MÃ NHÔM</th><th>ĐỘ DÀY(MM)</th><th>T.LƯỢNG</th></tr><tr><td>TX1116</td><td>±1.5</td><td>±9.6</td></tr></table>	MÃ NHÔM	ĐỘ DÀY(MM)	T.LƯỢNG	TX1116	±1.5	±9.6
DIE No.	THK.(mm)	AxB(mm)																																																													
T6108	0.7	25X12																																																													
T6105	0.7	19.8X12.8																																																													
T6116	0.6	20X10																																																													
DIE No.	THK.(mm)	AxB(mm)																																																													
TX6001	0.7	9.5X9.5																																																													
TX6002	0.7	12.7X12.7																																																													
TX6003	0.7	7X12																																																													
CS6001	0.41	9.5X9.5																																																													
CS6002	0.4	12.7X12.7																																																													
CS6003	0.4	7X12																																																													
DIE No.	THK.(mm)	AxB(mm)																																																													
TX6201	0.7	12.7X12.7																																																													
TX6202	0.7	19.1X19.1																																																													
TX6203	0.7	25.4X25.4																																																													
CS6201	0.45	12.7X12.7																																																													
CS6202	0.48	19.1X19.1																																																													
CS6203	0.44	25.4X25.4																																																													
MÃ NHÔM	ĐỘ DÀY(MM)	T.LƯỢNG																																																													
TX1116	±1.5	±9.6																																																													

*Công nghệ tiên phong
Chất lượng vượt trội*





VAN XUAN THANH

ALUMINIUM CO.,LTD



CÔNG TY TNHH MTV NHÔM VẠN XUÂN THÀNH

 Thửa số 225 và 704, Tờ bản đồ số 16, Khu phố Bến Sắn, Phường Tân Hiệp, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

 www.nhomvanxuanthanh.com

 nhomvanxuanthanh2016@gmail.com



Hotline: 
1900 63 84 99

SCAN THE CODES FOR / QUÉT MÃ ĐỂ XEM



CATALOG



**HỒ SƠ
NĂNG LỰC**